

DẢNG BỘ LỊCH  
DẢNG BỘ XÃ SÙNG NHƠN

# SÙNG NHƠN

*Những chặng đường đấu tranh*

**CÁCH MẠNG**

(11/1964 - 11/1994)

XUẤT BẢN NĂM 1994

Chịu trách nhiệm xuất bản :

**LÊ VĂN NĂM**

Bí thư Đảng ủy xã

Biên soạn :

**TRẦN MẠCH TUÔNG**

Trình bày bìa :

**HAK QUANG**

Sửa bản in :

**TRẦN THỊ HÀ NHI**

## LỜI NÓI ĐẦU

Sùng Nhơn, một xã mới hình thành từ sau năm 1961 ở Bắc sông La Ngà, thuộc huyện Đức Linh. Cũng như bao vùng quê khác ở miền Nam, bom đạn Mỹ - nguy chà đi xát lại nhiều lần từ năm 1964 - 1975 trên đất Sùng Nhơn. Nhưng những người dân mang truyền thống cách mạng từ quê hương Quảng Nam anh hùng sinh sống trên quê hương mới đã kiên cường bám trụ suốt hơn 10 năm vừa sản xuất, vừa chiến đấu xây dựng vùng căn cứ cách mạng góp phần vào thắng lợi chung trong cuộc đấu tranh giải phóng quê hương và Bắc Hồ đã chọn.

Để ghi lại những truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân xã Sùng Nhơn trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và 19 năm xây dựng quê hương đi lên Chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ xã chủ trương biên soạn quyển lịch sử truyền thống "SÙNG NHƠN -

**NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG,**  
15-11-1964 - 15-11-1994" vừa để chào mừng kỷ niệm  
30 năm giải phóng Sùng Nhơn và làm tài liệu giáo  
dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ con người  
ở Sùng Nhơn.

Nhờ có sự đóng góp tư liệu của nhân dân trong  
xã, cùng các đồng chí đã từng sống, chiến đấu, công  
tác trên đất Sùng Nhơn và trong huyện Hoài Đức năm  
xưa, huyện Đức Linh ngày nay. Đồng thời Đảng bộ  
xã cũng nhận được sự giúp đỡ của các cơ quan lưu  
trữ trong tỉnh, trong huyện cung cấp những tài liệu  
có liên quan đến lịch sử xã Sùng Nhơn. Sau một thời  
gian tiến hành khai thác tư liệu và biên soạn rất khẩn  
trương, đến nay quyển lịch sử truyền thống xã đã hoàn  
thành.

**SÙNG NHƠN - NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẤU TRANH**  
**CÁCH MẠNG** không tránh khỏi hạn chế. Đảng bộ xã  
mong các đồng chí, đồng bào tiếp tục góp ý bổ sung  
để lần tái bản sau, quyển sử được hoàn chỉnh hơn.

**ĐẢNG BỘ XÃ SÙNG NHƠN**

## I

### QUÊ HUƠNG SÙNG NHƠN

Sùng nhơn ngày nay là một xã thuộc huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Phía Đông của xã giáp xã Mê Pu ; phía Bắc có dãy núi B'nom PanLon, cao 581m nối liền với cao nguyên Di Linh <sup>(1)</sup> và giáp với huyện Đa Oai (tỉnh Lâm Đồng) ; phía Nam giáp xã Võ Xu và phía Tây giáp Đa Kai - một phần đất trước đây của Sùng Nhơn mới được tách thành xã từ năm 1990.

Trở lại thời xa xưa, Sùng nhơn là một vùng đất chưa được khai khẩn. Trên bản đồ, vùng đất Sùng Nhơn xưa chỉ có tên DAMINOU thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa. Thời Pháp thuộc, vùng này đã có một số dân người K'Ho sinh sống theo lối du canh, du cư nay đây mai đó, cứ làm xong mấy mùa rẫy họ lại chuyển đi nơi khác. Trước 1960, cũng có một số đồng bào dân tộc đã sống ở đây, nên năm 1961, khi đồng bào Quảng Nam vào còn dấu vết nhà cửa, chum chóc của đồng bào.

(1) Theo bản đồ UTM của Mỹ in năm 1964.

Do cảnh đẹp của núi rừng vùng này, trước năm 1945 khi Bảo Đại làm vua, thường tổ chức săn bắn ở núi Con Sò, câu cá ở Đa Kai vùng đất của Sùng Nhơn nơi có nhiều đầm sen mọc đầy, lắm cá và hoa rừng bạt ngàn vào mùa mưa, sang đầu mùa khô. Trong 9 năm nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ 2 (1946 - 1954), địch đóng một đồn ở Đa Kai để bảo vệ đường 20 và vùng Võ Đất. Sau 1954, Mỹ - Diệm phân bội hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam, chúng lập nhiều đơn vị hành chánh mới ở miền Nam. Năm 1956, chúng cắt một phần đất của Lâm Đồng, Biên Hòa lập huyện Hoài Đức và cùng 2 huyện Hàm Tân, Tánh Linh của Bình Thuận lập thành tỉnh Bình Tuy. Sùng Nhơn thuộc chi khu Hoài Đức của chúng. Đầu năm 1961, Mỹ - Diệm thực hiện kế hoạch xây dựng các khu dinh điền ở Nam Tây Nguyên, nhằm đưa dân đến khai thác vùng đất mới. Đồng thời cũng nhằm mục đích chia cắt những người cách mạng ở quê hương đất Quảng có truyền thống yêu nước, là vùng tự do của ta trong kháng chiến chống Pháp và lập nên khu dinh điền Đa Mi nou I (tên con suối trong xã), sau gọi Sùng Nhơn I (nay là thôn I). Tiếp đến năm 1963 chúng đưa tiếp dân Quảng Nam vào lập nên khu dinh điền Đaminou II, sau gọi Sùng Nhơn II (nay là thôn II). Tên xã Sùng Nhơn ra đời từ đó.

Sùng Nhơn I, là nơi tiếp giáp với sông La Ngà ở phía Nam. Vượt sông, sang xã Võ Xu là nơi chiếm đóng của địch. Vì vậy, Sùng Nhơn I là cửa ngõ của ta tiến vào vùng địch kiểm soát, cũng là nơi đồng bào trong vùng tạm bị chiếm liên lạc với vùng căn cứ kháng chiến.

Còn Sùng Nhơn II, là nơi rừng núi rậm rạp nối liền với Đa Kai, Phương Lâm, Đa Oai... Có nhiều suối, nước chảy quanh năm, rất thuận lợi cho ta đóng căn cứ.

Những ngày tháng sống trong khu dinh điền của địch, lòng người dân yêu nước quận đau trước cảnh đất nước bị chia cắt và lệ thuộc đế quốc Mỹ. Vốn có truyền thống cách mạng kiên cường và được phong trào đồng khởi của Bến Tre của nhân dân miền Nam cổ vũ. Cũng là thời điểm nhiều nơi trong tỉnh, trong huyện đang thể tấn công tiêu diệt kẻ thù giải phóng quê hương. Ngày 15-11-1964 nhân dân Sùng Nhơn cùng các xã Bắc sông La Ngà đứng lên đánh đổ thế kềm kẹp của Mỹ - Ngụy giành quyền làm chủ.

Cùng với các xã Bắc sông, sau khi giải phóng ta thành lập chính quyền tự quản. Về mặt tổ chức ta đổi xã Sùng Nhơn I thành xã Hòa Minh, Sùng Nhơn II đổi thành xã Hòa Vinh.

Phong trào đồng khởi của cách mạng miền Nam trong những năm 1960 - 1964 đã đánh đổ chế độ Mỹ - Ngụy ở nhiều tỉnh. Để cứu nguy cho chế độ tay sai ở miền Nam, năm 1965 Mỹ trực tiếp đưa quân vào tham chiến, mở đầu cho chiến lược "chiến tranh cục bộ" của chúng. Ở Hoài Đức, tháng 11-1965 chúng mở cuộc hành quân dài ngày với lực lượng 8.000 tên có cả xe tăng, pháo binh, máy bay tấn công vào các xã giải phóng Bắc sông La Ngà xức tát một số dân đưa về Nam sông. Từ đó, vùng giải phóng chỉ còn một số dân, ta vẫn tiếp tục xây dựng căn cứ kháng chiến. Đồng bào ở Sùng Nhơn, Mê Pu bị địch dồn về Nam sông là vùng tạm bị chiếm

lập lên xã mới có 2 ấp : Nhơn Hòa và Nhơn Đức nằm giữa 2 xã Võ Đắc, Võ Xu, trên lộ 334, gần Cầu Cháy. Đến tháng 8-1968, thực hiện chủ trương của Khu ủy Khu 6 tách các huyện : Hàm Tân, Tân Linh, Hoài Đức, La Gi lập tỉnh Bình Tuy. Cùng thời điểm này, Tỉnh ủy Bình Tuy chủ trương sát nhập hai xã Sùng Nhơn I và Sùng Nhơn II thành xã Sùng Nhơn. Đến tháng 3-1970, Khu 6 thành lập huyện căn cứ Nam Thành bao gồm các xã ở Bắc sông, xã Sùng Nhơn thuộc huyện căn cứ Nam Thành cho đến năm 1975.

Sau 1975, nhân dân vùng tạm bị chiếm về lại vùng đất cũ. Đồng thời tỉnh Thuận Hải thực hiện chủ trương thành lập các vùng kinh tế mới của Nhà nước, nhiều đồng bào ở các huyện bạn, tỉnh bạn đến khai hoang vùng đất mới lập nên các thôn 3, 4, 5 và 6 Sùng Nhơn ngày nay. Năm 1977, thực hiện chủ trương xây dựng những nông trường quốc doanh sản xuất chuyên canh các loại cây con trong nông nghiệp, tỉnh Thuận Hải thành lập nông trường lúa Đa Kai. Nhiều cán bộ, công nhân trong tỉnh và các tỉnh bạn đến làm việc ở đây. Đến năm 1990, do yêu cầu sắp xếp lại tổ chức hành chính, trên địa phận nông trường hình thành một xã mới : xã Đa Kai. Và Sùng Nhơn chỉ còn ranh giới như ngày nay (1994).

\*  
\* \*

Xã Sùng Nhơn ở vào vị trí rìa chân núi của dãy núi B'nom Panlon nối liền với rừng núi Nam Tây Nguyên



hùng vĩ ở phía Bắc của xã, Phía Nam có sông La Ngà uốn khúc chảy qua, chia ranh giới xã nhà với xã Võ Xu và các xã khác trong huyện, đồng thời chia Đức Linh thành hai vùng Nam - Bắc sông. Nền địa hình của xã cao dần lên hướng Bắc và thấp ở phía Nam. Nhưng do phù sa sông La Ngà bồi đắp bao đời nay và do tác động của thiên nhân bào mòn đôi núi đã tạo nên cánh đồng hai bên bờ sông. Năm 1961, nhân dân hai khu dinh điền Sùng Nhơn I và II khai thác được 1.000 ha. Ngày nay, diện tích của xã có khoảng 3.600 ha, trong đó gần 1.500 ha đã đưa vào sản xuất nông nghiệp, còn lại là đất rừng và rừng núi.

Là một xã ở vào vị trí như vậy, khí hậu ở Sùng Nhơn có hai mùa mưa nắng rõ rệt. Nhiệt độ trung bình  $25,4^{\circ}\text{C}$ . Ở Đức Linh là vùng mưa sớm của tỉnh Bình Thuận. Sùng Nhơn là vùng mưa sớm của huyện Đức Linh và thời gian mưa cũng kéo dài hơn so với các xã ở đồng bằng trong tỉnh. Mỗi năm vào khoảng tháng 4 đến tháng 9 âm lịch gió nồm (nam) thổi mang hơi nước từ biển, sông ngòi đến và bị các dãy núi cao ở phía Bắc che chắn nên gây mưa nhiều. Mưa nhiều, kết hợp với nước từ trên nguồn đổ về sông La Ngà hay gây lũ lụt cho các xã ven sông. Nhưng nhờ lượng nước ấy đã tạo điều kiện làm hai đến ba vụ lúa khi ta có hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh. Mùa khô Sùng Nhơn từ tháng 10 đến tháng 3 âm lịch năm sau, chịu ảnh hưởng gió bắc nên khô, kết hợp với khí hậu miền núi nên hay có sương mù.

Với vị trí, địa hình như vậy, sông suối ở Sùng Nhơn cũng như các xã khác ở Bắc sông La Ngà đều bắt nguồn

từ núi cao. Sông La Ngà bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh uốn khúc chảy qua La Ngâu, La Dạ, Tà Bao đến Đa Kai rồi chảy qua Định Quán tỉnh Đồng Nai. Con sông lớn nhất trong vùng này được các con sông, con suối từ các dãy núi cao dồn nước xuống trong mùa mưa nên nước rất lớn, dòng nước chảy cuộn cuộn tràn ngập đôi bờ và ở những vùng thấp thường bị ngập úng, cản trở giao thông cho các xã Bắc sông và Nam sông trong mùa mưa bão. Mùa khô trong dòng sông vẫn còn nước nhưng lưu lượng thấp. Ngược lại, mỗi lần nước ngập đồng, phù sa được con sông mang đến bồi đắp nhiều cánh đồng màu mỡ, trong đó có cánh đồng của xã Sùng Nhơn. Khi sông La Ngà chảy qua địa phận Sùng Nhơn nó được các con suối từ lộ 20 chảy qua Đa Kai nhập vào. Rồi con suối Đa R'ban, Đa R'mê từ sườn núi phía Bắc xã chảy xuống và con suối Đa Trâm Bóc giáp với xã Mê Pu chảy về v.v... các con suối này nhân dân thường gọi suối Chu Lu, suối Cọp, suối Tre, suối Cua Đinh... và có khe Cát nước chảy quanh năm, có nhiều cá. Đặc biệt có suối nước nóng ở Rô Mô - Đa Kai (nay thuộc xã Đa Kai). Nhưng hầu hết các con suối sau khi dồn nước cho sông La Ngà trong mùa mưa, đến mùa khô hầu như cạn nước. Con sông La Ngà chảy qua địa phận Đức Linh dài 71km. Đoạn sông qua Sùng Nhơn dài hơn 23km uốn lượn quanh co, mùa khô có đoạn khô cạn nước nhân dân thường lội qua sang các xã bạn ở Nam sông. Bên cạnh các con suối, Sùng Nhơn còn có nhiều bàu, vũng có nhiều loại cá như cá tràu, cá rô, lươn... trong đó Bàu Sen có cả cá sấu. Các bàu là nguồn cung cấp thực phẩm cho nhân dân trong vùng.

Trên những cánh đồng Sùng Nhơn, do được con sông La Ngà mang phù sa đến bồi đắp nên trồng được các cây lương thực, cây đậu các loại, trong đó lúa có diện tích nhiều hơn. Phía Bắc của xã là đất rừng. Là một xã vừa có đồng bằng, vừa có thể mạnh về rừng với nhiều loại gỗ quý như : cẩm lai, gõ... nhiều loại thú rừng như : hươu, nai, voi, cọp... và nhiều cây dược liệu. Đã từ lâu nhân dân trên vùng đất này vừa làm nghề nông vừa khai thác rừng như chặt gỗ, săn bắn. Những năm gần đây nhân dân trồng thêm cây đào lộn hột (điều). Những lúc thời gian rỗi rãi và vào mùa khô, nhân dân còn đi bắt cá, bắt lươn. Trước 1975, Mỹ - Ngụy dùng chất độc hóa học, cùng bom pháo hủy diệt vùng đất này để tiêu diệt lực lượng kháng chiến, hủy diệt sự sống, nhưng là vùng nhiệt đới nên cây cối vẫn rậm rạp, bạt ngàn. Trên cánh đồng phía Nam của xã do chiến tranh, một số nhân dân bị địch dồn vào các khu tập trung, nhân dân vùng giải phóng còn lại phải rút sâu vào núi, đất không khai thác hết đã mọc thành rừng non và cỏ lau, cỏ tranh đua nhau mọc đầy. Sau thắng lợi năm 1975, nhân dân trở lại vườn đất cũ, khai thác lại đất đai, mở rộng diện tích trồng trọt như hiện nay. Về chăn nuôi, nhân dân nuôi gia cầm, gia súc, để làm sức kéo và lấy thịt. Riêng về rừng, từ sau 1975 nhân dân khai thác gỗ để lấy đất trồng trọt, làm củi và xây dựng nhà cửa sau bao năm chiến tranh bị tàn phá. Nhưng từ 1986 đến nay, rừng không được quản lý chặt chẽ. Vì vậy, rừng khai thác nhiều nơi không có kế hoạch đã hủy hoại khá nhiều. Ngày nay, muốn chặt gỗ tốt, gỗ to phải ngược lên giáp ranh với rừng núi

Lâm Đồng mới có. Nên việc bảo vệ và trồng rừng cũng được đặt ra ở Sùng Nhơn.

Về giao thông, trước 1954 vùng này là rừng núi cây cối còn rậm rạp, dân cư thưa thớt nên chỉ có những đường mòn của đồng bào đi làm rẫy khai thác lâm - thổ sản. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất, chúng mở nhiều con đường giao thông như quốc lộ I (gọi là đường Thiên Lý), đường sắt từ Bắc vào Nam trong những năm đầu thế kỷ 20. Tiếp theo đó, chúng mở các con đường số 8 (nay đường 28) từ Phan Thiết đi Bảo Lộc. Và từ Đà Lạt chúng mở con đường số 20 đi Định Quán nối với quốc lộ 1A. Cũng vào thời gian đó, chúng mở con đường từ Ngã ba Ông Đồn đi Võ Đất, còn gọi là lộ 3.

Trong những năm nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chế độ độc tài Sài Gòn vì mục đích khai thác vùng Bắc sông và để phục vụ cho việc đánh chiếm vùng giải phóng của ta nên chúng đã mở thêm nhiều con đường như đường lộ 334 (từ Bà Xa đi Võ Đất), đường 336 nối đường 334 (gần xóm 10 nhà) đi Tân Linh ; đoạn dưới xóm 10 nhà có 1 lộ đất nối xã Sùng Nhơn với đường lộ 334 được mở từ năm 1961 khi Diệm lập khu dinh điền, Còn về ta, từ năm 1966, Khu 6 mở con đường hành lang vận chuyển hàng hóa thông suốt từ Ninh Thuận vào Bình Thuận qua Bình Tuy và thông với đường hành lang ở miền Đông Nam bộ. Con đường khi đi qua Sùng Nhơn bắt nguồn từ đèo Xa Ra qua đèo 300 đến đường 20. Con đường được gọi "đường tiền phương" của ba tỉnh. Trên con đường này, nhân dân

Sùng Nhơn đã đi dân công tham gia vận chuyển hàng từ Trung ương Cục (R) về tỉnh. Nhưng bom đạn của kẻ thù đánh phá vùng giải phóng đã làm nhiều đoạn đường 336 bị hư hại nặng. Sau năm 1975 đến nay, với nỗ lực của nhân dân và chính quyền, ta đã tu sửa lại các con đường để tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cho nhân dân. Trong xã Sùng Nhơn đã hình thành nhiều con đường liên xã, liên thôn và nối liền với các xã trong huyện, trong tỉnh.

\*

\* \*

Sùng Nhơn vốn xưa kia là vùng đất hoang vu, hẻo lánh, nên trước 1960 chỉ có số đồng bào dân tộc K'Ho sinh sống theo lối du canh, du cư. Đến năm 1961, Mỹ - Diệm thực hiện chính sách dinh điền chúng cưỡng bức nhân dân các huyện Duy Xuyên, Đại Lộc, Quế Sơn, Tam Kỳ, Hòa Vang vào lập nên khu dinh điền Sùng Nhơn I và năm 1963 lập nên khu dinh điền Sùng Nhơn II. Đồng bào K'Ho ở đây chỉ còn một gia đình của ông K'Bôn sống dọc theo suối Chu Lu. Ông này vốn trước đi lính Pháp, sau 1954 ở lại và được đội công tác K4 của Lâm Đồng móc nối xây dựng thành cơ sở cách mạng. Sau đó có một số đồng bào Nùng ở Tân Phú đến làm ruộng trên cánh đồng năm sao trắng v.v... Đồng bào trong các khu dinh điền Sùng Nhơn I, II đều là người Kinh. Một số người theo đạo thiên chúa, còn lại phần nhiều đồng bào theo đạo Phật.

Do vị trí Sùng Nhơn như vậy, trước cách mạng tháng 8-1945 Pháp chỉ đóng đồn ở Võ Đất và thị trấn Tánh Linh. Khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945 chúng đưa quân lên Võ Đất, quân Pháp rút qua sông La Ngà. Sau khi Nhật rút đi, quân Pháp trở lại chiếm đóng Võ Đất. Cách mạng tháng 8-1945 thành công nhân dân ta đánh đổ cả Pháp và Nhật giành được chính quyền. Nhưng những ngày độc lập tự do thật ngắn ngủi, cuối tháng 1-1946 thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Cuối tháng 2-46 chúng trở lại chiếm đóng Võ Đất, Pháp đưa 1 trung đội nguy binh đến đóng đồn trên đồi Bảo Đại. Từ vị trí này chúng cho quân càn quét trong vùng. Nhưng đến tháng 12-1946, trung đội 4, chi đội 10 của bộ đội miền Đông Nam bộ đánh đồn Bảo Đại, diệt địch giải phóng Võ Đất, Trà Tân, Võ Xu và cùng với các xã giải phóng Tánh Linh tạo nên căn cứ kháng chiến chống Pháp. Đến đầu năm 1949, để chiếm lại Võ Đất, ngăn chặn thế tấn công của ta đang phát triển, chúng tổ chức đánh chiếm Võ Đất, Võ Xu. Trong đợt càn này với lực lượng lớn chúng bắn phá, tàn sát nhiều dân lành, đốt phá nhiều nhà cửa và dồn dân về Tánh Linh. Từ 1950 suốt một dải từ Võ Xu, Võ Đất, Trà Tân không có dân sinh sống. Một số đồng bào dân tộc ở Trà Tân bất hợp tác với địch đã rủ nhau ra sống ven sông La Ngà. Số đồng bào này thành cơ sở của ta, giúp cán bộ qua lại trên sông khi đi công tác. Khi đánh chiếm lại vùng Võ Đất, Võ Xu chúng đưa 1 trung đội lính nguy đóng đồn ở Đa Kai nhằm bảo vệ đường 20 và Võ Đất, Võ Xu. Đây là đồn địch đầu tiên trên đất Sùng Nhơn.

Đầu tháng 4-1954, hòa chung với tiếng súng ở Điện Biên Phủ, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định mở chiến dịch tiêu diệt địch ở huyện lỵ Tánh Linh. Ngày 8-4-1954, huyện lỵ Tánh Linh được giải phóng. Lực lượng cách mạng chia làm hai cánh diệt đồn địch ở Suối Kiết, Gia Huỳnh và Đa Kai. Cánh quân tiến lên Đa Kai với lực lượng có một trung đội tăng cường và một số du kích người dân tộc dẫn đường. Do đồn địch ở Đa Kai đóng sát đường 20. Trong khi đó ta phải hành quân từ Tánh Linh qua, khi đến địa điểm tập kết chậm, địch phát hiện ra ý đồ của ta, trung đội địch ở đồn Đa Kai hoang mang. Khi biết ta tấn công, ngay đêm 9-4 chúng đã tháo chạy. Đa Kai không còn bóng quân giặc đã nối liền với vùng giải phóng Tánh Linh và Di Linh.

Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời do Pháp quản lý, hai năm sau (20-7-1956) tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhưng Mỹ có âm mưu xâm lược nước ta đã từ lâu nên chúng đã dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, tuyên bố xé bỏ hiệp định, hô hào lấp sông Bến Hải để "Bắc tiến". Trong những năm từ 7-1954 - 7-1956, chúng tiến hành "tố cộng" ở các huyện đồng bằng, ở vùng rừng núi Tánh Linh chúng cho quân hành quân thăm dò để thị uy. Đến ngày 19-05-1955 chúng tiến hành tiếp quản vùng giải phóng của ta ở Tánh Linh với cuộc hành quân Trương Tấn Bửu <sup>(1)</sup>. Sau khi chiếm cứ vùng

(1) Trương Tấn Bửu là tên của chiến dịch tố cộng của địch ở vùng 3 chiến thuật.

này, từ năm 1957 chúng tiến hành quốc sách lập các khu dinh điền ở Bắc sông La Ngà như khu dinh điền Bắc Ruộng gom đồng bào các dân tộc trong vùng về đây. Còn các nơi khác như ở Mê Pu, Sùng Nhơn, Võ Xu, Võ Đất chúng cưỡng bức di dân các tỉnh thuộc vùng tự do Liên khu 5 của ta trong kháng chiến chống Pháp vào. Đồng bào Quảng Ngãi bị dồn vào ở Nam sông, đồng bào Quảng Nam bị dồn vào ở Bắc sông. Chính trong bối cảnh đó, năm 1961 và 1963 đồng bào một số huyện ở Quảng Nam bị dồn vào lập nên xã Sùng Nhơn I và Sùng Nhơn II.

Với đặc điểm của xã Sùng Nhơn là ở vào một vị trí xa đồng bằng, rừng núi rậm rạp, có con sông La Ngà ngăn cách với các vùng khác trong tỉnh, trong huyện. Vì vậy cùng với các xã khác ở Bắc sông là nơi thuận lợi cho ta làm căn cứ kháng chiến, vừa có điều kiện tiến lên Nam Tây Nguyên, không chế đường 20. Đồng thời, với những sản vật hiện có trong địa phương có thể tự cung, tự cấp nguồn tiếp tế cho kháng chiến. Cũng với vị trí này, thuận lợi cho lực lượng của trên đứng chân tiến về giải phóng các xã Nam sông và theo đường 20 tiến về Sài Gòn. Cũng chính vị trí Sùng Nhơn và các xã Bắc sông như vậy, kẻ thù rất lo sợ và ra sức giành lại vị trí này với bằng tất cả sức lực của chúng. Nên giữa ta và địch giằng co quyết liệt, làm cho Sùng Nhơn trở thành một điểm sôi động trong vùng. Cuộc chiến đấu của quân dân Sùng Nhơn trở nên ác liệt và vô cùng anh dũng.

\*

\* \*





## II

### NHÂN DÂN SÙNG NHON ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG QUÊ HUƠNG (1961 - 1965)

Sau cuộc nổi dậy của nhân dân Bến Tre (17-1-1960) phong trào đồng khởi của cách mạng miền Nam bước sang giai đoạn mới. Chế độ Mỹ - Diệm bị lung lay nhiều nơi, bọn tay sai hoang mang dao động, báo hiệu "Chiến lược tổ cộng, diệt cộng", một chiến lược dựa vào phương thức cảnh sát là chủ yếu do Phân cục tình báo (CIA) Hoa Kỳ ở Sài Gòn chỉ đạo từ cuối 1954 đến 1960 đã ta thành mây khói. Để cứu vãn, hà hơi tiếp sức cho chế độ tay sai ở Sài Gòn, đế quốc Mỹ đề ra "Chiến lược chiến tranh đặc biệt" với phương thức : lực lượng quân đội Ngụy làm lực lượng chủ yếu dưới sự chỉ đạo và chi viện kể cả cố vấn, trang bị và chi phí chiến tranh của Mỹ.

Từ năm 1956, chúng thành lập thêm tỉnh Bình Tuy thuộc vùng 3 chiến thuật. Vì vậy, các chính sách gom

dân, lập ấp chiến lược ở đây do lực lượng địch ở miền Đông Nam bộ điều hành. Sau khi khu dinh điền, khu trù mật một hình thức tổ chức gom dân của chúng trong những năm 1954 - 1960 bị phá sản, chúng chuyển sang "Chiến dịch xây dựng nông thôn" trong thời gian từ 12-8-1961 đến 14-2-1962 và 3 tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và Bình Tuy là nơi chúng làm thí điểm. Đến 17-4-1962 những kinh nghiệm và nguyên tắc trong chiến dịch xây dựng nông thôn được chúng nâng lên thành quốc sách ấp chiến lược và đến 8-1962 chúng bắt đầu triển khai trên toàn miền Nam. Ngay từ 1957, sau khi tiến hành các đợt "tố cộng" ở đồng bằng, chúng chuyển lên đánh phá phong trào cách mạng ở miền núi với chiến dịch "Thượng du vận". Đến năm 1959, chúng đã dồn dân các xã Đông Bắc huyện Tân Lễ Linh vào các khu dinh điền Bắc Ruộng, Đồng Kho, Đồng Me, Gia Bát... Trong đó, khu dinh điền Bắc Ruộng, có gần 5.000 người bao gồm đồng bào các dân tộc KHo ở các thôn La Ngâu, La Dạ, Cà Dòn, Mang Tố... bị dồn về đây. Khi địch chia Tân Lễ Linh thành hai quận Hoài Đức ở Bắc sông và Tân Lễ Linh Nam sông La Ngà. Từ 1957 - 1960 chúng tiếp tục cưỡng ép dân ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi vào lập các khu dinh điền ở Trà Tân có 1.500 người, Võ Đất 2.000 người, Võ Xu 3.000 người... Đến đầu năm 1961, chúng dồn số đồng bào ở các huyện, Quế Sơn, Duy Xuyên, Tam Kỳ, Đại Lộc thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng vào lập nên khu dinh điền Sùng Nhơn I. Đến năm 1963 chúng dồn tiếp đồng bào từ đất Quảng vào lập nên Sùng Nhơn II. Đây là các khu dinh điền cuối cùng của địch ở Bình Tuy.

Nhân dân Sùng Nhơn mang trong lòng truyền thống cách mạng của đất Quảng Nam, nơi có phong trào chống giặc ngoại xâm cùng với cả dân tộc Việt Nam viết nên những trang sử hào hùng. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, những người con ưu tú của đất Quảng tiếp thu đường lối của Đảng, tập hợp lực lượng, ngày 28-3-1930 lập chi bộ Cộng sản đầu tiên của tỉnh. Cuộc đấu tranh một mất, một còn với kẻ thù trong cao trào hưởng ứng Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931 các đồng chí đảng viên đã lãnh đạo nhân dân đứng dậy đấu tranh đòi cơm áo tự do, bỏ các loại thuế bất hợp lý. Các cuộc đấu tranh ấy bị kẻ thù dìm trong biển máu. Nhưng dựa vào quần chúng, dựa vào dân, sau cuộc khủng bố trắng của kẻ thù trong những năm 1931 - 1932 cơ sở Đảng vẫn được phát triển. Trong năm 1933 - 1935 phong trào cách mạng của quần chúng được khôi phục, tổ chức Đảng được phát triển và Tỉnh ủy lâm thời được thành lập. Trong phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ (1936 - 1939) phong trào lại bị địch đàn áp, các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ bị địch bắt, bị lưu đày, nhiều người phải tránh lánh đi nơi khác. Nhưng khí thế cách mạng trong lòng người dân đất Quảng như sóng biển lại trào dâng khi những người cộng sản ra tù tiếp tục khôi phục phong trào. Tháng 3-1940, tổ chức Tỉnh ủy lâm thời được khôi phục lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc đấu tranh giành chính quyền.

Cách mạng Tháng 8-1945 đã thành cao trào trong cả nước. Nhân dân các huyện trong tỉnh Quảng Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã đứng dậy giành chính quyền thắng lợi vào ngày 26-8-1945. Trong khí thế ấy, với quyền

người dân làm chủ, chính quyền cách mạng lâm thời được thiết lập từ tỉnh đến các xã. Những ngày độc lập chưa được bao lâu, ngày 23-09-1945 Pháp gây hấn tại thành phố Sài Gòn và đến 2-1946 chúng đánh chiếm các tỉnh Nam bộ và Nam Trung bộ. Đến 3-1946, quân Pháp đóng quân ở Đà Nẵng theo quy định Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 đã ký giữa Chính phủ ta với Chính phủ Pháp. Nhưng sau đó chúng phản bội hiệp định, tấn công ta nhiều nơi. Để chuẩn bị kháng chiến, đến tháng 11-1946 Trung ương chủ trương sát nhập tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành một đơn vị hành chính. Từ đó nhân dân hai tỉnh bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc (12-1946). Quân địch từ Đà Nẵng đánh chiếm các huyện của đất Quảng đều bị quân dân ta chặn đánh, bao vây, giam chân chúng tại Đà Nẵng. Từ cuối 1947, trên đất Quảng Nam - Đà Nẵng đã hình thành hai vùng : vùng tạm bị chiếm và vùng tự do. Các huyện vùng tự do Tam Kỳ, Thăng Bình, Tiên Phước, Quế Sơn, Trà Mi nối liền với vùng tự do của tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên làm hậu cứ vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5. Đồng bào trong vùng bị tạm chiếm Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc, Hòa Vang... ngày đêm sống dưới sự kềm kẹp của kẻ thù vẫn hướng về Đảng, về cách mạng, góp phần vào cuộc kháng chiến vùng sau lưng địch.

Thắng lợi của ta trên các chiến trường và nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm thất bại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp; buộc chúng ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam, công nhận độc lập, chủ quyền của nước ta.

Nhưng Pháp thua, Mỹ nhảy vào xâm lược miền Nam, nhân dân đất Quảng kiên cường cùng cả miền Nam bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Kẻ thù mới với những âm mưu, thủ đoạn mới chúng đánh phá cách mạng với nhiều hình thức : tổ cộng, tập trung vào các khu trù mật, khu dinh điền, phân loại nhân dân, đàn áp khủng bố cán bộ, đảng viên và cơ sở cách mạng bất chấp các điều khoản hiệp định Giơ-ne-vơ quy định. Ngay trong ngày 5-9-1954 trên các vùng đất Quảng Nam, địch đã gây ra vụ thảm sát Hà Lam - Chợ Đước giết hại 31 người và 30 người khác bị thương. Đến ngày 7-9-1954 chúng lại gây ra vụ thảm sát trả thù những người kháng chiến cũ, giết 64 người và 76 người khác bị thương. Ngày 23-9 và 1-10-1954, chúng lại gây ra vụ thảm sát Chiên Đàn và Cây Cóc. Riêng vụ Cây Cóc chúng giết chết và làm bị thương 330 người. Bản chất cực kỳ phản động của Mỹ - Diệm đã bộc lộ ngay từ đầu khi thi hành hiệp định. Bọn công an, cảnh sát, bọn phản động Quốc dân Đảng đã hung hăng lùng sục từng nhà bắt bớ, tra tấn từng người hòng uy hiếp tinh thần yêu nước của người dân xứ Quảng. Nhưng từ khi có bản đề cương "Đường lối cách mạng miền Nam", phong trào cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới : Đấu tranh chính trị có kết hợp với đấu tranh vũ trang. Với tinh thần đó nhân dân các tỉnh miền Tây Khu 5 đứng lên chống địch, trong đó cuộc khởi nghĩa Trà Bông và miền Tây Quảng Ngãi trong 8-1959 là bước phát triển mới của cách mạng trong vùng. Trước khi thế cách mạng của ta đang phát triển ; để nhằm chia cắt, phân tán lực lượng cách mạng của ta và thực hiện ý đồ tập trung dân, khai thác vùng đất mới cho

chúng, chính quyền Mỹ - Ngụy ở Quảng Nam cưỡng ép đưa dân vào khai phá lập nên các khu dinh điền Bắc sông La Ngà. Vào tháng 6-1961 chúng đưa nhiều gia đình vào thiết lập khu dinh điền Sùng Nhơn I có 3 thôn. Tiếp đến tháng 3 năm 1963 chúng đưa 180 gia đình với 900 nhân khẩu vào lập nên Sùng Nhơn II, có 4 thôn.

Trước khi đưa dân vào lập khu dinh điền ở Bắc sông La Ngà, người dân tại các vùng quê đất Quảng đều bị chúng tịch thu ruộng đất của kháng chiến cấp cho nông dân trước đây đã làm cho họ không có ruộng cày. Mặt khác, các đợt tố cộng và luật 10/59 đã làm cho những người dân cách mạng, đảng viên bị khủng bố nên việc tổ chức lãnh đạo của ta tại địa phương gặp nhiều khó khăn, nhiều đảng viên đứt liên lạc, hoặc nằm im, thậm chí có kẻ đầu hàng chúng. Trong khi đó, chúng tuyên truyền chính sách "Điền địa" của Ngô Đình Diệm để dễ dàng đưa dân đi các vùng khác sinh sống. Trong các làng xóm, chúng phân loại các gia đình cách mạng, ai đưa đi, ai ở lại và cùng với nhiều người dân nghèo tổ chức thành bộ máy từ ngoài đất Quảng vào. Trong khi đó, vùng đất hoang hóa ở Bắc sông La Ngà đã được chặt, ủi để nhân dân đến ở. Khi những người dân đặt chân đến vùng đất mới sinh lầy, cuộc sống của họ phải làm lại từ đầu.

Lúc bấy giờ, Sùng Nhơn I, II là hai địa điểm dinh điền thuộc khu dinh điền Bình Tuy do phủ Tổng ủy dinh điền Trung ương ngụy điều hành, chưa phải là một tổ chức xã hành chánh thuộc Bộ Nội vụ. Mỗi địa điểm dinh điền có một bộ máy hành chánh gồm địa điểm trưởng, phụ tá, thư ký, thủ kho và có lực lượng bảo an, dân vệ

bảo vệ. Bên cạnh bộ máy hành chính chúng còn thành lập Hội đồng hương chánh. Địa điểm trưởng đầu tiên ở Sùng Nhơn I là Trịnh Văn Sói và Sùng Nhơn II là Đỗ Văn Đế. Dưới các địa điểm dinh điền có các thôn. Mỗi thôn có thôn trưởng, thôn phó quản lý trong thôn mình phụ trách. Trong các thôn, dịch tổ chức các tổ liên gia (Ngũ gia liên bảo), có 5 gia đình do một liên gia trưởng cầm đầu, đi đâu, làm gì và quan hệ với ai, liên gia trưởng theo dõi báo cáo lên thôn và thôn báo cáo lên địa điểm trưởng. Ngoài ra, trong các thôn chúng còn tổ chức một số cơ sở tình báo theo dõi dân chúng và những tên lãnh đạo trong thôn, trong xã.

Về quân sự, ở Sùng Nhơn II chúng thành lập một đồn có một trung đội lính bảo an chốt giữ làm nhiệm vụ bảo vệ cho cả khu vực, vừa là đồn tiền tiêu phía Tây Bắc của khu vực Bắc sông La Ngà. Ở mỗi thôn, chúng thành lập một đội dân vệ và phòng vệ dân sự làm nhiệm vụ canh gác, tuần tra bắt bớ những người tình nghi. Về đoàn thể, chúng thành lập Hội Phụ nữ liên đới, Thanh niên cộng hòa có tổ chức từ xã đến thôn. Các chị em nữ thanh niên vừa tham gia Phụ nữ liên đới, cũng đồng thời tham gia tổ chức Thanh niên cộng hòa. Chúng tổ chức các đoàn thể này nhằm tập hợp các lứa tuổi có thể tham gia kháng chiến vào tổ chức của chúng. Qua các đoàn thể đó để khống chế, kiểm soát họ liên lạc, tham gia cách mạng.

Để làm xương sống cho chế độ của Mỹ đặt ra, chúng tổ chức các đảng phía đối lập nhau về hình thức, nhưng giống nhau về bản chất là phản bội Tổ quốc, chống lại



nhân dân, làm tay sai cho Mỹ. Trước đây ở Quảng Nam có tổ chức Quốc dân Đảng, nay một số vào đây khôi phục lại do Đỗ Bá Hòe cầm đầu. Ngoài ra, ở trong xã chúng thành lập thêm tổ chức "Đảng cán lao nhân vị" là Đảng của anh em Ngô Đình Diệm cầm đầu do Lê Tùng làm thủ lĩnh và Dân chủ đảng v.v... Để tập hợp mọi người vào một tổ chức thống nhất chống cộng, chúng thành lập Mặt trận quốc gia xã, có các tổ chức cơ sở trong các thôn.

Về tôn giáo, có một số đồng bào theo đạo Phật và Thiên chúa giáo. Cùng với việc định cư, nhiều chùa chiền, nhà thờ cũng được xây dựng trong các thôn. Mục đích của tôn giáo là tín ngưỡng, nhưng chế độ Mỹ - Diệm lợi dụng sự tín ngưỡng của nhân dân vào mục đích củng cố chế độ của Diệm. Từ âm mưu đó, chúng tổ chức các đội Thanh niên Phật tử, Thanh niên liên tôn trong đạo Thiên chúa và tuyên truyền chống cộng. Với việc làm đó chúng đã huy động được một bộ phận dân chúng chống lại kháng chiến, chống lại công cuộc giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Về hệ thống tổ chức kèm : Sau khi đưa dân vào các khu vực đã định ở Sùng Nhơn I, II, ngoài việc làm nhà theo từng ô, trong từng liên gia, chúng bắt đồng bào vào rừng chặt cây về rào xung quanh thôn xóm. Để bảo vệ cho từng khu dinh điền, chúng bắt dân đào hào đắp tường đất xung quanh và rào dây thép gai chỉ để những lối ra vào, có lực lượng dân vệ thay nhau canh giữ. Với hình thức rào này, chúng để phòng không cho các gia đình yêu nước bí mật liên lạc được với bên ngoài và

ngược lại cách mạng có vẻ hoạt động khó liên lạc với cơ sở. Mỗi ngày từ 7 giờ sáng công mở cho dân chúng cùng trâu bò ra đồng làm ruộng, đến 19 giờ cánh công khép lại, mọi hoạt động đều nằm trong vòng rào.

Với những cách tổ chức kèm kẹp như vậy, người dân sống khắc khoải trong các khu dồn của địch và kẻ thù đã đạt được những ý đồ của chúng. Nhiều gia đình cách mạng và những đảng viên từ đất Quảng vào vùng đất mới này chưa có điều kiện bắt liên lạc với Đảng, họ vẫn chờ mong cách mạng đến với họ.

\*  
\* \*

Cách mạng miền Nam đã có bước chuyển mình sau khi thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Nhiều nơi kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đứng lên giải phóng quê hương. Từ 1961 đến 1965, nhiều ấp chiến lược của chúng đã bị ta làm chủ các mức độ khác nhau, làm cho quốc sách ấp chiến lược bị phá sản. Phong trào cách mạng trong tỉnh Bình Thuận từ tháng 7-1961 đã có bước phát triển mới. Với gần 9.000 dân ở vùng lòng, vùng rìa kèm, trong đợt hoạt động 1961 - 1962 ta đã giải phóng nhiều vùng dân cư ở Bình Nhơn, Bình Thiện (Bắc Bình), Văn Mỹ (Hàm Tân), v.v... Đến cuối 1962 chúng tiến hành làm các ấp chiến lược thí điểm ở Lương Sơn (Bắc Bình), Tân Phú Xuân (Hàm Thuận) có cả quan thầy từ Sài Gòn ra ăn mừng cổ động cho các

ấp kiểu mẫu này. Trong năm 1963, chúng cần quét xúc dân các xã giải phóng của ta và tiếp tục dồn dân lập các ấp chiến lược mới.

Nhưng cục diện giữa ta và địch có nhiều thay đổi, sau chiến thắng Ấp Bắc (1963) ở Mỹ Tho, cả miền Nam hưởng ứng phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" đã liên tục tấn công địch. Đồng thời nội bộ địch lung lay sau khi anh em Diệm, Nhu bị lật đổ (11/63) và phong trào tấn công địch liên tục ở nhiều nơi trong năm 1963 - 1964 báo hiệu chiến lược chiến tranh đặc biệt của chúng bị thất bại.

Ở huyện Tánh Linh, sau 1954 vẫn có các đồng chí Lê Văn Triều, Nguyễn Thiết Hoàng (Bái), Trần Nhự, Tám Xuyên... bám vào dân hoạt động cách mạng. Đến tháng 4-1957 Tỉnh ủy Bình Thuận thành lập Ban cán sự miền Tây bao gồm Tánh Linh và Di Linh do đồng chí Lê Văn Triều làm bí thư, đồng chí Nguyễn Thiết Hoàng (Bái) phụ trách Tánh Linh (cả quận Hoài Đức của địch). Sau năm 1959, các đồng chí Lê Khắc Thành, Hồ Kim Việt... từ miền Bắc trở về hoạt động, được bổ sung vào cấp ủy huyện, tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo cho vùng đất Tây Nam của tỉnh Bình Thuận. Đến tháng 10 năm 1961, tỉnh điều 10 đồng chí ở đồng bằng lên thành lập trung đội vũ trang đầu tiên của huyện và đầu năm 1962 đơn vị phục kích chặn đánh xe của tên quận trưởng Hoài Đức ở đèo Bà Xa (Mê Pu). Tuy trận đánh không đạt kết quả, do mìn nổ sau khi xe đã qua. Song, đây là trận mở màn sau trận đơn vị 2/9 của tỉnh đánh địch ở quận lỵ Bắc Ruộng (8-1960) và là trận đầu tiên của lực lượng vũ

trang huyện đánh địch có tác động đến tinh thần yêu nước của nhân dân trong vùng, trong đó có nhân dân Sùng Nhơn.

Để chỉ đạo sát phong trào cách mạng quần chúng, ở huyện Tánh Linh là địa bàn có 2 quận hành chính của địch : Tánh Linh và Hoài Đức, tháng 2-1962 tỉnh Bình Thuận quyết định chia Tánh Linh thành hai huyện theo ranh giới Bắc sông và Nam sông La Ngà. Huyện Hoài Đức do đồng chí Nguyễn Thiết Hoàng phụ trách. Huyện Tánh Linh do đồng chí Lê Khắc Thành phụ trách. Sau một thời gian củng cố tổ chức và đến 25-01-1963 huyện Hoài Đức thành lập đội công tác có 3 đồng chí do đồng chí Nguyễn Tuấn Dục làm đội trưởng. Sau đó đội được bổ sung thêm đồng chí Hồng Hanh cán bộ tập kết trở về. Địa bàn của đội hoạt động bao gồm các xã Sùng Nhơn, Mê Pu. Sau khi củng cố lại tổ chức, cán bộ huyện, đội công tác bám vào các ấp để gây cơ sở. Do địch kiểm soát chặt nhân dân và nhất là từ khi lực lượng ta chặn đánh xe tên quận trưởng ở đèo Bà Xa (đầu 1962) chúng càng kiểm tra chặt người ra vào khu tập trung. Để bám được dân, cán bộ gây cơ sở bằng phương pháp "cân câu" bám vào những người trong ấp đi làm đồng để tuyên truyền. Ở Sùng Nhơn, trong số người di dân có một số đảng viên cũ, như ở Điện Bàn vào có 10 gia đình, có 9 đảng viên, nhưng khi vào đây chỉ là những đảng viên đơn tuyến, không có tổ chức lãnh đạo nên không có hoạt động. Cũng có một số đảng viên vào vùng đất mới chưa bắt được liên lạc với tổ chức Đảng tại địa phương nhưng cảm cảnh trước nổi bất công đàn áp của kẻ thù đã tự

sát để giữ khí tiết người Cộng sản. Tuy vậy có một số đồng chí như đồng chí Nhất, Ngôn, Nha, Hải, Hân... trong năm 1964 đã đi lên rẫy của anh KBôn là cơ sở của đội công tác K.4 tỉnh Lâm Đồng để bắt liên lạc. Trong khi đó, phong trào đấu tranh của nhân dân các xã bạn có ảnh hưởng đến bà con trong xã. Như số anh em thanh niên trốn lính ở Võ Xu do Trần Sĩ lãnh đạo lấy danh nghĩa Phật tử ngày 26-11-1963 tổ chức bạo động được bà con ủng hộ đã tấn công vào nhà địa điểm trường, công an xã làm cho chính quyền của chúng không có hiệu lực. Dịch ở tiểu khu Bình Tuy cử một đại đội đến ứng cứu, song bọn này cũng bị tình hình chung tác động không dám hành động như trước đây, cuối cùng cũng rút đi. Hay cuộc đấu tranh đầu năm 1964 của đồng bào Chính Đức chống lại sự o ép của cha cố phản động trong nhà thờ, cảnh sát quận Hoài Đức đến can thiệp, nhân dân chống lại cả cảnh sát.

Sau khi anh em Diệm - Nhu bị tướng tá đảo chính giết chết (11-63) chính quyền ngụy ở các cấp hoang mang dao động, nhiều nơi bỏ việc, nhân dân nhiều nơi đứng dậy đấu tranh. Nên đến cuối năm 1964, tình hình cách mạng miền Nam đứng trước một thời cơ lớn. Để giành thế chủ động trong chiến lược, Trung ương quyết định mở đợt hoạt động Đông Xuân 1964 - 1965 với mục tiêu : tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh phong trào quần chúng phá kềm, mở rộng vùng căn cứ. Thực hiện chủ trương của trên, Tỉnh ủy Bình Thuận chọn Hoài Đức làm điểm của chiến dịch. Huyện ủy Hoài Đức có chủ trương : Vận động đồng bào căn cứ tích cực sản xuất và

đem dầu rái, gỗ, ngà voi đổi lương thực, thuốc men dự trữ - phát động quần chúng phá kềm, giành quyền làm chủ - huy động dân công phục vụ tiếp tế cho chiến đấu. Để hoạt động có kết quả trên chiến trường trọng điểm, Quân khu 6 điều D.186 thiếu đến hoạt động trên địa bàn của huyện.

Ngày 10-11-1964, đợt hoạt động mùa khô 1964 đã diễn ra ở Hoài Đức. Ngay từ 3 giờ sáng, 2 đại đội thuộc D.186 cùng lực lượng của huyện và đội công tác đột nhập vào Mê Pu vũ trang tuyên truyền, nhân dân hưởng ứng đứng dậy phá khu tập trung. Địch từ Chi khu đến ứng cứu, song bị ta diệt 2 trung đội, chúng phải rút về quận. Sau đó, lực lượng ta chia 2 cánh : cánh chốt giữ Mê Pu, cánh tiến xuống bao vây quận lỵ tại Bắc Ruộng (Tê Lễ). Đến ngày 12-11-1964, địch từ tiểu khu Bình Tuy đưa quân lên ứng cứu nhằm giải vây và chiếm lại Mê Pu. Bộ đội, nhân dân Mê Pu nhiều lần đánh trả quân địch làm thất bại âm mưu tái chiếm của chúng. Trên đà thắng lợi đó, ngày 15-11-1964 từ Mê Pu, đội công tác, bộ đội huyện cùng một trung đội của D.186 tiến sang phía Tây giải phóng xã Sùng Nhơn.

Trong khi chiến sự đang diễn ra ở Mê Pu, nhiều người yêu nước ở Sùng Nhơn I, II đang nóng chờ đợi. Khi đồng chí Ngọc Anh gửi thư vào liên lạc với chị Phan Thị Hải, không khí chuẩn bị càng khẩn trương hơn. Trong không khí khẩn trương đó, chị Hải còn đạp xe đi liên lạc để tìm bộ đội, đồng chí Nha lên tận Cầu Xéo (còn gọi cầu Bà Bích) liên lạc với đơn vị đồng chí Quý báo tin trung đội dân vệ đóng ở đây hoang mang dao động. Lúc này, anh em bộ đội đang chống càn thì có lệnh đi

giải phóng Sùng Nhơn. Vùng Sùng Nhơn cách Mê Pu không xa, nhưng do địch còn càn quét, máy bay địch suốt ngày quăng đảo và vùng này cây cối còn nhiều, hệ thống rào khu tập trung dày đặc. Trước đây các đồng chí ở huyện và đội công tác như Nguyễn Thiết Hoàng (Bái), Phan Ngọc Anh, Trần Ngọc Quy, Trần Bôn, Phong (Bờ), Phong (Cánh) thường ra vào cánh rừng gần thôn II (Sùng Nhơn II) liên lạc với các cơ sở như đồng chí Võ Nhất, Nguyễn Việt Nha, Trần Phong, chị Hải, Phan Hân để nhận đồ tiếp tế và nắm tình hình. Còn anh em bộ đội chưa lần nào tiếp cận. Đến 8 giờ sáng ngày 15-11, đơn vị đầu tiên vào Sùng Nhơn II (1). Do trời mưa đường trơn và bị hàng rào, giao thông hào của địch cản trở, nhiều chiến sĩ băng qua bị tụt xuống hào. Khi lực lượng ta vào, một số quân chúng cách mạng được chị Hải vận động đã tới chỉ dẫn các cơ quan của địch trong xã Sùng Nhơn II. Khi ta giải phóng Mê Pu, trung đội bảo an đóng ở đây đã rút chạy, số tế ở thôn 4 bỏ chạy về Võ Xu, một số khác bỏ sớ, bỏ việc về nhà. Sau khi giải quyết các công việc tại Sùng Nhơn II, một lực lượng khác sang tiếp quản Sùng Nhơn I. Địa điểm trường Sùng Nhơn I lúc này là Huỳnh Báu, địa điểm trường Sùng Nhơn II là Đỗ Văn Đế cùng số cộng sự như xã đoàn bảo an, tổ chức đảng phái, các thôn trưởng, thôn phó, công an, cảnh sát lớp bỏ chạy ra núi, lớp về nhà, khi ta đến giải phóng ra trình diện cách mạng. Cũng trong tháng 11-1964, sau khi giành được quyền làm chủ, ta mở tòa án xét xử một số tên ác ôn có nợ máu với nhân dân. Phiên tòa đã kết án

(1) Về ngày giải phóng Sùng Nhơn còn có ý kiến là ngày 11 tháng 11-1964 và có ý kiến 23-11-1964.

tử hình đôi với Trần Đình Thiêm. Còn Huỳnh Văn Sang, Đỗ Bá Hòe đưa đi cải tạo. Riêng Lê Tùng sợ chết đã uống thuốc độc tự tử trước. Ông Huỳnh Văn Sang sau khi cải tạo về vùng tạm bị chiếm tiếp tục làm đại diện cho địch bị đội công tác bắt đưa đi cải tạo tiếp. Qua hai lần học tập cải tạo ông đã nhận ra sức mạnh của nhân dân và con đường chính nghĩa của cách mạng, nên năm 1969 ông về lại vùng giải phóng tham gia kháng chiến. Nhiều anh em dân vệ và một số người làm đường chống lại cách mạng, nay họ đứng vào hàng ngũ cùng nhân dân tham gia kháng chiến. Như vậy, kể từ sau 1954 đến nay, người dân đất Quảng ở Sùng Nhơn lại đứng lên giành quyền làm chủ của mình và chuẩn bị bước tiếp vào cuộc đấu tranh mới xây dựng thành xã căn cứ cách mạng.

Sau khi các xã Bắc sông : Nghị Đức, Mê Pu, Sùng Nhơn được giải phóng, ngày 18-11 địch huy động quân từ Lâm Đông - Bình Thuận, Bình Tuy đánh chiếm lại vùng đã mất, trong đó chúng cố chiếm lại Mê Pu. Lực lượng bộ đội tập trung về Mê Pu đánh địch, nhân dân tổ chức đấu tranh với lý lẽ tạo thế hợp pháp với chúng và đòi chúng không được bắn pháo vào dân. Kẻ thù không chỉ đối phó với ta ở Hoài Đức, mà còn bị ta tấn công ở Sông Phan - Láng Gòn (Hàm Tân), Gia An, Quang Hà (Tánh Linh) và nhiều nơi khác trong tỉnh Bình Thuận. Vì vậy cuộc càn của chúng phải kết thúc không đạt được kết quả.

Trong lúc địch càn quét ở Mê Pu, nhân dân Sùng Nhơn I, II vừa chuẩn bị chống càn, vừa vận động thanh niên nhập ngũ tham gia cách mạng và bà con quyên góp



lượng thực, thuốc men ủng hộ bộ đội. Đến ngày 23-11-1964, sau một thời gian chuẩn bị, chính quyền tự quản của Sùng Nhơn I và II được thành lập. Chính quyền Sùng Nhơn I do đồng chí Văn Thơ (Thới) làm chủ tịch, đồng chí Huỳnh Ngọc Mai phó chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Bích (Bích Anh) làm thư ký, đồng chí Đoàn Kinh phụ trách công an, đồng chí Phan Riêng phụ trách nông hội, ông Huỳnh Lô làm chủ tịch Mặt trận, bà Nguyễn Thị Trọ làm hội trưởng phụ nữ và đồng chí Ngô Xuyên phụ trách xã đội. Chính quyền Sùng Nhơn II do ông Trần Ngọc Anh làm chủ tịch, nhưng sau đó ta phát hiện là Quốc dân Đảng nên đồng chí Phong thay, đồng chí Trần Phong làm phó chủ tịch, sau đó làm chủ tịch, anh Nguyễn Xuân Hồng làm thư ký. Sau khi chính quyền xã được hình thành, 4 thôn ở Sùng Nhơn II và 3 thôn ở Sùng Nhơn I cũng bầu người phụ trách để điều hành công tác. Đồng thời các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân từ thôn đến xã được hình thành làm nòng cốt cho các hoạt động trong xã. Cùng với thời gian thành lập chính quyền, 6 thanh niên của Sùng Nhơn đầu tiên tham gia lực lượng vũ trang giải phóng bổ sung vào đơn vị của huyện là Trần Ngọc Hoàng, Đào Minh Phú, Phạm Minh Phú, Siêu, Thách v.v... Để củng cố vùng giải phóng, ngoài việc thành lập lực lượng dân quân, công tác bố phòng, ta còn triển khai tuyên truyền đường lối cách mạng cho nhân dân. Tại các thôn trong 2 xã ta đã triển khai học tập các tài liệu về : Bản tuyên bố của Mặt trận giải phóng tỉnh, bản đề cương tuyên truyền về âm mưu địch, tình hình thắng lợi của cách mạng miền Nam và các tài liệu cho từng đoàn thể : nông dân, phụ nữ, thanh niên. Mặt khác, đội Văn công quân giải phóng Khu 6 đến phục vụ văn nghệ cho nhân dân trong xã.

Tuy bên trong ta làm chủ, nhưng vẫn giữ thế hợp pháp với địch là một vùng tranh chấp. Vì vậy, trong 3 tháng đầu giải phóng, chính quyền xã tổ chức nhân dân đến Võ Xu để đấu tranh đòi nhận gạo, đòi địch bồi thường những thiệt hại, kêu gọi con em đi lính trở về. Kết quả đã có anh em dân vệ như con anh Tý, anh Đức... trở về và địch cũng đã giải quyết gạo cho bà con. Nhưng số gạo đó do Trần Viết Đô, Nguyễn Xuân Hồng đã bán sử dụng riêng mà không chia cho dân.

Đến ngày 4-1-1965, ta tiếp tục mở đợt 2 đợt hoạt động Đông Xuân 1964 - 1965. Ngày 16-1-1965, địch ở quận Hoài Đức dồn hết lực lượng càn vào Mê Pu và Sùng Nhơn hòng chiếm lại vùng giải phóng. Chúng đưa đại đội 515 bảo an, 4 trung đội dân vệ, một đoàn bình định nông thôn, tâm lý chiến do quận trưởng Lâm Thanh Liêm chỉ huy, có 2 cố vấn Mỹ đi kèm bí mật cắt rừng lên ngã ba Bà Xa, tiến vào xóm 10 nhà ở Mê Pu. Do cảnh giác cao, ta nắm được ý đồ của địch nên 6 giờ sáng chúng vừa vào cổng khu dân cư liền bị du kích và một đơn vị của C3/186 Quân khu 6 chặn đánh. Đến 9 giờ 30 phút, 2 máy bay trực thăng do tên đại úy Thế tiểu khu phó Bình Tuy lên thị sát, động viên binh lính của chúng bị đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa người con của đồng bào dân tộc KHo, chiến sĩ quân giải phóng huyện bắn hỏng 1 chiếc, tên tiểu khu phó bị trúng đạn chết khi máy bay của nó liệng qua rừng công giáo, Sùng Nhơn I. Sau đó bộ binh chúng tiến vào xóm 10 nhà bị ta bao vây, diệt tại chỗ 101 tên, 59 tên bị thương và 29 tên bị bắt, thu nhiều súng đạn. Đây là trận thắng lợi của ta làm cho tinh thần binh lính địch hoang mang dao động và nhân dân ta phấn khởi, tin tưởng vào cách mạng. Trong trận chống

cần diễn ra ở xóm 10 nhà (Mê Pu) dân quân du kích Sùng Nhơn I, II tuần tra canh gác, nhân dân lo tiếp tế cho bộ đội và du kích.

Cũng sau trận đánh thắng địch ở Mê Pu, thanh niên các xã giải phóng Bắc sông nô nức tham gia bộ đội, bổ sung quân số cho D186. Và trên cơ sở đó, ngày 17-2-1965 theo chủ trương của tỉnh thành lập C421 bộ đội huyện Hoài Đức, có 132 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Từ Ngọc Thừa làm chỉ huy trưởng. Đây là đơn vị chiến đấu của huyện ra đời trong khói lửa chiến tranh làm nhiệm vụ bảo vệ các xã căn cứ, vừa phối hợp với dân quân du kích các xã bảo vệ quê hương.

Sau trận chống càn ở Mê Pu, bộ đội chủ lực của khu, của tỉnh và huyện để một lực lượng bao vây quân ly chi khu Hoài Đức ở Bắc Ruộng, còn lại về Tà Bao đánh phá ấp chiến lược của chúng.

Để cứu nguy cho quận ly Hoài Đức, ngày 23-2-1965 Tiểu khu Bình Tuy đưa 1 tiểu đoàn linh cộng hòa lên chi viện nhưng bị ta chặn đánh diệt 60 tên. Thấy không hy vọng vào lực lượng ứng cứu, sự sống còn của một quận ly chỉ tính thời gian, thất vọng, tên đại úy Lâm Thanh Liêm đang đêm dẫn quân lính tắt rừng chạy về quận ly Tánh Linh. Sau đó gần một tháng Tiểu khu Bình Tuy cắt một phần đất Quận ly Tánh Linh từ Trà Tân đến Võ Đất, Tư Tế ở Nam sông và Sùng Nhơn, Mê Pu, Nghị Đức ở Bắc sông lập quận Hoài Đức mới. Võ Đất được chọn làm quận ly.

Bắc Ruộng được giải phóng, 5 xã Bắc sông trong đó có Sùng Nhơn sạch bóng quân thù. Ở Tánh Linh cũng trong thời gian chiến dịch, ta giải phóng nhiều xã, địch

chỉ còn quận lỵ và cùng Võ Đất là nơi cuối cùng của chúng trên vùng đất miền Tây của tỉnh Bình Thuận.

Phối hợp với đấu tranh quân sự, Huyện ủy Hoài Đức chủ trương tổ chức nhân dân đến quận lỵ của chúng đòi bồi thường thiệt hại, không được bắn phá và bồi thường cho gia đình binh lính địch bị chết. Thực hiện chủ trương đó, sau trận chống càn quét ở xóm 10 nhà thắng lợi, chính quyền và các đoàn thể trong xã vận động nhân dân đấu tranh. 40 chị em phụ nữ lớn tuổi trong đó có thân nhân của 2 người lính bảo an bị chết trong trận xóm 10 nhà kéo về Võ Đất đấu tranh. Đoàn đấu tranh đưa yêu sách cho chúng :

- Bồi thường tính mạng cho những người bị chết và chôn cất tử tế.

- Không được bắn phá bừa bãi, để nhân dân tự do làm ăn.

Lúc đấu địch không chấp nhận, dọa nạt, uy hiếp, đòi bỏ tù mọi người. Không chịu lùi bước, chị em đấu tranh có lý có tình, không sợ gian khổ hy sinh và đàn áp của địch. Chúng không chịu giải quyết, chị em ở lại ba ngày. Trước khí thế của chị em chúng phải chùn bước, hứa thực hiện các yêu sách của ta đã đề ra.

Từ thắng lợi trong chống địch càn quét và trong đợt đấu tranh chính trị đã tạo thêm sức mạnh tinh thần cho nhân dân trong xã giải phóng và trong huyện.

\*  
\* \*

đội địa phương huyện được du kích xã Võ Xu dẫn đường đánh vào đồn bảo an Võ Xu, tuy trận đánh bị lộ, nhưng đơn vị diệt được một số địch, đến 8-6-1965 buộc chúng phải rút về cố thủ ở Võ Đất. Vùng đất Sùng Nhơn không còn bóng giặc, nhân dân khắc phục lại nhà cửa, vườn tược. Đồng thời, trong quý II năm 1965, tỉnh và huyện Hoài Đức thành lập đoàn kiểm tra đôn đốc các xã giải phóng củng cố lại tổ chức chính quyền, đoàn thể nhằm thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy họp 21-6-1965 xây dựng Hoài Đức làm hậu cứ cho cuộc kháng chiến của tỉnh. Tại Sùng Nhơn, sau khi rút đi chúng có cài cắm biệt kích gián điệp, vì vậy các đoàn thể cùng chính quyền đấu tranh làm rõ tội trạng của chúng. Về chính quyền, thực hiện chủ trương của huyện, ta tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân chính thức. Ủy ban nhân dân Sùng Nhơn II gồm : đồng chí Trần Phong làm chủ tịch, đồng chí Trương Biên phó chủ tịch, phụ trách an ninh, đồng chí Nguyễn Viết Nha thư ký ủy ban, đồng chí Lê Nghiêm phụ trách kinh tế, đồng chí Đặng Cung phụ trách xã đội, đồng chí Thái Văn Yên phụ trách văn hóa xã hội. Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng do anh Ngô Tháo làm chủ tịch. Các đoàn thể như : Thanh niên giải phóng do anh Hồ Minh làm bí thư, Hội phụ nữ giải phóng do chị Đặng Thị Pha làm hội trưởng, Hội Nông dân giải phóng do đồng chí Phan Mau (Chiến) làm bí thư. Xã Sùng Nhơn I do đồng chí Văn Thơ làm chủ tịch, đồng chí Huỳnh Ngọc Mai làm phó chủ tịch, đồng chí Bích Anh làm thư ký.

Sau khi các xã thành lập chính quyền, các thôn cũng hình thành chính quyền cơ sở. Chính quyền mỗi thôn có 1 đồng chí chủ tịch, 1 đồng chí phụ trách an ninh.

Về lực lượng vũ trang cũng được bổ sung lực lượng và củng cố lại mỗi xã có 1 tiểu đội. Xã Sùng Nhơn I do đồng chí Nguyễn Hiến làm tiểu đội trưởng và xã Sùng Nhơn II do đồng chí Trần Quang Minh làm tiểu đội trưởng.

Rút kinh nghiệm những lần trước, các gia đình đều vừa sản xuất, vừa gạn gàng trong sinh hoạt gia đình nếu địch có can quét đánh phá đở tổn thất về tài sản. Mặt khác, trong xã khắc phục thiếu thốn, đẩy mạnh sản xuất. nhiều diện tích bị bỏ hoang hóa, nay chính quyền vận động nhân dân làm hết diện tích. Cũng theo chủ trương chung, cùng với củng cố chính quyền các xã, huyện đổi tên các xã vùng giải phóng : xã Mê Pu đổi thành xã Hòa Thành, Võ Xu thành Hòa Hiệp. Còn Sùng Nhơn I đổi thành Hòa Minh, Sùng Nhơn II thành xã Hòa Vinh.

Về đóng góp nhân vật, tài lực xã Sùng Nhơn thực hiện tích cực. Ngoài số thanh niên nhập ngũ tham gia quân giải phóng, nhân dân còn đóng góp tiền, lương thực cho bộ đội. Khi đội kinh tài của Khu 6, của tỉnh và của huyện đóng ở Sùng Nhơn II bà con trong xã đóng thuế đảm phụ và bán lương thực dư cho kháng chiến.

\*  
\* \*

Năm 1965, cách mạng miền Nam đang trên đà phát triển. Sau chiến thắng Bình Giả, Đông Xoài, Phước Long... nhiều vùng giải phóng đã hình thành, nguy cơ sụp đổ

của chính quyền Sài Gòn đã đến. Trước tình thế đó, buộc Mỹ phải đưa quân vào tham chiến cứu nguy cho chế độ tay sai của chúng ở miền Nam. Giữa năm 1965, Mỹ đưa quân đến miền Nam Việt Nam đã chấm dứt "Chiến lược chiến tranh đặc biệt" và mở đầu "Chiến lược chiến tranh cục bộ".

Sau khi quân Mỹ vào miền Nam, quân nguy ở Bình Tuy và Hoài Đức dựa vào bom đạn Mỹ, chúng dùng pháo ở Võ Đất, đồi Bảo Đại và máy bay từ Tiểu khu liên tiếp bắn phá ném bom vùng giải phóng. Trong tháng 10-1965, chúng bắn phá Suối Kiết, Bà Xa, Sùng Nhơn II liên tục. Mặt khác, chúng dùng bọn biệt kích trà trộn để nắm tình hình ; dùng hàng Mỹ để chiêu hồi những người cả tin và tuyên truyền cho sức mạnh của Hoa Kỳ.

Ở xã Sùng Nhơn II, trong khi Huyện ủy đang mở lớp huấn luyện chính trị đầu tiên nhằm nâng cao nhận thức tư tưởng, đường lối cách mạng và các nhiệm vụ cho cán bộ chủ chốt các xã giải phóng trong huyện. Ngày 27-10-1965, địch dùng máy bay ném bom và bắn pháo vào vị trí ta đang học tập trong 6 ngày đêm liên hòng hủy diệt Sùng Nhơn II. Lần bắn phá này, địch đã có bọn gián điệp vẽ sơ đồ, chấm tọa độ trước và chỉ điểm cho chúng nên địch tập trung phi pháo, máy bay hủy diệt nhằm vừa tiêu diệt cán bộ cách mạng, vừa phá hoại xã giải phóng. Trong 6 ngày đêm đầy khói lửa tang thương ấy, chính quyền xã huy động cán bộ đang học, cùng cán bộ xã, dân quân đi cứu giúp đồng bào hoạn nạn, dập lửa, sơ tán nhân dân về Đa Kai, Sùng Nhơn I, Mê Pu. Cũng do lần đầu tiên chúng bắn phá dài ngày với mức

độ ác liệt có tính chất hủy diệt đó, chính quyền cũng có phần lúng túng không kịp sơ tán nhân dân từ trước, nên thiệt hại khá lớn. Ngoài đồng chí Lương cán bộ xã Huy Khiêm dự học, còn có 19 người dân bị chết và 7 người khác bị thương. Trong số người chết và bị thương với nhiều hoàn cảnh, có người đi cứu giúp nhân dân bị chết, có nhiều cụ già, em bé không tránh lánh kịp bị bom đạn kẻ thù giết chết và trường hợp anh Hai Hiếu đi dân công phục vụ chiến trường trong 3 tháng vừa về chưa kịp vào nhà bị bom đạn chết dưới mương cầu Bà Trang. Trận đánh phá của địch đã đốt cháy phá hủy 36 nóc nhà, 32 con trâu bò cùng nhiều heo gà bị trúng bom pháo của chúng chết ngổn ngang trong xã. Tài sản lúa gạo cũng bị hư hại, thiếu hụt khá nhiều. Kho gạo dự trữ của huyện gần 5 tấn tại nhà anh Đào Nghiêm ở thôn II cũng bị cháy ra tro. Chúng không chỉ ném bom ở Sùng Nhơn II mà cả Sùng Nhơn I, Mê Pu là những xã liên cư với xã Sùng Nhơn II cũng bị chúng bắn phá với ý đồ ngăn chặn ta rút sang 2 xã này. Bom đạn kẻ thù đã làm cả một vùng rộng lớn suốt ngày đêm khói lửa chiến tranh.

Trong những ngày hoạn nạn đó, nhân dân Sùng Nhơn II sơ tán đến Mê Pu, Sùng Nhơn I được bà con và chính quyền 2 xã đùm bọc, cứu mang với tình nghĩa đoàn kết của người dân cùng chí hướng.

Sau đợt hủy diệt của địch, Huyện ủy chỉ đạo xã giải quyết các hậu quả do chúng gây ra. Các nhà cửa bị cháy được những gia đình không bị thiệt hại nhiều và cán bộ trong xã, trong huyện cùng nhân dân xã bạn giúp đỡ làm lại. Với tấm lòng kẻ ít người nhiều, nhân dân



các xã bạn còn giúp lương thực... để tạo điều kiện cho nhân dân Sùng Nhơn II ổn định cuộc sống. Đồng thời, Huyện ủy chỉ đạo các xã vùng giải phóng tổ chức cho nhân dân lên Võ Đất đấu tranh trực tiếp với địch. Huyện còn thành lập Ban chỉ đạo đấu tranh do đồng chí Ngô Thanh Bình, phó bí thư Huyện ủy trực tiếp phụ trách. Ban chỉ đạo còn có đại diện các ban, ngành của huyện, trong đó phụ nữ có các chị Tư Hòa, Cảnh, Phan Thị Hải làm vai trò chính. Các xã cũng thành lập Ban chỉ đạo lo tổ chức nhân dân đấu tranh. Được sự hướng dẫn của Ban chỉ đạo huyện, ban chỉ đạo các xã Mê Pu, Sùng Nhơn, Nghị Đức tập trung về Võ Xu với băng cờ, biểu ngữ và phối hợp với nhân dân các xã Gia An, Võ Xu, Chính Đức kéo về quận của địch. Gần ngàn người dân phần nhiều là chị em phụ nữ đội ngũ chính tề, ý chí đấu tranh hừng hực kéo đến trước tòa nhà quận lỵ của chúng có bờ rào dây thép gai bao bọc, các sắc lính canh gác nghiêm ngặt, đồng bào giương cao khẩu hiệu, băng cờ và hô khẩu hiệu đòi chúng thực hiện các yêu sách của nhân dân :

- Chính quyền quốc gia phải tôn trọng quyền dân sinh, dân chủ của nhân dân.
- Không được bắn phá bừa bãi vào làng.
- Phải bồi thường thiệt hại người và của, chăm sóc người bị thương.

Cuộc đấu tranh diễn ra giằng co quyết liệt, địch không chịu thực hiện các yêu sách, ta cương quyết đòi chúng phải thực hiện. Ta phải tổ chức cuộc đấu tranh

dài ngày. Hết lớp người này đến lớp người khác thay nhau suốt ngày đêm túc trực trước nhà quận trưởng, mặc cho binh lính chúng răn đe, hăm dọa. Trước tình hình đó, huyện chỉ đạo đồng bào thôn 5, xã Mê Pu khiêng xác người bị máy bay địch ném bom bắn chết và bị thương về quận (11%). Lần đầu tiên chúng bị bất ngờ về quy mô, thời gian cuộc đấu tranh và đông người tham gia, kéo dài hơn 10 ngày và đồng bào khiêng xác người chết lên để trước quận. Đồng thời với tinh thần đấu tranh kiên quyết của nhân dân, cuộc đấu tranh có thể kéo dài, nên tên quận trưởng phải đứng ra tiếp dân và chấp nhận các yêu sách.

Cuộc đấu tranh được Huyện ủy chỉ đạo trực tiếp và có số lượng người tham gia đông đảo với thời gian dài ngày đã thắng lợi. Qua cuộc đấu tranh thể hiện được sức mạnh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời đó là cuộc đấu tranh có nhiều bài học để lãnh đạo rút kinh nghiệm và nhân dân tin tưởng vào Đảng, đoàn kết nhất định thắng lợi.

Trước tình hình đế quốc Mỹ ô ạt đưa quân đến miền Nam và một số đơn vị lính Mỹ như lữ 173 dù đã đến Bình Thuận, tỉnh đã củng cố lại tổ chức, lực lượng,

- (1) Thôn 5 xã Mê Pu là đồng bào dân tộc cũng bị máy bay địch bắn phá hủy diệt trong thời gian chúng bắn phá ở Sùng Nhơn II. Đồng bào có phong tục người chết để lâu mới chôn nên lúc đấu tranh ta đề nghị đồng bào lên làm bằng chứng.

tư tưởng và chuẩn bị chiến đấu. Đối với huyện Hoài Đức thời gian này đồng chí Hoàng Từ vẫn làm bí thư, đồng chí Ngô Thanh Bình phó bí thư, đồng chí Lương Văn Năm làm huyện đội trưởng. Huyện cũng củng cố lại lực lượng vũ trang. Đại đội 421, 422 <sup>(1)</sup> được tăng cường đủ quân số và thành lập thêm trung đội trinh sát. Dân quân các xã cũng được củng cố lại. Cơ quan huyện ủy đóng ở phía Bắc xã Mê Pu - Sùng Nhơn.

Sùng Nhơn trong bối cảnh chung đó và rút kinh nghiệm sau đợt đánh phá của địch ở Sùng Nhơn II vừa qua đã lo đào hầm hào, củng cố hệ thống bố phòng và có phương án đưa dân đi sơ tán khi địch đánh đến.

Hoài Đức, Tánh Linh là địa bàn căn cứ của ta. Trong đó các xã Bắc sông là vùng giải phóng. Sau khi đưa quân đến Bình Thuận chúng đã thực hiện bước đầu chiến lược phản công hòng chiếm lại vùng đã mất <sup>(2)</sup>. Ngày 21-11-1965, chúng dùng trực thăng chở 2D/lữ 173 đổ xuống Võ Đất, tiếp đến 4D thuộc sư 10 ngự từ miền Đông Nam bộ hành quân ra phối hợp với quân Mỹ càn ở Tánh Linh - Hoài Đức. Với số quân 8.000 có 3 chi đoàn xe bọc thép, 100 xe quân sự, 8 khẩu pháo và nhiều loại máy bay yểm trợ chúng càn quét đánh phá ác liệt vào

(1) Đại đội 422 của huyện thành lập ngày 1-5-1965.

(2) Cuộc phản công chiến lược "Tim diệt và bình định" của chúng dự kiến vào đầu 1966 mới tiến hành, cuối 1965 là bước chuẩn bị. Nhưng vùng Bắc Sài Gòn, Tây Nguyên chúng đưa quân hoạt động sớm hơn. Hoài Đức, Tánh Linh cũng là nơi hoạt động sớm của chúng.

Nghị Đức, Chính Đức, Sùng Nhơn, Mê Pu, Huy Khiêm, Tà Bao... Chúng đặt tên cuộc hành quân này là "trận càn dân sinh". Trong khi biết tin địch càn quét, ta có chuẩn bị, nhưng lực lượng của Khu (186) đang hoạt động ở Lâm Đồng, nên chỉ còn 2 đại đội 421, 422, dân quân du kích các xã và Trường huấn luyện cán bộ tiểu đội đóng quân ở Tánh Linh tham gia.

Ngày 24-11, quân Mỹ từ Võ Đất càn lên Chính Đức. Ngày 27-11 chúng từ Chính Đức càn qua Võ Xu. Sau khi chiếm Võ Xu, chúng phối hợp với quân của sư đoàn 10 ngụy từ Tà Bao đánh sang Bắc sông. Khi quân Mỹ đến Chính Đức, chúng đã bị 3 trung đội của 2 đơn vị 421, 422 cùng tiểu đội du kích xã chặn đánh ở ngã tư đầu cống ra vào trong xã. Sau nhiều lần chúng tấn công đều bị ta chặn đánh diệt 58 tên, chúng buộc phải co cụm tại xã, ta rút dần ra sông La Ngà. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của Khu 6, của tỉnh Bình Thuận và trong đó Hoài Đức là nơi trực tiếp với quân thù. Tiếp đến ta chặn đánh địch tại Võ Xu cả ngày, bắn cháy 1 xe M.113. Đây là chiếc xe tăng của Mỹ bị ta bắn cháy đầu tiên trên chiến trường Bình Thuận.

Khi chúng tiến qua Bắc sông, máy bay trực thăng, xe tăng, pháo binh đua nhau bắn phá. Sau mỗi trận oanh kích, bộ binh chúng tiến lên và xe ô tô đến chở cả người, lương thực cướp được đưa về Nam sông. Những thứ gì không mang được chúng đốt phá. Lúa ngoài đồng đang vào vụ chín, chúng hủy hoại cho bằng hết. Hằng ngày chúng cho xe tăng càn sâu vào rừng 3km, dùng pháo binh, máy bay bắn phá vào núi, nơi đứng chân của cơ

quan huyện, làm cho ven sông La Ngà đến núi cao nơi nào cũng có tiếng bom pháo, súng đạn của kẻ thù. Mặc dù so sánh lực lượng giữa ta và địch không cân sức nhưng dân quân du kích các xã Bắc sông cùng bộ đội chặn đánh địch suốt ngày đêm. Ban ngày các chiến sĩ bám sát, phục kích đánh địch. Ban đêm lực lượng bộ đội tập kích tiêu diệt sinh lực của chúng. Đồng chí Lương Văn Năm huyện đội trưởng chỉ huy đại đội 422 đã chặn đánh địch nhiều trận xuất sắc, bắn rơi 2 máy bay trực thăng của chúng.

Trên đất Sùng Nhơn, khi quân Mỹ tiến công đến Đức Chính, Võ Xu, nhân dân chuẩn bị sơ tán, dân quân du kích chuẩn bị đánh giặc. Còn ở ngoài rừng Sùng Nhơn II, huyện chọn làm nơi cứu chữa thương binh. Các đồng chí Trần Sĩ, Nguyễn Cẩn, Nguyễn Thị Hòa lo tổ chức chữa chạy, chăm sóc cho thương binh. Khi địch càn qua sông La Ngà, tiến về Mê Pu, rừng Sùng Nhơn bị máy bay địch bắn phá liên hồi, bộ binh địch từ hướng Mê Pu càn qua. Xe tăng đi trước, xe chở quân tiếp theo và máy bay, trọng pháo bắn vào rừng, bắn vào nơi du kích, cán bộ huyện chặn đánh chúng làm cho xóm làng, rừng núi nơi nào cũng xáo động. Nhiều người dân bị thương, bị chết và gia súc cũng bị thiệt hại nặng nề. Khi bộ binh đổ xuống các thôn, lính địch gom dân, lấy lương thực đưa lên xe chở về Nam sông. Cứ làm xong vùng này xe chúng chuyển sang xúc tạt dân thôn khác. Nhiều thứ như nhà cửa, chum chóc, giường chiếu... không mang đi được chúng đốt, đập phá, hủy diệt để mọi người phải ra đi theo chúng. Tại Sùng Nhơn II, 2 kho thóc trên 100 tấn và 1

kho muối dự trữ bị chúng lấy phá hủy hoàn toàn. Ruộng lúa, mùa màng bị xe địch càn qua càn lại, 300 ha bị lính phá nên không còn bao nhiêu và không có ai thu hoạch. Trong bối cảnh đó, nhiều gia đình đã sơ tán lên núi cao bám trụ, nhiều người vẫn bám sát xóm làng. Trong khi đó một số phản động ngóc đầu dậy chỉ điểm cho địch đánh phá sâu vào căn cứ của ta. Để ngăn chặn địch chuyên chở lúa gạo về Nam sông, ta phá cầu La Ngà và Tà Bao gây khó khăn cho chúng. Đến ngày 4-12-1965 chúng phải chấm dứt cuộc càn (1).

Trong đợt càn quét sang các xã Bắc sông, chúng đã giết chết 62 người, 48 người bị bắt, 117 nóc nhà bị đốt, hàng ngàn tấn gạo bị cướp, bị đốt phá hoại và có 6.090 dân vùng giải phóng bị chúng dồn về Nam sông (2).

Riêng xã Sùng Nhơn I chúng dồn mất 1.100 người dân, Sùng Nhơn II mất 1.017 người. Sau cuộc càn quét, số dân bám trụ lại tiếp tục xây dựng xã căn cứ, Sùng Nhơn I còn 33 người, Sùng Nhơn II có 22 gia đình gồm 66 người.

Tuy kẻ thù có gây nhiều tội ác cho nhân dân, nhưng chúng cũng đã bị đền tội. Trong đợt chống càn, ta diệt 150 tên, 5 máy bay bị bắn rơi, 1 xe tăng bị bắn cháy và ta thu 32 súng các loại.

(1) Có ý kiến nói : chúng càn trong 90 ngày.

(2) Theo báo cáo tháng 12-1965 tỉnh Bình Thuận - Ký hiệu IIDa 6 - Lưu tại Lịch sử Đảng tỉnh.

Sùng Nhon, một vùng quê có truyền thống cách mạng từ đất Quảng do Mỹ - Ngụy cưỡng ép vào đây vẫn tiếp tục theo Đảng làm cách mạng đã làm nên một cột mốc lịch sử - ngày 15-11-1964 nhân dân đứng dậy phối hợp với bộ đội giải phóng quê hương. Tuy nhiên, trước bản chất ngoan cố của kẻ thù, nhân dân Sùng Nhon đã trải qua bao thử thách chống địch đánh phá và cuộc càn quét của quân Mỹ 11-1965 là một thử thách quyết liệt. Qua đánh phá của địch nhân dân Sùng Nhon vẫn hiên ngang trước kẻ thù, số người còn lại vẫn quyết tâm bám trụ xây dựng căn cứ. Bước sang năm 1966 trở đi nhân dân Sùng Nhon ở hai bên bờ sông La Ngà làm hai nhiệm vụ mới góp phần vào cuộc kháng chiến của huyện đánh cho Mỹ cút - đánh cho ngụy nhào.

\*

\* \*

### III

## NHÂN DÂN SÙNG NHON BẮM TRỤ XÂY DỰNG XÃ CĂN CỨ GIẢI PHÓNG VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH TRONG KHU DỒN DÂN

(1966 - 1975)

#### I - CÙNG CỐ VÀ XÂY DỰNG LẠI XÃ CĂN CỨ GIẢI PHÓNG :

Sau đợt càn quét dài ngày xúc tạt dân về vùng tạm bị chiếm của Mỹ - ngụy, dân vùng giải phóng Bắc sông chỉ còn hơn 200 người. Để củng cố lại các xã giải phóng, đầu năm 1966 vào dịp tết cổ truyền của dân tộc đồng chí Lê Văn Hiến bí thư Tỉnh ủy cùng đại diện huyện ủy đi thăm chúc tết và làm công tác tư tưởng cho nhân dân. Đồng thời Huyện ủy đề ra một số nhiệm vụ cho cả 2 vùng :



Đối với vùng giải phóng :

- Khắc phục tư tưởng đánh giá Mỹ quá cao, thiếu tin ở sức mình, ở dân, thiếu tin tưởng vào chủ trương chiến đấu lâu dài.

- Xây dựng tổ chức quần chúng, chọn đối tượng phát triển Đảng, v.v...

Đối với vùng tạm bị chiếm :

- Diệt ác ôn, tạo thế lòng nhào, vận động quần chúng đấu tranh không để cho địch lập được ấp chiến lược nhất là ở làng mới.

- Chống bắt lính, chống bắn pháo, v.v...

Cùng thời điểm này, Huyện ủy Hoài Đức chia thành 2 bộ phận. Bộ phận đóng tại rừng Mê Pu giáp với Nghị Đức để lãnh đạo củng cố vùng giải phóng. Bộ phận tiền phương đứng chân ở Nam sông có Đại đội 421 hỗ trợ cùng các đội công tác làm nhiệm vụ gây dựng phong trào cách mạng trong lòng địch.

Ở xã Sùng Nhơn I, II cũng giống như các xã khác ở Bắc sông, sau đợt càn của địch nhà cửa, xóm làng tan hoang âm đạm. Nhiều nhà còn cháy dở nghi ngút khói. Nơi này, nơi kia gạo lúa cháy dở dang còn đượm than, lâu lâu được gió thổi đến làm bùng lên những ngọn lửa càng làm cho quang cảnh thêm thê lương. Tuy địch đã rút đi, nhưng máy bay, biệt kích luôn rình rập để tiêu diệt tận gốc một vùng căn cứ cách mạng. Khi bộ đội, chính quyền xã và số đồng bào tản cư vào rừng như gia đình anh Phong, anh Nhứt, Nha, ông Chiến, anh Hiếm,

Hiên, Vững, Quyên, Giám, ông Hoàn, v.v... đã trở về lại thì nhiều gia đình cha mẹ trở lại vùng giải phóng, nhưng con cái lại bị dồn sang Nam sông. Cũng có gia đình vợ bị dồn, chồng còn ở lại vùng giải phóng. Cảnh chia lìa làm cho lòng người ở hai bên bờ sông mong muốn ngày sum họp. Có gia đình như ông Sự bị chúng dồn về Phương Lâm (Long Khánh) cũng tìm cách quay về lại vùng căn cứ. Và có nhiều gia đình do cảnh chia cắt đó cũng tìm cách quay về vùng đất cũ. Tuy vậy, số dân còn lại ở Sùng Nhơn I chỉ còn 33 người, Sùng Nhơn II 66 người. Đến tháng 3-1966, huyện chuyển đến Sùng Nhơn II thêm 8 hộ, gồm 32 người là bà con xã Quang Hà sống bất hợp pháp với địch. Trong hoàn cảnh như vậy, chính quyền xã quyết tâm lãnh đạo nhân dân bắt tay vào khắc phục hậu quả do địch tàn phá để xây dựng Sùng Nhơn thành căn cứ cách mạng. Lán trại được cất dựng lại trong rừng. Các kho lương thực chưa bị địch cướp phá được phân phát cho dân. Lúa ngoài đồng tuy bị tàn phá, nhưng nhiều chỗ còn gặt được nhân dân và bộ đội tranh thủ thu hoạch. Cùng với ổn định nơi ăn ở mới, việc bố phòng chống, tránh lánh địch cũng được đặt ra. Trước đây dân quân trong xã có hàng trăm người, nay chỉ còn gần 10 người, nên việc trực chiến phải thay nhau canh gác thường xuyên. Tổ này tuần tra, tổ kia phụ giúp công tác bố phòng.

Để lãnh đạo một xã vùng giải phóng, phải có tổ chức cơ sở Đảng ở địa phương thực hiện. Vì vậy, Huyện ủy Hoài Đức quyết định xem xét số cốt cán trong xã Sùng Nhơn II đã trải qua các cuộc đấu tranh đây thứ

thách vừa qua để kết nạp Đảng và hình thành tổ chức cơ sở Đảng ở đây. Ngày 29 tháng 8 năm 1966, tại cơ quan Huyện ủy (ở rừng Mê Pu - Nghị Đức) 4 cốt cán được kết nạp vào Đảng đầu tiên và hình thành chi bộ dự bị gồm có :

1. Đồng chí Nguyễn Viết Nha
2. Đồng chí Trần Phong
3. Đồng chí Võ Nhứt
4. Đồng chí Trương Biên

Và đồng chí Phan Ngọc Anh, ủy viên Thường vụ Huyện ủy được huyện cử về làm bí thư, cùng đồng chí Lê Thị là đảng viên được huyện tăng cường về sinh hoạt trong chi bộ. Tiếp theo, chi bộ phát triển thêm cốt cán, đề nghị Huyện ủy kết nạp các đồng chí Lê Nghiêm, Trần Đình Quang, Trần Thị Thanh, Đặng Thị Pha, Phan Mau vào Đảng.

Chi bộ Sùng Nhơn II ra đời đánh dấu một bước trưởng thành của phong trào cách mạng trong xã. Nó vừa thể hiện ý chí sắt đá một lòng theo Đảng để góp phần giải phóng dân tộc. Mặt khác, các chủ trương đường lối của Đảng có chi bộ triển khai thực hiện đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Cán bộ, đảng viên ngày đêm bám trụ lãnh đạo nhân dân chống địch, xây dựng phong trào cách mạng địa phương.

Sau một thời gian thử thách, đến ngày... các đồng chí đảng viên được chuyển... chính thức và tiến hành Đại hội chi...

Đại hội đã bầu ra Ban chỉ ủy có 3 đồng chí : Trần Phong, Võ Nhứt, Lê Thị. Đồng chí Trần Phong được cử làm bí thư. Cũng trong dịp này, huyện rút đồng chí Phan Ngọc Anh về huyện công tác.

Vùng giải phóng được củng cố là một bước phát triển của cách mạng. Nhưng đối với kẻ thù lại là một thất bại của chúng. Vì vậy, ngay sau cuộc càn quét của Mỹ cuối 1965 xúc tát dân về vùng kềm, chúng vẫn tiến hành đánh phá vùng giải phóng. Đầu năm 1966, Sư đoàn 10 nguy vẫn thường xuyên càn quét sang các xã Bắc sông... Dựa vào bom đạn Mỹ chúng bắn cả ngày đêm trên vùng đất làm chủ của ta. Nhưng những lần càn quét ấy, chúng cũng bị đền tội, nhiều tên bị diệt, một số máy bay bị bắn hạ.

Ở Sùng Nhơn, thường ngày bom pháo địch ở Nam sông bắn qua làm cho nhân dân sinh hoạt khó khăn. Đến tháng 7-1966, chúng tổ chức càn vào xã từ hướng Nam sông qua. Khi chúng đặt chân lên vùng đất Sùng Nhơn I, nhân dân tản cư sâu vào cứ, du kích xã phối hợp đơn vị 422 của huyện và du kích xã Mê Pu bám đánh địch,

không thể hiện được âm mưu đã định. Dùng chúng lại dùng chất độc rải xuống vùng giải phóng làng, trâu bò và tiêu diệt 1967, chúng đã 8 lần rải Sùng Nhơn, Mê Pu. Lúc đầu n xuất, sau đó chúng rải ta đóng căn cứ. Cứ mỗi àu, cây cối rụng lá chết

am  
g trao

ay 30-6-1967  
ành đảng viên  
bộ lần thứ nhất.

53

dân, chỉ còn thân cây trơ trụi. Nhiều con chim, thú uống nước, ăn phải chất độc cũng bị sùi bọt miệng nằm dầy chết. Chất độc rải xuống từ độ cao khoảng 2 cây số, một làn sương mờ, đục tán ra theo chiều gió. Mỗi lần có từ 3 chiếc đến 5 chiếc máy bay C.130 đi thực hiện. Như ngày 15-7-1966, 5 chiếc C.130 rải chất độc từ hướng xã Nghị Đức bay sang hướng Mê Pu, qua xã Sùng Nhơn, bay về hướng Võ Đất. Trước khi 5 máy bay C.130 đến, các máy bay L.19, trực thăng HU 1A bắn vào bia rừng các xã giải phóng như thường lệ. Khoảng 8 giờ 10 phút, 5 máy bay C.130 bay cao khoảng 2km dàn thành hàng ngang bay qua bầu trời Mê Pu, hai bên hông chúng tuôn ra hai hàng khói trắng đục. Đến bia rừng giáp với Sùng Nhơn, 1 chiếc bị tổ dân quân trực chiến do chị Nguyễn Thị Tuyết xã đội phó Mê Pu chỉ huy bắn cháy. Bốn chiếc còn lại theo đà chúng rải tiếp qua Sùng Nhơn và khi qua Nam sông La Ngà chúng mới ngưng rải và bay về hướng Võ Đất. Liên sau đó, chiếc L.19 và máy bay trực thăng bắn rốc két về phía tổ dân quân trực chiến đã hạ máy bay của chúng. Đồng thời máy bay phản lực tiếp đến ném bom bắn phá đến 13 giờ mới thôi.

Trong nhiều lần bắn phá, rải chất độc của địch dân quân xã Sùng Nhơn cũng đã đánh trả quyết liệt. Trong tháng 6-1966, du kích xã Sùng Nhơn II bảo vệ đợt trồng mì trong phong trào thi đua "Trồng mì chống Mỹ" các đồng chí Ngô Văn Đức, Nguyễn Minh Điền, Trần Ta, Trần Đình Năm đã 2 lần bắn trả máy bay Đa-cô-ta đến rải chất độc, buộc chúng phải bay lên cao, thả không chính xác vào vùng dân cư. Cũng vào tháng 8-1966, tổ

chốt của lực lượng đại đội 422 có 3 đồng chí cùng với các đồng chí Kỳ, Hân, Đức, Năm, du kích xã Sùng Nhơn II đã hai lần bắn vào máy bay L.19 bay thấp tìm mục tiêu để bắn phá, buộc chúng phải bay lên cao.

Cùng với chống địch càn quét, bắn phá việc bố phòng của ta cũng được đẩy mạnh. Ngoài việc sản xuất, dân quân - du kích cùng nhân dân vót chông kết hợp với mìn, lựu đạn xây dựng tuyến bố phòng quanh căn cứ để ngăn chặn bước tiến của quân thù. Như xã Sùng Nhơn I cắm chông, gài mìn suốt từ bãi rừng Công Giáo (nay gần bầu Thủy Tạ...) đến dọc các thôn cũ, đến lò than và rải theo cầu Năm Sang bây giờ. Xã Sùng Nhơn II bố phòng trong các thôn cũ lên đến suối Ka Bôn (đường be-cây chanh) thẳng vào suối Lạnh. Đó là tuyến bố phòng vòng ngoài. Còn trong căn cứ của 2 xã, bố phòng dày đặc hơn. Ngoài ra ta còn tổ chức lực lượng tuần tra từ Bầu Lún đến Suối Cọp, gò mồi Bầu Tre đến Bến Thuyền, Cầu Be và cả dọc vùng suối Lạnh giáp với vùng kèm để kiểm tra cả dân vùng ta, vùng-tạm bị chiếm qua lại phát hiện bọn biệt kích giả dân sang vùng căn cứ. Ta còn lập các căn cứ dự phòng, khi có địch càn để chuyển đến.

Cùng với bắn trả máy bay địch, du kích xã còn chống địch dùng trực thăng đổ quân nhảy chụp và chống chúng càn quét. Như tháng 5 năm 1967, địch dùng trực thăng chở quân có máy bay L.19 và trực thăng vũ trang hỗ trợ đổ quân xuống xã Sùng Nhơn II lục soát tìm kiếm nơi ở của ta. Không phát hiện được mục tiêu chúng lại hốt quân đổ tiếp xuống vùng khác. Tổ trực chiến của bộ đội huyện cùng du kích xã đánh trả gần 1 giờ đồng hồ,

làm một máy bay của địch bị thương. Song, lực lượng ta có đồng chí Hoàng Kim Thái bị thương, đồng chí Kỳ, Hân hy sinh và mất 6 khẩu súng. Đến tháng 6-1967, chúng cũng dùng trực thăng chở quân đổ chụp xuống chặt phá cây bắp ở Cầu Bà Trang nhằm phá hoại nguồn sống của ta. Đội du kích xã do đồng chí Quang xã đội trưởng, đồng chí Năm xã đội phó cùng đồng chí Sáu, đồng chí Đáp bám ra chặn đánh. Bị ta tấn công, chúng rút xuống xã Sùng Nhơn I bị vướng 2 trái mìn do đồng chí Hiên và du kích xã gài làm 3 tên chết, 4 tên bị thương. Trong tháng 9 năm 1968, biệt kích từ Võ Xu tiến vào xã Sùng Nhơn I phục kích bắn chết đồng chí Lê Thị ở gốc cây dầu và bắn bị thương đồng chí Tuông ở ngã ba Bà Bồng.

Do địch càn quét, bắn phá và rải chất độc dài ngày, việc sản xuất bị đình đốn nên các kho lương thực dự trữ cạn dần làm cho đời sống nhân dân vùng giải phóng gặp rất nhiều khó khăn. Nhân dân vừa lo chạy càn, dõng chỗ ở, vừa lo sản xuất. Phong trào "Trồng mì chống Mỹ" được phát động trồng có một số kết quả nhưng chất độc rải xuống bị hư hại. Nhiều tháng vào mùa làm ruộng, máy bay địch rà sát trên đầu, không sao sản xuất được. Để khắc phục khó khăn đó, chi bộ xã chỉ đạo sản xuất ban đêm. Lúc đầu chủ trương này đưa ra một số người thực hiện, sau đó nhiều người làm theo. Lúc này nhân dân xã Sùng Nhơn II sản xuất lúa ở cầu Cây Gáo, bắp mì trồng ở vùng thôn ấp cũ và bắt cá, làm mây, cán sợi bán ở chợ vùng kềm Phương Lâm. Đồng bào xã Sùng Nhơn I sản xuất lúa ở phía tây chợ ngày nay và bắp, mì, lang trồng vùng trụ sở xã ngày nay. Nhiều bà con

xã Sùng Nhơn I làm cá bán trao đổi với đồng bào Mê Pu, Nghị Đức, Huy Khiêm, Tê Lễ là vùng giải phóng nên thuận lợi, đời sống tương đối đỡ hơn Sùng Nhơn II.

Việc sản xuất tuy có chú ý đẩy mạnh, nhưng do địch bắn phá nên kết quả không cao. Trong những năm 1966, 1967, 1968, tình hình ốm đau, thiếu đói diễn ra thường xuyên. Mặc dù được tỉnh Bình Thuận huy động các huyện, xã bạn ủng hộ quần áo thuốc men và chi bộ, chính quyền có nhiều cố gắng giải quyết nhưng vẫn chưa đáp ứng nổi. Cuối cùng chi bộ đề nghị huyện cho số ông bà già, con trẻ tạm lánh (tản cư ngược) sang vùng Phương Lâm sinh sống, để giải quyết phần nào khó khăn đó. Trong điều kiện thiếu cơm, lạt muối ốm đau và nơi ăn chốn ở tạm bợ nhưng tinh thần cách mạng không giảm sút. Trong vùng căn cứ, nhân dân có câu :

*Nhà ta là tấm ni lông,*

*Cửa ta là một cái bồng trên vai.*

*Thắng quân giặc Mỹ tay sai,*

*Mới mong hạnh phúc tương lai huy hoàng.*

Cùng với tình hình chung trong xã, cuối 1966 huyện thành lập một cửa khẩu do đồng chí Hanh phụ trách có 10 đồng chí đứng chân ở Bàu Lún nơi giáp ranh giữa Sùng Nhơn với xã Chính Đức. Cũng nhờ cửa khẩu này hỗ trợ một phần giống cây lương thực như cây mì, dây lang, bắp... cho xã Sùng Nhơn sau những lần địch rải chất độc hóa học. Sau mỗi lần mua được hàng từ cửa khẩu này và cửa khẩu đường 20, nhân dân trong xã góp phần công sức cùng bộ đội đi vận chuyển về căn cứ.



Cũng vào cuối năm 1966 , Khu 6 nhận được hàng chi viện của Miền. Việc thiết lập một đội vận tải và hành lang giao thông chuyển hàng về cũng đã hình thành. Đầu năm 1967, đội vận tải có khoảng 30 người đã được thành lập lấy phiên hiệu H.50. Đến 4-1967, Quân khu 6 bổ sung thêm 50 chiến sĩ của D.145 trợ chiến cùng với thanh niên các địa phương được điều động đến đã hình thành một tuyến đường vận chuyển hoàn chỉnh từ Miền về các địa phương trong Khu dài 250km. Đoạn đường tải về Bình Thuận có đoạn đi qua xã Sùng Nhơn. Đoạn đường ấy đi từ km 130 -150 đường 20 đến km 132 - 136 qua Đa Kai về đôi 300 đến chân núi Lô Ô về đèo Bà Xa. Những người tải hàng mang 30 - 40 kg luôn rừng lau sậy, cây cối và có lúc đi dưới bóng cây rừng già. Họ ra đi từ 5 giờ sáng đến 5 giờ tối mới dừng chân. Ở đoạn km 142 ở đường 20, họ phải chui dưới cống dài 12m. Trong khi đó địch đóng đồn và gài mìn hai bên cống cùng cây cối ngổn ngang đã gây nhiều khó khăn cho ta khi vượt qua. Đoạn đường qua Sùng Nhơn có an toàn hơn, nhưng cũng thường bị máy bay địch bắn phá. Song vì nhiệm vụ cách mạng, các chiến sĩ H50 đã vượt qua tất cả. Cũng từ khi có con đường vận chuyển này, nhân dân vùng giải phóng có thêm nhiệm vụ giúp đỡ đoàn và đi dân công vận tải hàng hóa cho kháng chiến. Trong những năm 1967 trở đi, tuy cuộc sống khó khăn, gian khổ cán bộ đảng viên và nhân dân trong xã đã tham gia đi dân công vận tải hàng cho tỉnh, cho khu. Trong số này có các bà mẹ đã ngoài 60 tuổi như : Đặng Thị Chiến, Nguyễn Thị Thông (Cư).v.v... hăng hái tham gia. Nhiều người đi tải

hàng 3, 4 tháng trời và có những ngày chỉ ăn cây chuối  
vẫn hoàn thành nhiệm vụ.

Ngoài nhiệm vụ vận tải hàng từ trên về Khu, đường  
hành lang còn là nơi đưa cán bộ, thương bệnh binh ra  
miền Bắc công tác và chữa trị, đưa cán bộ tỉnh, huyện  
về Miền (R) hội họp học tập. Đồng thời nhiệm vụ của  
đường hành lang còn là nơi đón tiếp nuôi dưỡng tân binh  
từ miền Bắc vào bổ sung cho tỉnh, cho huyện. Vì vậy,  
bệnh xá X6 ra đời và đóng ở Suối Lạnh làm nhiệm vụ  
đó. Còn xã Sùng Nhơn đóng góp công sức, tiền của chạy  
chữa cho bệnh nhân, phục vụ cho an dưỡng và cứu chữa  
thương binh trong các trận chiến đấu.

Ngoài việc xây dựng căn cứ, bố phòng, sản xuất  
công tác văn hóa xã hội cũng được huyện chỉ đạo và xã  
tổ chức. Về tổ chức học văn hóa cho các em thiếu niên  
trong điều kiện này gặp rất nhiều khó khăn. Đến khi  
đồng chí Hoàng Kim Thái bỏ chữa khỏi vết thương về  
lại xã căn cứ đã tổ chức dạy học cho các cháu.

\*

\*

\*

Để chuẩn bị chiến dịch mùa khô 1967 - 1968, Quân  
khu 6 cắt các huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý, Hải  
Ninh và K67 thành lập tỉnh Bắc Bình. Đối với huyện  
Hoài Đức, cuối năm 1967 tỉnh Bình Thuận rút đại đội  
422 (trừ trung đội 3) thành lập đơn vị mới tăng cường  
cho trên và đồng chí Hoàng Từ bí thư huyện cũng được

điều động về tỉnh. Trong bối cảnh đó, Huyện ủy bầu bổ sung các đồng chí Lại Hồng Thao, Tạ Ngọc Thừa, Đức Trọng vào Thường vụ và đồng chí Ngô Thanh Bình quyền bí thư. Về lực vũ trang, sau khi đại đội 422 rút đi, đại đội 421 được tăng cường thêm trung đội 3 của đại đội 422 nên quân số được đầy đủ hơn để làm nhiệm vụ đánh địch trong huyện. Trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968, huyện Hoài Đức không phải là điểm của chiến dịch nhưng đơn vị 421 đánh địch ở Chính Đức, Võ Xu, Huy Lễ, phối hợp với chiến trường chính Phan Thiết và mở vùng mở mảng. Qua hoạt động trong đợt Tết Mậu Thân, nhiều chị em phụ nữ tham gia cách mạng. Trên cơ sở đó, ngày 2-3-1968 trung đội nữ công binh của huyện được thành lập với bí danh là B.434 có 22 chị em, do chị Nguyễn Thị Tuyết trung đội phó trực tiếp chỉ huy. Đến ngày 24-4-68 đội trinh sát vũ trang huyện được thành lập có 6 đồng chí và đến tháng 9-1968 huyện thành lập thêm đơn vị cối 82 do 11 chị em phụ nữ đảm nhiệm. Có thể nói đây là lúc huyện nhà phát triển lực lượng vũ trang tập trung, đủ sức bảo vệ vùng giải phóng và tấn công địch ở vùng kèm. Đồng thời để phù hợp với chiến trường sau tết Mậu Thân (1968) Khu 6 giải tán tỉnh Bắc Bình và thành lập tỉnh Bình Tuy do đồng chí Lê Khắc Thành làm bí thư có 3 huyện : Hàm Tân, Hoài Đức, Tánh Linh và thị trấn La Gi.

Đối với xã Sùng Nhơn, sau khi chuyển số ông bà già, trẻ con về vùng tạm bị chiếm để tránh thiệt hại về người. Số thanh niên và những người khỏe mạnh còn lại ít nên cũng vào đầu năm 1968, huyện chủ trương sát

nhập Sùng Nhơn I, II thành một xã có 2 thôn. Sau khi sát nhập, huyện chỉ đạo tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân xã và Hội đồng cử ra Ủy ban nhân dân xã gồm :

- Đồng chí Võ Nhứt, làm chủ tịch.
- Đồng chí Lê Thị, phó chủ tịch kiêm công tác an ninh.
- Đồng chí Lê Nghiêm, phó chủ tịch, phụ trách tài chính kinh tế và xã hội.
- Đồng chí Nguyễn Viết Nha, thư ký thường trực.
- Đồng chí Nguyễn Hiếm, xã đội trưởng.
- Đồng chí Trần Quang, chính trị viên xã đội.

Về đoàn thể : đồng chí Phan Mau, bí thư nông hội và đồng chí Trương Biên phó nông hội xã, kiêm phụ trách an ninh thôn II, đồng chí Đặng Thị Pha, hội trưởng phụ nữ và đồng chí Nguyễn Thị Nhân phó hội trưởng phụ nữ xã kiêm phụ trách phụ nữ thôn I, đồng chí Trần Đình Năm bí thư xã đoàn.

Đến tháng 7-1968, huyện điều đồng chí Trần Phong bí thư về huyện công tác. Đến khoảng tháng 9-1968, đồng chí Võ Nhứt chi ủy viên, chủ tịch Ủy ban xã cũng được điều về huyện công tác và đồng chí Lê Thị chi ủy viên chi bộ, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã trên đường đi công tác bị địch phục kích đã hy sinh. Trong bối cảnh đó, Huyện ủy chỉ đạo củng cố lãnh đạo xã Sùng Nhơn.

Về chi bộ, do chưa hết nhiệm kỳ đại hội nên Thường vụ Huyện ủy quyết định chỉ định : đồng chí Nguyễn Viết Nha bí thư chi bộ, kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.



- Đồng chí Trần Quang, phó bí thư kiêm chính trị viên xã đội.

- Đồng chí Nguyễn Thế Khuynh, chi ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Hiến, chi ủy viên.

- Đồng chí Đặng Thị Pha, chi ủy viên.

- Đồng chí Trương Biên, chi ủy viên.

- Đồng chí Lê Nghiêm, chi ủy viên.

Đảng số của chi bộ đến nay có 19 đảng viên, trong đó có 6 đồng chí đảng viên nữ <sup>(1)</sup>

Về chính quyền, đồng chí Nguyễn Viết Nha, chủ tịch.

Đồng chí Lê Nghiêm, phó chủ tịch kiêm tài chánh, kinh tế.

Đồng chí Trương Biên, Phó chủ tịch phụ trách an ninh.

Đồng chí Hiến, xã đội trưởng.

Đồng chí Đình Hiên, ủy viên ủy ban, xã đội phó.

Chính quyền thôn I do đồng chí Trương Quyền là thôn trưởng và thôn II do đồng chí Nguyễn Thế Khuynh làm thôn trưởng.

(1) Chi bộ Sùng Nhơn có 19 đồng chí đảng viên gồm : đồng chí Nguyễn Viết Nha, Nguyễn Thế Khuynh, Lê Nghiêm, Trương Biên, Đặng Thị Pha, Trần Thị Thanh, Trần Đình Quang, Đình Thị Liên, Trần Thị Cải, Nguyễn Thế Sáu, Trương Đáp, Huỳnh Tân, Nguyễn Thị Nhân, Đình Hiên, Nguyễn Thị Trạ, Phan Mau, Nguyễn Hiến (Hùng), Trương Quyền.

Còn các đoàn thể quần chúng : Đoàn thanh niên xã do đồng chí Trần Đình Năm làm bí thư. Tổ chức Nông hội do đồng chí Phan Mau làm bí thư và phụ nữ do đồng chí Đặng Thị Pha làm hội trưởng, đồng chí Trần Thị Thanh và Nguyễn Thị Nhân làm hội phó.

Chính quyền được củng cố, phong trào cách mạng phát triển, chỉ bộ luận luôn được Huyện ủy công nhận là chi bộ 4 tốt<sup>(1)</sup> và đã lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, đoàn kết nhất trí, tin tưởng vào cách mạng quyết tâm bám đất sản xuất, xây dựng thể ăn ở và nhiệt tình phục vụ tiền tuyến. Với thành tích đó, năm 1968 huyện đề nghị Khu, tỉnh khen thưởng xã Sùng Nhơn<sup>(2)</sup>.

Sang đầu năm 1969, tình hình chung trong xã tương đối ổn định do địch đang lo đối phó ở những nơi bị ta tấn công trong Tết Mậu Thân. Còn đồng bào căn cứ sản xuất và đang thu vụ bắp đầu mùa có năng suất bội thu so với nhiều năm trước. Trong khi đó, chiều ngày 6-7-1969<sup>(3)</sup> địch dùng nhiều chuyến trực thăng chở 1 tiểu đoàn từ Võ Đất đổ tại cánh đồng Năm Sao - Bến thuyền và

- 
- (1) Tiêu chuẩn 4 tốt là : 1. Lãnh đạo tốt ; 2. Chiến đấu tốt ; 3. Sản xuất tốt ; 4. Đoàn kết tốt.
  - (2) Trong quá trình củng cố, xây dựng căn cứ năm 1968 đã đẩy mạnh sản xuất dự thu 12.533 lít gạo - làm cá, đào lươn bán được 360.000 đ để mua lương thực. Động viên 4 người đi thoát ly. Đi phục vụ tiền tuyến 1.290 ngày công, làm công tác ở địa phương 451 công.
  - (3) Theo ý kiến đồng chí Trần Đình Năm : địch càn quét vào 5-8-1969.





êm quân một đêm tại đây. Sáng ngày hôm sau, chúng chia làm 3 mũi do tên Tám Thụ dẫn đường càn vào thôn 2 Sùng Nhơn. Ngay trong chiều chúng đổ quân, chi bộ và xã đội Sùng Nhơn đã nhóm họp để bàn kế hoạch chống càn. Các đồng chí lãnh đạo xã dự kiến địch có 2 khả năng : Có thể chúng càn quét xung quanh Bến Thuyền đến tận Bàu Đá để ruồng bắt, cắt đứt sự quan hệ buôn bán của đồng bào vùng căn cứ với vùng kèm. Khả năng thứ hai có thể chúng diệt đội thu thuế của huyện ở đây, rồi tiến vào căn cứ thôn 2, sau đó tiến xuống thôn 1 rút qua cầu Là Ngà về lại vùng chúng kiểm soát. Sau khi thảo luận cân nhắc, các đồng chí trong Chi ủy, xã đội nhất trí địch có thể thực hiện khả năng thứ hai.

Ngay trong chiều hôm đó, kế hoạch chống càn đã được vạch định. Đối với nhân dân chuẩn bị cất giấu lương thực, đồ đạc. Nếu địch đến ông bà già, trẻ nhỏ cho rút về cứ dự phòng trước, số người khỏe mạnh lo tiếp tế giúp sức cho du kích sẽ rút về sau. Trong khi đó, du kích được xã đội phân chia thay nhau canh gác, tuần tra nắm địch suốt đêm. Đến sáng hôm sau, tiểu đội du kích tuần tra từ căn cứ đến Vườn Chanh vẫn chưa phát hiện được địch nên một số đồng chí về nhà ăn sáng. Khi nhận được tin chưa phát hiện được địch, Chi ủy và xã đội họp bàn nhận định : Khả năng ta đi tuần sớm và địch hành quân đi trong rừng có thể anh em chưa gặp chúng ? Để nắm lại tình hình địch, đồng chí Quang chính trị viên xã đội trực tiếp đi kiểm tra. Khi đến vườn ông Nương bây giờ đồng chí Quang phát hiện chúng đang qua đường Be và

Còn các đoàn thể quần chúng xã do đồng chí Trần Đình Năm hội do đồng chí Phan Mau làm hội chí Đặng Thị Pha làm hội Thanh và Nguyễn Thị Nhí của chúng (1). Đồng chí

Chính quyền được nhân dân và du kích ở phát triển, chi bộ cũng tiếng súng cũng làm cho là chi bộ 4 tốt(1) của đồng chí nên chúng bán cả khó khăn theo. Tiếng súng báo động của đồng chí

Quang đã làm cho nhân dân trong căn cứ biết hướng địch đến để rút về cứ ở hang đá núi Lở Ô và du kích triển khai chiến đấu. Khi đồng chí Quang về đến cứ, cứ đồng chí Khuynh đến thôn 1 báo cho du kích triển khai chiến đấu tại vùng lò than (trụ sở xã ngày nay) để phòng địch tiến vào thôn từ hướng này. Đồng thời 5 đồng chí du kích xã : Trần Đình Năm, Nguyễn Thế Sáu, Trương Đáp, Hoàng Kim Thái cùng đồng chí Quang triển khai đội hình chiến đấu và di chuyển lúc nơi này, lúc nơi khác bắn trả 2 hướng tấn công của địch làm cho chúng lúng túng không xác định được vị trí của ta. Để tiêu diệt lực lượng du kích trong một vùng cây rậm chưa định hướng, chúng bắn M.79 hòng sát thương đối phương nhưng không ngờ cành cây cản đạn rơi tại chỗ làm chúng bị thương. Trong lúc cuộc chiến đấu đang ác liệt, các đồng chí phát hiện đồng chí Phan Mau bí thư Nông hội xã bị thương, đồng chí Năm và đồng chí Sáu được cử tới đưa đồng chí Mau về tuyến sau, nhưng do bị thương nặng đồng chí đã hy sinh.

Trong khi đó, bà Cấn mẹ của đồng chí Sáu do già yếu chạy về cứ mới không kịp bị chúng bắt đưa về La Gi, sau 1975 bà trở về lại vùng đất cũ. Còn ông Chiến

(1) Đường be là đường do xe be đi lại khai thác gỗ, chở hàng.

tuổi già lại bị thương nặng nên chết tại chỗ. Lúc du kích dùng bắn trả, một cánh quân của địch vừa bắn vừa tiến về phía ta. Đồng chí Năm bắn hết 49 viên đạn, bẻ gãy một cánh quân địch và đồng chí Sáu bắn trả mãnh liệt vào cánh quân khác đang dùng hỏa lực khống chế ta.

Sau hơn một giờ chiến đấu bảo vệ nhân dân rút về cứ, tổ du kích còn ít đạn nên cũng phải rút khỏi vòng vây của quân thù. Trong khi đó, địch tiến vào vùng không còn bóng người và bị chết, bị thương 22 tên (theo lời kể của bà Cấn khi trở về sau 1975) nên chúng đưa 3 máy bay trực thăng lên chở xác và rút quân về Nam sông. Khi địch rút lui, đồng chí Năm và đồng chí Sáu trở lại cứ cũ tìm dân thì gặp đồng chí Nha và một số đồng chí khác đang bám tại đây. Các đồng chí mai táng chôn cất đồng chí Mau và rút về căn cứ.

Kẻ thù thật man rợ, khi mới rút khỏi căn cứ của ta, chúng cho máy bay, phi pháo bắn phá nhằm hủy diệt những gì còn sót lại. Nhiều nhà cửa tan hoang, bấp mớ thu hoạch về hư hỏng, đồ đạc không còn sử dụng được.

Nhưng đây cũng là trận chống càn thắng lợi của xã Sùng Nhơn với lực lượng ít đánh lui cả tiểu đoàn của địch, bảo vệ được dân rút về cứ an toàn. Nó cũng thể hiện sự trưởng thành của du kích xã và sự chỉ đạo kịp thời của Chi ủy xã.

Để ổn định đời sống sau trận càn vừa qua, Chi ủy và chính quyền xã đã chuyển dân thôn 2 về xây dựng căn cứ tại con suối cách thôn 1 và Mê Pu 500m (nay là Suối Cạn). Tại căn cứ mới này, nhân dân bắt tay vào

làm nhà, xây dựng tuyến bố phòng, đào hầm hào chống phi pháo, bom đạn của địch. Để giải quyết đời sống trước mắt, đồng bào thôn II phát rẫy tại lò than gần thôn 1 để trồng lang. Mặt khác, từ căn cứ mới đến sản xuất tại thôn 2 cũ khá xa nên tuyến bố phòng cũng kéo dài theo đường đi làm của dân để chống địch.

Sau lần Mỹ - ngụy càn quét xúc dân vùng giải phóng về Nam sông, đồng bào còn lại tiếp tục xây dựng xã căn cứ, chống địch càn quét, bắn phá và nhiều lần phải thay đổi nơi ăn, thế ở với quyết tâm một tấc không đi, một ly không rời. Cũng trong khói lửa chiến tranh, Chi bộ Đảng xã Sùng Nhơn ra đời đã đánh dấu bước trưởng thành của phong trào cách mạng và cuộc chiến đấu có Đảng lãnh đạo trực tiếp. Đây là bước phát triển của phong trào cách mạng xã nhà.

## II - NHÂN DÂN SÙNG NHƠN TRONG VÙNG TẠM BỊ CHIẾM, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH ĐỒN DÂN LẬP ẤP VÀ GÂY DỰNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG.

Sau khi dùng 8.000 quân càn quét bắn phá các xã giải phóng ở Bắc sông La Ngà 11-1965, Mỹ - ngụy ngoài cướp phá hoa màu, heo gà và bắn giết nhiều người, chúng còn dồn 6.090 người dân về Nam sông. Hai xã Sùng Nhơn I và II cũng bị dồn hơn 2.117 người về vùng kềm của chúng. Đối với số người đầu hàng theo địch, chúng cho ở vào làng chiêu hồi vừa mới lập ở Võ Đất có nhà cửa, phương tiện sinh hoạt khá đầy đủ. Còn đại đa số dân bị xúc tát về chúng đưa vào ở tạm tại khu nhà thờ, chợ, trường học. Tại đây chúng phân loại ai là cán bộ, ai là dân để có những hành động quản thúc theo dõi và chiêu

hội. Những người dân sống thiếu thốn trăm bề, bệnh tật và nhiều tệ nạn xã hội diễn ra. Trong hoàn cảnh đó, nhân dân đón tết Ất Ty với cảnh tha phương, nheo nhóc. Không chịu cảnh sống cơ cực đó, đồng bào đấu tranh đòi địch phải lo ăn ở, phải cho dân về làng cũ thu hoạch. Địch vừa khất lãn, vừa hù dọa, nhưng nhiều người bí mật trốn về lại vùng giải phóng. Trước sự đấu tranh của dân, buộc chúng phải cho ủi vùng hai bên lộ 334 từ nghĩa địa Võ Đất đến Chính Đức. Đến tháng 2-1966, số dân bị dồn Bắc sông về, chúng cho lập hai xã mới gồm xã Sùng Nhơn và Nghị Đức (nay thuộc xã Đức Chính). Xã Sùng Nhơn gồm cả dân Mê Pu hình thành 4 ấp : Nhơn Hòa (Sùng Nhơn I), Nhơn Đức (Sùng Nhơn II) và Đức Cần, Đức Kiệm (là dân Mê Pu). Mỗi ấp chúng chia nhiều liên gia. Hệ thống chính quyền của chúng theo tổ chức các ấp chiến lược : xã có Ban hội tề, xã trưởng, xã phó và có các bộ phận kèm kẹp khác. Các ấp cũng có ấp trưởng, ấp phó và các liên gia trưởng. Những tên phản động theo địch giờ về làm trong chính quyền xã, ấp kèm kẹp, trá thù nhân dân nên cuộc sống của người dân cách mạng thêm điêu đứng. Chúng còn bắt dân đào hào, vào rừng chặt cây về rào ấp. Khu ấp của xã dài 1,5 km, rộng 320m cách quận lỵ Võ Đất 2,5 km. Trong ấp có 800 hộ với 3.500 khẩu ở dọc hai bên lộ, theo ô bàn cờ. Phía Tây của xã là sông La Ngà và phía Nam là rẫy cách rừng già 300 m, phía Đông giáp với xã Chính Đức và yếu khu Võ Xu. Xã Sùng Nhơn (Làng mới) đóng trên gò cao nên quan sát được các vùng xa. Nếu muốn từ núi Dinh vào ấp phải đi qua một khu rẫy, ruộng và suối. Vì vậy, muốn đưa dân về căn cứ trong mùa mưa thuận lợi hơn nhưng

phải đưa vào rừng ém lại, dùng thuyền đưa dân qua sông. Nên việc đưa dân ra vùng kháng chiến phải công phu. Trong xã có B.20 dân vệ gồm 22 tên, do tên trung sĩ Nhỏ chỉ huy, chúng ở trong nhà dân. Trong ấp, chúng xây dựng bót gác, mỗi gia đình phải có mõ, gậy, dây, khi Việt cộng về hoạt động phải đi báo. Sáng dậy đi làm, chiều về nhà, người dân phải đi đúng cổng quy định dưới sự kiểm soát của tề ấp và lính nghĩa quân canh gác 24/24 giờ. Sau chiến thắng Mậu Thân của ta, đầu năm 1969, chúng đưa thêm trung đội 37 nghĩa quân về đóng ở ấp Nhơn Đức (Sùng Nhơn II) và mỗi ấp đều xây dựng các lô cốt. Mặt khác, để quản lý nắm chặt nhân dân trong các ấp ở xã Sùng Nhơn, chúng đưa một đội Bình định nông thôn về đây hoạt động và tăng cường thêm lực lượng dân vệ tuần tra canh gác ban đêm. Hơn thế nữa, chúng còn cho ủi phá hơn 60 km đất rừng từ núi Dinh đến Võ Đất, Võ Xu nhằm làm quang địa hình để cách mạng không về bám vào dân và dân trong ấp khó lòng liên lạc với cách mạng qua sự canh gác kiểm soát từ xa của chúng.

Từ khi địch dồn dân Bắc sông về Nam sông, quận Hoài Đức của địch chỉ còn kiểm soát được các xã Trà Tân Một, Trà Tân Hai, Võ Đất, Chính Đức, Võ Xu và xã Sùng Nhơn, Nghị Đức mới thành lập. Để tồn tại, chúng tăng cường lực lượng quân sự, xây thêm đồn bót dày đặc từ xã, ấp đến quận lỵ và trên các trục đường quan trọng, tạo thành 1 hệ thống liên hoàn nhằm bảo vệ vùng kiểm soát của chúng. Chúng thành lập cơ quan hành quân hỗn hợp đóng ở Võ Xu, đặt nhiều trận địa

pháo ở đồi Bảo Đại, ở Chính Đức nhằm khống chế bảo vệ vùng của chúng và bắn phá sang vùng giải phóng của ta ở Bắc sông. Chi khu Võ Đất là quận lỵ nên chúng bố phòng, củng cố kiên cố thêm. Có thể nói địch tập trung mọi nỗ lực về quân sự, chính trị để bảo tồn vùng kiểm soát.

Trước tình hình ở vùng tạm bị địch chiếm như vậy, Huyện ủy vận động, tập hợp số thanh niên yêu nước thoát ly tham gia cách mạng sang Bắc sông để học tập chính trị, quân sự trở về gây dựng phong trào tại địa phương mình. Số thanh niên ở xã Sùng Nhơn vùng kèm thoát ly trong thời gian này có các chị Trần Thị Tâm, Lê Thị Thiện... Đồng thời huyện đội rút một số bộ đội, cán bộ cùng số thanh niên thoát ly thành lập các đội công tác phụ trách các xã bị địch kèm. Mỗi đội công tác có 5 đến 7 đồng chí và nhiều đồng chí đội trưởng là Huyện ủy viên. Đội công tác ra đời hoạt động trên từng địa bàn làm nhiệm vụ xây dựng phong trào cách mạng, gây cơ sở, diệt tề ngụy... là đầu mối liên hệ giữa nhân dân vùng địch với Đảng và lực lượng cách mạng bên ngoài. Đội công tác K.15 hoạt động vùng núi Dinh, Đội K.14 hoạt động dọc sông La Ngà nối với vùng giải phóng Mê Pu - Sùng Nhơn. Đội K.13 hoạt động ở Chính Đức. Đội K.10 hoạt động ở Võ Đất, trung tâm quân sự của địch. Còn đội K.12 có 10 đồng chí hoạt động trên vùng đất Sùng Nhơn - Nghị Đức (Làng mới) do địch mới lập ở vùng kèm do đồng chí Phong (Cánh) làm đội trưởng. Mặt khác, huyện điều đại đội 421 về Nam sông hoạt động trong dân vừa móc nối xây dựng cơ sở, nắm địch vừa vận động thuốc men lương thực ủng hộ cách mạng và hướng dẫn nhân dân đấu tranh với địch.

Sau khi xây dựng, củng cố lại lực lượng cách mạng ở Nam sông (vùng tạm bị chiếm) tháng 9-1966 Huyện đội giao cho đại đội 421 phối hợp với đội công tác K12 tiêu diệt B.20 dân vệ để mở vùng tạo điều kiện cho việc gây cơ sở trong các ấp của xã Sùng Nhơn và vận động nhân dân trở về căn cứ giải phóng Bắc sông. Sau một thời gian điều tra nghiên cứu nắm địch, đơn vị 421 cùng đội công tác K12 xác định được vị trí của B20 tuy lực lượng không nhiều nhưng chúng đóng trong đồn bót nằm ở trên gò đất và một số ở lẫn trong dân. Với thế bố trí các ấp chiến lược liên hoàn, chúng có thể hỗ trợ cho nhau. Ta tiếp cận mục tiêu từ núi Dinh phải trái qua khu ruộng, rẫy và suối mới tiến vào ấp nên gặp nhiều khó khăn và đưa dân về cũng phải đi qua các cánh đồng trống đò. Địch thường ăn ở trong dân nên khó diệt gọn. Nhưng điểm yếu của chúng là công sự chưa vững chắc, đóng dã chiến, nhiều dân vệ do bị bắt ép cầm súng chống cách mạng và tề xã, ấp chưa có trụ sở, ngày làm việc tối về Chi khu ngủ. Đó là thế yếu của địch.

So sánh với lực lượng địch, lực lượng ta mạnh cả về tinh thần, trang bị (C.421 có 62 đồng chí và đội K12 có 10 đồng chí là người địa phương thông thạo địa hình). Nhưng nhiệm vụ trụ lại ban ngày chặn viện từ Chi khu đến (C738 bảo an và B dân vệ quận chỉ viện) để cho đội mũi chính trị vận động nhân dân có khó khăn. Khi biết địch, biết ta xử lý các khó khăn trong dự kiến xảy ra, lúc 18 giờ ngày 1-10-1966 đơn vị đã đến vị trí tập kết cách ấp 200m. Đúng 0 giờ 35 phút ngày 2-10-1966, với 2 mũi tấn công từ hướng Bắc, Tây Nam vào ấp, mũi thứ



3 chặn viện từ Võ Đất lên và đội công tác sẵn sàng vào vận động nhân dân khi lực lượng quân sự đã diệt xong B20 dân vệ. Với lối đánh bất ngờ, táo bạo sau 30 phút chiến đấu 2 mũi tấn công của ta đã làm chủ trận địa diệt 12 tên, bắn bị thương 6 tên, 4 tên dân vệ chạy thoát và thu một số vũ khí. Trong khi tiếng súng tấn công địch vang lên, đội công tác được tăng cường thêm 6 đồng chí của đại đội 421 nhanh chóng tiếp cận nhân dân vận động được 8 hộ (khoảng 35 khẩu) sắp xếp tài sản đưa ra rừng chuẩn bị vượt sông và ngày hôm sau về được căn cứ an toàn. Khi tiếng súng của ta tấn công vào Làng Mới, địch ở Chi khu đã nhận được tin, song mãi đến hơn 5 giờ sáng chúng mới điều C738 bảo an và B dân vệ quận, tổng số 75 tên chia làm 2 mũi cặp theo hai bên lộ 334 tiến về Làng Mới. Chúng tiến đến đâu được pháo binh ở đồi Bảo Đại yểm trợ bắn vào ranh rào gây khó khăn cho ta và tạo thuận lợi cho bộ binh địch tiến vào áp. Chúng dùng cả trực thăng vũ trang bắn vào vị trí của ta trong xã. Khi lực lượng tiếp viện của chúng đến, bị lực lượng chặn viện của ta chặn đánh, chúng tổ chức phản công nhiều lần. Sau đó, C241 tổ chức thêm lực lượng đánh viện nên cuộc chiến đấu tiếp theo kéo dài 40 phút, ta diệt 14 tên, làm bị thương 11 tên, ta hy sinh và bị thương 5 đồng chí. Trong khoảng thời gian này, số dân về vùng giải phóng đã di chuyển ra hết bờ sông trong đêm nên an toàn. Thấy tình thế không cho phép trụ lại trong ngày để đánh lui quân chi viện của địch, ta rút khỏi trận địa. Tuy ta chưa bám trụ lâu dài diệt tề và đánh lui quân tiếp viện của địch, song đây là một thắng lợi có ý nghĩa tác động lâu dài đối với đồng bào

trong vùng tạm bị chiếm là cách mạng vẫn bên cạnh họ, tạo điều kiện cho những người yêu nước thoát ly tham gia cách mạng, hoặc làm cơ sở ủng hộ cách mạng tại chỗ.

Sau khi ta rút đi, địch củng cố lại các ấp trong xã Sùng Nhơn (Làng Mới). Chúng truy lùng những ai ủng hộ bộ đội giải phóng, tra khảo họ hàng những người và gia đình đã về lại vùng căn cứ. Những gia đình có người tham gia cách mạng, hoặc sống bên vùng giải phóng chúng liên tục kêu lên trụ sở xét hỏi, tra khảo, răn đe theo dõi. Cảnh tượng tra hỏi, uy hiếp làm cho dân chúng trong ấp nơm nớp lo sợ. Mặt khác, địch bắt dân sửa lại ranh rào ấp chiến lược đã bị phá banh, gấp rút xây dựng các công sự vững chắc, tăng cường thêm lực lượng canh phòng. Tuy vậy, kẻ thù ở Sùng Nhơn vừa khủng bố nhân dân, nhưng chúng cũng hoang mang dao động sau những trận tấn công của ta.

Tiếp đến trong những tháng cuối 1966 và đầu năm 1967, lực lượng vũ trang cách mạng liên tiếp đánh nhiều trận có tác động đến đồng bào trong vùng tạm bị chiếm. Như tháng 11-1966, bộ đội của Công trường 5 (Sư đoàn 5) cùng C421 tấn công địch ở Chùa Quang Minh - Võ Xu. Ngày 16-2-1967, đơn vị Q4 (Công trường 5) cùng C421 và đội K12 đánh lính sư đoàn 10 ngụy ở Chính Đức. Đầu 1967, lữ 173 Mỹ cùng sư 10 ngụy chuyển đến càn quét ở đường số 331 và đường 20. Lực lượng của C421 và 422 phối hợp đánh một tiểu đoàn thuộc sư 10 đang vây ráp bắt lính tại Làng Mới làm cho chúng phải rút về Võ Đất. Chúng đưa lính Mỹ từ hướng núi Dinh đến hỗ trợ, hòa

lực chúng mạnh, quân đông, bộ đội ta phải vừa đánh, vừa rút về sông La Ngà. Trong trận này ta diệt 7 tên Mỹ. Tối đến, khi lính Mỹ rút về cứ, bộ đội tổ chức vào lại trống áp truy lùng tề vệ và vũ trang tuyên truyền, thu mua lúa gạo và rút 4 thanh niên thoát ly. Đây cũng là trận đánh có tác dụng phá kèm mở mãng ở Sùng Nhơn.

Ngoài ra bộ đội và đội công tác còn thường xuyên đột áp tuyên truyền, đánh địch, tổ chức méttinh rải truyền đơn trong xã. Trong thời gian qua, ta hoạt động đều khắp trong vùng tạm bị chiếm, nên địch bắt dân các xã về Võ Đất, đào hào, chặt cây rào Chi khu. Để phá âm mưu này của địch, ta gặp dân trong xã Sùng Nhơn để tuyên truyền giải thích : Đi làm cho địch ở Chi khu là góp phần kèm dân ở Võ Đất, như thế cũng kèm dân trong xã. Đi làm cho địch không may gặp cách mạng pháo kích bị thiệt thân và bỏ cả việc nhà. Dân thấy được thủ đoạn của địch nên nhiều người tránh lánh không đi.

Vào đầu năm 1968, trên toàn miền Nam đang diễn ra cuộc tổng tấn công nổi dậy liên tục đánh vào hang ổ, sào huyệt của Mỹ - Ngụy. Trọng điểm cuộc tấn công ở Bình Thuận là chiến trường Phan Thiết. Để phối hợp với chiến trường chính trong tỉnh, huyện Hoài Đức với mọi khả năng hiện có tổ chức lực lượng đánh vào xã Chính Đức trong đợt I. Ta còn tấn công vào các xã Võ Xu, Võ Đất là để phối hợp với Chính Đức. Trong đợt II, huyện tổ chức đánh vào Huy Lễ. Với thế chung, tình hình địch ở Hoài Đức dao động hoang mang, bà con trong các ấp Sùng Nhơn phấn khởi, bọn tề vệ không dám hống hách

như trước. Vào đợt III, Võ Đất, Võ Xu được tỉnh chọn là điểm, nên lực lượng vũ trang huyện cùng đội công tác phối hợp đánh địch trong những tháng 9 - 10/1968.

Nhìn chung từ 1966, khi bị dồn về Nam sông đến tổng tấn công trong Tết Mậu Thân năm 1968, đồng bào xã Sùng Nhơn đã góp phần không nhỏ trong đấu tranh với địch và xây dựng lại cơ sở cách mạng, đóng góp thuốc men, lương thực và thoát ly tham gia cách mạng. Ngọn lửa cách mạng trong vùng tạm bị chiếm vẫn không bao giờ tắt trong những ngày đen tối.

### III - BAN CÁN SỰ HUYỆN NAM THÀNH ĐƯỢC THÀNH LẬP GÓP PHẦN LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG VÙNG CĂN CỨ VỮNG MẠNH, CÙNG NHÂN DÂN VÙNG TẠM BỊ CHIẾM LIÊN TỤC TẤN CÔNG KẼ THÙ.

Cuộc tấn công và nổi dậy trong Xuân Mậu Thân (1968), trên toàn miền Nam đã tiêu diệt và phá hủy nhiều sinh lực địch cùng phương tiện chiến tranh của chúng. Một mặt, phải chấp nhận đàm phán với ta ở Paris, mặt khác để quốc Mỹ thấy hao người, tốn của vẫn không thắng nổi trong chiến lược chiến tranh cục bộ, chúng chuyển sang thực hiện chiến lược mới "Việt Nam hóa chiến tranh". Thực chất Việt Nam hóa chiến tranh là thay màu da trên xác chết. Chúng tăng cường xây dựng quân nguy đông về số lượng và trang bị nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại có cố vấn Mỹ đi kèm hàng vạn quân nguy mạnh lên đảm nhiệm chiến trường để quân Mỹ rút dần về nước. Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh rất thâm độc với mưu đồ lừa dối người Việt đánh

người Việt" nhằm thực hiện 3 mục tiêu : Hủy diệt - giành dân và bóp nghẹt.

Thực hiện chiến lược này, Mỹ - Ngụy tăng cường hệ thống phòng thủ các vùng đô thị, thị trấn, thị xã xây thêm đồn bót, xúc tạt dân vào khu tập trung. Về lực lượng, chúng tăng cường thêm phi đoàn trực thăng, chiến đoàn kỵ binh thiết giáp 1/50 thuộc lữ 506 của Mỹ, cùng chi đoàn xe bọc thép M.113 ở Nha Trang vào Bình Thuận thay chi đoàn 4/8 và thường xuyên có 2D của Sư đoàn 25 Mỹ hoạt động trên trục đường số 1 và 334 Bình Tuy. Sau đó chúng đưa thêm lữ 119 bộ binh đến hoạt động ở Hoài Đức - Tân Linh. Ngoài ra, trên đất Bình Tuy còn có một số đơn vị sư đoàn 18 của chúng từ Long Khánh ra đánh phá ở đây. Cũng trong bối cảnh chung đó, lực lượng địch ở Hoài Đức cũng khá đông. Ngoài 5C bảo an làm lực lượng cơ động còn có 5C dân vệ, 1B và 1C biệt kích, 1A thám báo, 2 đoàn bình định, 2B pháo binh có 4 khẩu 105 ly và 1 chi đội cơ giới để hỗ trợ.<sup>(1)</sup> Mỗi ấp đều có các đơn vị phòng vệ dân sự. Đối với xã Sùng Nhơn trong vùng tạm bị chiếm ngoài các đơn vị phòng vệ dân sự, chúng còn có 1C dân vệ của quận và 1B bảo an chốt giữ vừa ứng cứu cho Chính Đức, Nghị Đức vừa bình định kèm kẹp nhân dân trong xã. Mỗi ấp chúng làm lại ranh rào và gài mìn xung quanh để khống chế ta vào đột áp. Với lực lượng và bố trí như vậy chúng

(1) Theo báo cáo tình hình tại Hội nghị mở rộng lần thứ I ngày 20-8-1968 của Tỉnh ủy Bình Tuy. Ký hiệu II Dal, lưu tại Lịch sử Đảng tỉnh.

gây cho ta không ít khó khăn. Không nhận được tiếp tế của dân, nhiều cơ quan thoát ly bị đói. Có thể nói, từ 1968 trở đi thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, chúng ra sức bình định nông thôn trong vùng tạm bị chiếm một cách ráo riết để thực hiện cho bằng được âm mưu đã đề ra.

Trước tình hình địch đã thay đổi chiến lược, để chỉ đạo sát thực tế theo từng vùng của địch, đầu tháng 8-1968 Khu ủy Khu 6 quyết định sát nhập tỉnh Bắc Bình vào Bình Thuận và tách các huyện Hoài Đức, Tánh Linh, Hàm Tân, La Gi thành lập tỉnh Bình Tuy. Tỉnh ủy Bình Tuy được hình thành do đồng chí Lê Khắc Thành làm bí thư, đồng chí Trần Văn Tình thường vụ, đồng chí Nguyễn Thanh Đức (Tư Thanh) làm Tỉnh đội trưởng và Đại hội 10/1970 bầu thêm một số đồng chí tỉnh ủy viên phụ trách các ngành và bí thư các huyện. Đến tháng 6-1969 Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời miền Nam tỉnh thành lập do đồng chí Trần Văn Tình, làm chủ tịch cùng làm cho bộ máy lãnh đạo của Đảng, Nhà nước được hoàn thiện. Về lực lượng vũ trang ngoài các huyện đã có, khi tách tỉnh Bình Tuy được trên điều C488 về tăng cường, đến 10-1969 Miền điều D1/E33 (Trung đoàn Quyết thắng) ra hoạt động ở Tánh Linh cùng phối hợp lực lượng địa phương đánh địch trên địa bàn của huyện, của tỉnh.

Từ khi Bình Tuy được thành lập đường lối chủ trương của Đảng nhanh chóng được triển khai xuống các huyện, các xã.

Ở huyện Hoài Đức, ngày 20-8-1969 đại biểu các cơ quan ban ngành huyện, các đơn vị lực lượng vũ trang,

đại biểu các xã trong vùng giải phóng và vùng bị địch kèm đã về tại xã Mê Pu họp Đại hội bầu Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện. Đồng chí Trần Sĩ được Đại hội bầu làm chủ tịch, đồng chí Trần Cấp (Phong) phó chủ tịch. Việc ra đời chính quyền cấp huyện, cấp tỉnh làm cho hệ thống chỉ đạo của chính quyền được thông suốt. Chính quyền các xã vùng giải phóng được thành lập từ lâu do chi bộ Đảng lãnh đạo, nay các hoạt động có thêm sự chỉ đạo của chính quyền cấp trên.

Từ đầu năm 1970, quân Mỹ cùng lực lượng ngụy được tăng cường cả số lượng và trang bị chiến tranh mở các đợt đánh phá vùng giải phóng ác liệt. Việc các xã vùng giải phóng liên hệ với huyện, tỉnh gặp rất nhiều khó khăn. Để kịp thời chỉ đạo các xã vùng giải phóng trong tình hình mới, tháng 3-1970 huyện cử đồng chí Phạm Xuân Trinh tổ chức lại hệ thống chỉ đạo các xã vùng giải phóng Bắc sông. Sau đó, tỉnh thành lập Ban cán sự Nam Thành là đơn vị trực thuộc tỉnh có các đồng chí Trinh, Đánh, Trí, Cấp trong ban lãnh đạo, đóng cơ quan tại rừng xã Nghị Đức do đồng chí Trinh làm bí thư. Đến năm 1972 - 1973, đồng chí Ngọc Anh làm bí thư và từ năm 1974 đến 1975 đồng chí Nguyễn Đức Trọng thay. Trong đó, đồng chí Trần Cấp (Phong) trực tiếp chỉ đạo xã Sùng Nhơn. Cơ quan Ban cán sự có các đồng chí Bửu, Trương Đình Trại là cán bộ và chị Ba là y tá, đồng chí Huỳnh Bảy làm liên lạc. Từ khi Ban cán sự Nam Thành ra đời đã đi móc nối xây dựng phong trào các xã vùng giải phóng đang gặp khó khăn về đời sống, nơi ăn ở và luôn bị địch đột kích phá hoại.

Còn xã Sùng Nhơn ở vùng căn cứ, trong thời gian qua đang ổn định thế ăn ở mới, nhân dân tích cực sản xuất, trồng khoai lang có thu hoạch nên giải quyết được phần nào khó khăn. Lúc này địch cũng đang lo củng cố các vùng bị ta tấn công trong Xuân Mậu Thân nên trên đất Sùng Nhơn chỉ có máy bay và pháo binh bắn phá nhưng không thường xuyên. Đến đầu năm 1970, chúng đưa 2D thuộc lữ 199 của Mỹ cùng xe tăng pháo binh và Chiến đoàn 52 của Sư 18 ngự đến Hoài Đức tổ chức đánh phá thực hiện "Bình định cấp tốc", "Bình định đặc biệt" là một bước trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" để Mỹ rút dần quân về nước. Ngày 18-1-1970, lữ 199 Mỹ cùng quân ngự dùng trực thăng vận đổ quân đóng đồn Bà Xa (Mê Pu), càn phá một số xã vùng giải phóng Bắc sông và vùng núi Dinh. Ở Sùng Nhơn có nhiều đơn vị của trên như các đội Kinh tài của huyện, Đội công tác của Hậu cần tiền phương Quân khu do đồng chí Nguyễn Phi Hùng phụ trách, rồi các đơn vị phía sau của D.186, Đoàn Quyết Thắng (E33).v.v... đóng quân nên hoạt động có lộ liễu, máy bay địch quan sát từ xa phát hiện ra cứ của Thôn 1. Liền sau đó, máy bay phản lực, khu trục đến ném bom và trực thăng bắn phá từ chiều cho đến tối hòng hủy diệt vùng này. Trong lúc bắn phá, nhân dân theo suối rút ra khỏi khu vực địch bắn phá. Còn một số ~~quán~~ và du kích, cán bộ bám trụ lại bị cây cối ngổn ngang chắn lấp lối đi. Đồng thời máy bay trực thăng rà sát, cánh quạt bốc tung lá ngự trang nhiều hầm hố bị lộ, tàu gáo <sup>(1)</sup> ném lựu đạn xuống hầm trú

(1) Tàu gáo loại máy bay trực thăng đang bay, phát hiện mục tiêu chúng dừng lại trên không kiểm soát khu vực đó.



ẩn làm chết một số người, như đồng chí Quyên thôn trưởng thôn 1, đồng chí Sâm cán bộ nông hội thôn 1, bà Lờ, bà Bồng... và đồng chí Hoàn bị thương nặng. Khi mặt trời khuất sau dãy núi ở Lâm Đồng, mức độ đánh phá của địch giảm dần. Chiếc trực thăng cuối cùng bay quanh mấy lần quan sát lần cuối, cũng như thị ủy với số người còn trú lại. Cũng vào thời điểm ấy, không kịp tập hợp lực lượng du kích, các đồng chí Nha, Quang, Nghiêm, Thế Khuynh trong lãnh đạo xã nhóm họp bàn giải quyết vấn đề : Các đồng chí Nha, Quang, Nghiêm trở vào chỗ địch đánh phá để kiểm tra tình hình cứu chữa người bị thương, giải quyết tử thương. Còn các đồng chí Khuynh ở lại cứ thôn II để lo cho số đồng bào thôn I tản cư trở về. Các đồng chí Nha, Quang, Nghiêm lần theo suối vào vị trí cũ, phát hiện 4 người bị chết và đồng chí Hoàn bị thương. Trong khoảng thời gian đêm tối giữa 4 bẽ cây cối, nhà cửa ngổn ngang các đồng chí chôn cất 4 người chết và khiêng đồng chí Hoàn bị thương về thôn II chạy chữa. Vượt qua đầu suối vào lúc nửa đêm, gặp bà con đang trú ẩn ở đây, mọi người tuy vất vả, nhưng tay bắt mặt mừng. Xã cho du kích vào cứ thôn II kiểm tra lần cuối và sau đó để bà con về lại thu xếp đồ đạc. Tiếp đến các đồng chí lãnh đạo chính quyền, chi bộ họp bàn động viên số gia đình có người mất, người bị thương, lãnh đạo nhân dân khắc phục những khó khăn mất mát. Đồng thời các đồng chí nhận định : cứ thôn I đã bị lộ, cứ thôn II gần đó cũng dễ bị địch phát hiện và chúng đang càn quét ở Mê Pu có thể chúng tiến sang Sùng Nhơn. Với nhận định trên, chi bộ, chính quyền quyết định dời dân 2 thôn lên trên đỉnh núi Suối Đồi để lập căn cứ mới, tạo dựng cơ sở vật chất cho cuộc sống trong

điều kiện mới. Tại nơi ở mới biết bao khó khăn thiếu thốn, chính quyền vừa tổ chức bố phòng, đẩy mạnh sản xuất, khai thác lâm sản phục vụ cho đời sống và vừa củng cố lại chính quyền, đoàn thể vừa qua bị khiếm khuyết. Đồng thời, công tác phòng gian bảo mật, chú ý giữ cho không có khói ban ngày, ánh lửa ban đêm được đưa lên nhiệm vụ hàng đầu. Quyết định chuyển căn cứ của xã là một chủ trương kịp thời, bảo tồn được lực lượng cách mạng.

Trong khi nhân dân trong xã đang ổn định nơi ăn ở, địch lại dùng máy bay rải chất độc dọc các vùng ruộng cũ của xã. Mặt khác bộ binh, xe tăng địch đang càn quét các xã Mê Pu, Tế Lễ, Nghị Đức. Càn quét đến đâu lính nguy đóng chốt tại đó. Xã Sùng Nhơn cũng là vùng địch dùng xe tăng từ hướng đường 20 càn vào Đa Kai, Mê Pu càn qua.

Tình hình địch càn đi, quét lại làm cho nhân dân trên cứ gặp những khó khăn : lương thực mang theo đã cạn, sản xuất chưa có thu hoạch, bị chúng phá hoại... đời sống vô cùng khó khăn. Mọi người tự khắc phục như tìm măng, đào củ môn, củ dác để ăn. Những gia đình đông người càng khó khăn hơn. Do địch càn quét, nên xã không tổ chức người về cửa khẩu ở Bến Thuyền (giáp với xã Võ Xu) để móc nối đưa lương thực lên được, càng làm cho tình hình thiếu đói nghiêm trọng. Cũng do địch càn quét, chi bộ, chính quyền xã vẫn chưa móc nối với lãnh đạo huyện Hoài Đức (lúc này chưa thành lập Ban cán sự Nam Thành). Trước tình hình đó, các đồng chí trong Chi ủy xã liên hệ với đồng chí Lân, Xảo đang giữ kho

thóc dự trữ của huyện tại đồi 422 (nay là phía sau trụ sở Ủy ban xã). Tuy chưa được lệnh xuất của lãnh đạo huyện, các đồng chí giữ kho thóc cho xã mượn 50 thùng để giải quyết tạm thời cho dân. Có lương thực, nhân dân vùng căn cứ tiếp tục đẩy mạnh sản xuất. Từ núi cao về các rẫy cũ sản xuất, đồng bào đi làm sớm, chiều về tối để tránh sự theo dõi của địch. Tại các rẫy cũng phải thực hiện bố phòng, nguy trang chống địch bắn phá.

Cuộc sống trong căn cứ đang trở lại bình thường thì vào một chiều trong tháng 6-1970, địch dùng trực thăng đổ quân tại Lò Than (nay là trụ sở Ủy ban xã) và phục kích ngay đường đồng bào thôn I thường ra rẫy trông lang. Biết tin địch đổ quân, sáng hôm sau xã tổ chức một tiểu đội du kích do đồng chí Hiếm xã đội chỉ huy cùng 2 đồng chí bộ đội đơn vị Quyết Thắng (E33) đang sản xuất tại địa phương ra bám nắm tình hình địch. Nhưng không phát hiện đúng vị trí của chúng nên tiểu đội chiến đấu đi trúng vào ngay nơi địch phục kích. Phát hiện ra lực lượng ta, chúng nổ súng, đồng chí Hiên du kích và đồng chí Huấn đơn vị Quyết Thắng hy sinh, còn các đồng chí Hiếm xã đội cùng các đồng chí khác rút ra khỏi vùng chiến sự và bám theo dõi hành động của địch. Quân thù sau khi giết hại hai đồng chí, dự đoán ta đến làm công tác tử sĩ nên chúng phục tại chỗ để bắn giết các đồng chí khác. Do bám sát địch, vì vậy các đồng chí du kích biết, khi chúng rút đi mới vào tổ chức mai táng 2 đồng chí tại một hầm trú ẩn.

Cũng chỉ vài ngày sau, Mỹ - Ngụy dồn sức đánh phá, nhằm xúc tát nhân dân căn cứ Sùng Nhơn một lần

nữa. Bộ binh Mỹ được trực thăng vận đổ trên các đỉnh núi cao trong xã. Với ý đồ quân Mỹ từ núi cao đánh xuống, quân ngụy từ dưới đánh lên hòng hốt gọn dân cư, cán bộ cách mạng, phá kho tàng của ta để triệt tiêu phong trào cách mạng của nhân dân vùng giải phóng. Năm được ý đồ của địch, đêm hôm đó Ban chỉ ủy và Ban chỉ huy xã đội họp bàn các thủ đoạn cần quét vừa qua của địch, rút kinh nghiệm cho đợt chống cần quét lần này. Sau khi thống nhất chủ trương, lãnh đạo xã thông báo cho bà con trong hai thôn chuẩn bị đồ đạc cần thiết, 4 giờ sáng xuống núi, đồng bào thôn II đi qua thôn xóm cũ, ra suối Cọp tạm trú trong đám lau lách, vừa có nước sinh hoạt, vừa là bất ngờ với địch. Đồng bào thôn I ra trú ẩn tại bàu Ông Nay. Đúng như ta dự đoán, sáng hôm đó từ vị trí đóng quân trên núi cao tiến xuống, quân Mỹ hùng hổ cùng quân ngụy dưới đồng bằng tràn lên căn cứ của ta với ý đồ lần này tiêu diệt gọn lực lượng kháng chiến. Khi vào đến nơi, căn cứ không còn một bóng người, chúng tức tối đốt phá, trên trời máy bay rải truyền đơn kêu gọi cán bộ, đảng viên, du kích ra đầu hàng. Nhưng rừng núi vẫn không một bóng người càng thách thức kẻ thù, chúng điên cuồng mở rộng vùng đánh phá vẫn không kết quả, sau gần 10 ngày cần quét chúng rút quân. Có thể nói, sự chỉ đạo kịp thời của chi bộ xã đã lãnh đạo nhân dân tản cư ngược về vùng căn cứ cũ làm cho địch bất ngờ. Cũng nhờ chủ trương đúng đắn này địch cần thời gian cũng khá dài, nhưng nhân dân hai thôn thiệt hại về người và của không đáng kể.

Sau khi địch rút đi, Chi ủy xã có chủ trương cho một số gia đình đồng con theo đơn vị của đồng chí Ánh về K4 ở Lâm Đồng sinh sống cho đỡ bớt khó khăn.

Như vậy, đến giữa năm 1970, dân số xã căn cứ còn 15 hộ với 29 khẩu đều là lực lượng khỏe mạnh. Đồng bào thôn 2 về lại Lô Ô sinh sống một thời gian, sau đó chuyển ra căn cứ ở Cạn. Đồng bào thôn I cũng chuyển về Cạn sinh sống<sup>(1)</sup>. Chi bộ lúc này còn 7 đảng viên gồm :

1. Đồng chí Nguyễn Viết Nha, bí thư, kiêm chủ tịch.
2. Đồng chí Nguyễn Thế Khuynh, chi ủy viên.
3. Đồng chí Trương Văn Đáp.
4. Đồng chí Phan Văn Lợi.
5. Đồng chí Nguyễn Văn Hiém.
6. Đồng chí Huỳnh Tân, chi ủy viên.
7. Đồng chí Nguyễn Thị Nhàn.

Số lượng đảng viên có giảm 12 đồng chí là do một số đồng chí thoát ly, số đồng chí sức khỏe yếu về K4 và một số hy sinh.

Cuộc sống của xã căn cứ đang từng bước hồi phục. Đầu tháng 1-1971, một tiểu đoàn lữ 199 của Mỹ chở xe ủi, pháo và lô cốt, dây thép gai đến đóng đồn dã chiến tại thôn I cũ. Mục đích của chúng lòng phục trên trục đường hành lang của ta từ Mê Pu đi Sùng Nhơn. Sau khi đóng chiếm các vị trí đã định, chúng dùng trực thăng đổ quân nhảy cóc vào các vị trí nghi ngờ, như rầy, ruộng và thỉnh thoảng pháo từ Võ Xu còn bắn vào các vị trí

(1) Thôn 1 có 8 hộ với 17 nhân khẩu. Thôn II có 7 hộ với 12 nhân khẩu.

khác trong xã. Sục sạo, tìm kiếm chúng không phát hiện được những gì mà chúng muốn nên ngày 21-1 chúng rút quân. Từ sau trận càn này, tuy địch không tổ chức càn quét với mức độ lớn nhưng thường dùng lực lượng nhỏ đột kích. Tuy vậy mức độ càn quét trong năm 1971 của chúng đối với vùng giải phóng có ít hơn so với năm 1970.

Trong năm 1971, dân số đã tăng lên 33 người và địch ít đánh phá nên tình hình sản xuất có khá hơn. Song, nạn lạt muối, là vấn đề khó khăn nhất trong xã. Cỏ tranh, cây mun được đốt lên, lóng lấy nước thay muối vẫn không đáp ứng được, nhiều người phải ăn lạt. Còn mặc, nhiều người phải dùng bao cát của Mỹ dùng làm công sự để che thân tạm thời.

Dù khó khăn như vậy, chi bộ xã xác định phải đẩy mạnh sản xuất và bố phòng là 2 nhiệm vụ hàng đầu hiện nay.

Sau khi Ban cán sự Nam Thành có chủ trương lập các tổ sản xuất tập thể hỗ trợ lẫn nhau để giải quyết sản xuất tốt, vừa có điều kiện phục vụ kháng chiến tốt. Đầu năm chính quyền đã triển khai Nghị quyết sản xuất của chi bộ đến tận gia đình và từng tổ sản xuất về chỉ tiêu, cũng như các phương hướng, biện pháp kế hoạch và thời gian thực hiện. Nên trong năm, toàn xã đã chặn nuôi được heo, gà, tuy ít nhưng góp phần giải quyết tại chỗ về thực phẩm. Các tổ sản xuất trồng nhiều lang, nhiều bắp nhưng thời tiết không thuận lợi kết quả thu hoạch không được nhiều đã chuyển sang làm cá bán được 881.800 đồng. Với số tiền này dùng vào mua vải, bột ngọt, muối, các loại thuốc chữa bệnh và mua lúa giải

quyết dân khó khăn của dân. Mặt khác, từ nguồn sản xuất đó, xã hỗ trợ cho thương binh và gia đình liệt sĩ về vật chất và tinh thần.<sup>(1)</sup> Đây là kết quả thực hiện chủ trương của trên, của nhân dân làm ăn tập thể. Đồng thời công tác xã hội, công tác mặt trận cũng từng bước ổn định phát triển. Xã đã đề ra nhiệm vụ phòng bệnh và phát động nhân dân dùng cây thuốc Nam chữa những bệnh thông thường, cùng với củng cố Ban y tế để chăm lo công việc này. Về các đoàn thể xã, thực hiện chủ trương của Ban cán sự Nam Thành, tháng 11-1971 các đoàn thể nông hội, phụ nữ được củng cố từ tổ đến Ban chấp hành xã. Số lượng hội viên nông hội lúc này có 18 người và Ban chấp hành có 3 người ; phụ nữ có 7 hội viên do hai đồng chí lãnh đạo. Mặt khác tổ chức Đảng, Đoàn cũng được chú ý : đoàn viên có 3 đồng chí và chi bộ có 6 đảng viên.

Cùng với công việc sản xuất, nâng cao đời sống cho nhân dân vùng giải phóng, công tác bố phòng trong năm cũng được chi bộ, chính quyền chú ý chỉ đạo. Trong tháng 4-1971, lần đầu tiên xã mở Đại hội chiến sĩ thi đua giết giặc lập công, tổng kết phong trào du kích chiến tranh trong mấy năm qua đã đạt kết quả tốt và cử đại biểu đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua của huyện Nam Thành

(1) Theo báo cáo tổng kết năm 1971 của Ban cán sự Nam Thành : Ký hiệu III Dd5, lưu tại Lịch sử Đảng tỉnh : Xã Sùng Nhơn nuôi được 3 con heo, 30 con gà. Tiền làm cá bán được 881.800 đ mua được 230m vải, 18kg bột ngọt, 20.000 đ mua thuốc tây, muối 5 thùng và 183 thùng lúa.

vào tháng 5-71. Tiếp đến trong tháng 5, xã tổ chức học tập Chỉ thị 01 về chống đánh phá bình định và Nghị quyết về du kích chiến tranh, từ đó liên hệ, rút kinh nghiệm, sửa chữa các khuyết điểm đưa phong trào bố phòng lên một bước. Trong năm, tuy dân số ít nhưng đã cài cắm 20.440 chông lá, đào 42 hầm chông, cắm 350 cọc chống địch nhảy cóc và đào 4 công sự bắn máy bay địch. Toàn xã có 10 du kích và 9 dân quân luân thay nhau canh gác bảo vệ sản xuất, bảo vệ căn cứ. Cùng với bố phòng, công tác phòng gian bảo mật được đẩy mạnh. Ai ở xa đến thăm hoặc đi qua dù là dân kháng chiến hay bộ đội cũng phải kiểm tra để phòng chống địch trà trộn. Song công việc này chưa làm được thường xuyên.

Bước sang năm 1972, do cuộc sống có ổn định dần dần, một số đồng bào ở các nơi về đã đưa dân số trong xã lên 44 người (25 nam, 19 nữ). Trong đó cử tri có 30 người, có 20 lao động chính, 8 lao động phụ và 15 người không lao động gồm trẻ em, người tuổi cao và bị bệnh tật. Công tác chính của xã căn cứ vẫn đẩy mạnh sản xuất, bố phòng và tham gia các công tác phục vụ kháng chiến.

Để công việc sản xuất đi vào có tổ chức cả vùng giải phóng, năm 1971 Ban cán sự Nam Thành mở hội nghị Ban cán sự mở rộng tại xã căn cứ Nghị Đức có cấp ủy các xã dự. Hội nghị đã trao đổi bàn bạc và đi đến nhất trí về phương châm, phương hướng và biện pháp đẩy mạnh sản xuất trong tình hình mới. Triển khai chủ trương của huyện, xã xây dựng chương trình, kế hoạch chỉ tiêu cho một tổ vận đối công và một hợp tác lao động (chỉ còn một gia đình làm ăn cá thể). Nên trong năm



toàn xã phát rẫy trả được 188 lon bắp giống, hơn 3 thùng lúa rẫy ; trồng 24.500 gốc mì, 1.910 m lang. Kết quả đã thu được 20 thùng bắp, 48 thùng lúa rẫy và 390 kg lang tươi. Còn mì chưa thu hoạch. Về lúa ruộng (lúa nước) gieo 15 thùng giống trên diện tích gần 4 mẫu đã thu hoạch được 463 thùng . Đây là kết quả sản xuất cao nhất từ trước đến nay của nhân dân vùng căn cứ, ngoài lương thực đủ ăn còn cung cấp thêm cho kháng chiến. Cùng sản xuất, việc chăn nuôi đã có bước phát triển. Tính trung bình hai nhân khẩu nuôi được một con heo và mỗi nhân khẩu nuôi được 3 con gà. Kết hợp sản xuất - chăn nuôi, xã còn tổ chức săn bắn, làm cá bán lấy tiền mua các mặt hàng cần thiết, nên đời sống của nhân dân được cải thiện.

Về công tác bố phòng, trong quý I năm 1972 có lơ là do chú ý về phát rẫy, nên bị địch đột kích có thiệt hại. Đến tháng 5-1972 trở đi xã tổ chức học tập, phát động lại phong trào nên công tác bố phòng mới được chú ý hơn. Để nâng cao trình độ chiến đấu cho dân quân du kích, huyện tập huấn cho cán bộ xã đội trong 5 ngày, cho dân quân du kích từ 3 đến 5 ngày. Đồng thời nhân dân tiếp tục vót được 10.450 chông lá, đào được 37 hầm chông, xây dựng 2 tuyến chông bãi không cho bộ binh địch tự do càn vào. Để cấm các loại chông đó, xã đã thực hiện trong 225 ngày công. Mặt khác, trong căn cứ, ngoài rẫy đều có hầm trú ẩn. Toàn xã trong năm đã tham gia được 1.037 công phục vụ kháng chiến, như : 231 ngày công phục vụ chiến đấu ở mặt trận, 137 ngày đi dân công mang hàng hóa và 669 công xay lúa gạo cho huyện, chợ tỉnh phục vụ cho bộ đội.

Về công tác củng cố tổ chức và thực hiện các công tác văn hóa xã hội cũng được coi trọng. Ba đồng chí trong chi ủy kiêm công tác chính quyền nên thuận lợi trong công tác chỉ đạo. Đồng thời chi bộ kết nạp thêm 2 quần chúng vào Đảng đưa số lượng đảng viên chi bộ lên 8 đồng chí (chi bộ có 6 chính thức, 2 dự bị). Ủy ban xã do đồng chí Nha vừa làm bí thư, vừa kiêm chủ tịch, đồng chí Nguyễn Hiếm chi ủy viên làm phó chủ tịch và các đồng chí Khuynh chi ủy viên phụ trách sản xuất. Mặc dù hoàn cảnh chiến tranh và công tác phục vụ kháng chiến do ít người nên gặp rất nhiều khó khăn, nhưng xã vẫn tổ chức cho các cháu học tập. Sách vở, tài liệu có khó khăn, cán bộ xã đã khắc phục để tổ chức cho 5 cháu học vỡ lòng và 1 cháu học chương trình lớp 1.

Công tác đoàn thể đầu năm 1972 cũng được củng cố. Đến cuối 1972, các giới : Thanh niên, Nông hội, Phụ nữ đều tổ chức Đại hội các đoàn thể. Nông hội có 20 hội viên, phụ nữ có 11 và đoàn viên có 2. Trong năm vừa qua các đoàn thể thể hiện tốt vai trò của mình trong sản xuất, bố phòng và xây dựng tổ chức của mình.

\*  
\* \*

Đối với nhân dân Sùng Nhơn trong vùng tạm bị chiếm, sau đợt tổng tấn công và nổi dậy trong Tết Mậu Thân 1968 đã có nhiều người thấy được thế mạnh của cách mạng, thế thua của kẻ thù. Từ đó làm cho nhiều người dân càng hướng về Đảng, về cách mạng.

Nhưng cũng từ sau 1968, địch ra sức bình định kèm kẹp vùng tạm bị chiếm để thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh nên tình hình trong vùng chúng kiểm soát càng khốc liệt hơn. Chúng ra sức bắt những người từ 18 tuổi đến 53 tuổi vào phòng vệ dân sự, đôn dân vệ lên bảo an và lính bảo an bổ sung cho các sắc lính chính quy của chúng. Từ tháng 1-70, thực hiện âm mưu kiện toàn xã ấp, chúng đưa lực lượng "Phượng Hoàng", "Bình định" từ tỉnh, quận về các xã ấp, cùng với bộ máy tế điệp kiểm soát nhân dân. Mặt khác, tại các xã, ấp chúng sửa lại ranh rào thành nhiều lớp, gài các loại mìn trong ngõ, trong vườn và trên các cây. Cổng ra vào có lính gác kiểm tra ngăn ngừa nhân dân ủng hộ cách mạng. Đến cuối 1970, Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 ngưng rút về Long Khánh, nhưng lực lượng bình định ở Hoài Đức có 5 đoàn. Riêng ở Sùng Nhơn có đoàn bình định số 4 có 26 tên và B31, 37 dân vệ chốt giữ các ấp trong xã. Đến tháng 10-70 chúng triển khai "cải cách điền địa" ở các nơi trong quận Hoài Đức. Song chính sách này bị dân chúng phản đối nên chúng có phân xoa dịu. Để kèm dân trong xã chúng tiến hành xây lại đồn và đến 21-6-1970 hoàn tất. Cũng như ở Nghị Đức, bọn phòng vệ dân sự ở Làng Mới cũng có cố vấn Mỹ chỉ dẫn trong việc tuần tra canh gác, kèm kẹp nhân dân. Bên cạnh kèm kẹp, kẻ thù cũng dùng các âm mưu mị dân như cấp tôn, bán rẻ vật liệu cho nhân dân làm nhà tôn theo kiểu cách của chúng. Chúng cho dân vay tiền Nông tín cuộc để dân đưa vào sản xuất. Mặt khác chúng phân biệt đối xử với từng loại gia đình : gia đình có người đi kháng

chiến, ở căn cứ, gia đình lưng chừng với gia đình thân "quốc gia" nhằm theo dõi và cách ly giữa bà con với nhau.

Để thực hiện các âm mưu trên, ngày 20-2-1970 Tiểu khu Bình Tuy đưa tên trung tá Nguyễn Văn Bé là loại ác ôn về làm quận trưởng Hoài Đức nhằm thực thi trách nhiệm này.

Trước tình hình địch quay trở lại đánh phá bình định cơ sở cách mạng gây cho ta nhiều khó khăn. Các đội công tác không bám được dân, nhiều cơ sở phải nằm im. Nên việc nắm địch, cũng như tiếp tế từ trong ra cũng bị gián đoạn, làm cho nhiều đơn vị trong vùng địch hậu bị đói phải đánh bắt cá ăn với chuối cây. Để khắc phục các khó khăn, tiếp tục đưa phong trào cách mạng phát triển, Huyện ủy chủ trương : "Đưa cán bộ vào trong tăng cường cho cơ sở, xây dựng cốt cán trung kiên. Diệt ác, phá kềm. Vận động nhân dân bung ra làm ăn".<sup>(1)</sup>

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, lực lượng vũ trang huyện liên tiếp tấn công địch mở vùng, mở mảng hỗ trợ cho đội công tác vào hoạt động và quân chúng cơ sở có điều kiện đấu tranh với địch. Như trận 15-2-1969 (nhằm 29-12 âm lịch), đội trinh sát huyện cùng đội K15 đột vào Võ Xu diệt ác ban ngày đã có tác động đến các nơi khác trong huyện. Địch thì hoang mang dao động do cách đánh của ta, các lực lượng vũ trang có thêm kinh nghiệm để hoạt động. Đến ngày 5-5-1969, đội K12 kết

---

(1) Trích chủ trương Huyện ủy trang 61 - Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh, xuất bản 1990.

hợp bộ đội trinh sát của 431 (đơn vị 421 cũ) phục kích toán dân vệ 14 tên từ đồn Sùng Nhơn ra lùng sục trong dân, 2 tên bị chết, số còn lại chạy về đồn. Đội K12 hoạt động vũ trang tuyên truyền trong nhân dân cả ngày, địch không có phản ứng. Tiếp theo các trận đánh đêm 18-5-69 của ta vào xã Chính Đức ; trận đánh 2/6 cũng vào Chính Đức ; trận 7/7 chống càn ở Nghị Đức có tác động tốt đến bà con trong vùng tạm bị chiếm, trong đó có xã Sùng Nhơn. Đến ngày 20-8-1969, chính quyền huyện được thành lập, bầu ra Ủy ban nhân cách mạng lâm thời huyện đã có tác động tốt đến nhân dân vùng tạm bị chiếm. Nhân dịp thành lập Ủy ban nhân dân huyện và chuẩn bị kỷ niệm 2/9 Quốc khánh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ta mở đợt tuyên truyền những chiến thắng quân sự, chính trị cho dân chúng và kêu gọi anh em binh lính trở về với chính nghĩa. Đội K12 mang cả loa phát thanh ra rầy phát đi lời kêu gọi cho nhân dân đang làm ruộng nghe. Các hoạt động vũ trang tuyên truyền trong nhân dân đã có tác dụng tốt đối với phong trào cách mạng. Nhiều quần chúng đã đứng dậy đấu tranh không cho địch gài mìn, không làm theo các quy định của chúng. Quần chúng còn lợi dụng các quy định của địch để phá địch như : Khi ta vào rồi họ mới đánh mìn, nơi không có ta hoạt động họ cũng đánh mìn làm cho cả một vùng thôn quê, ấp nào cũng có tiếng mìn, địch không biết ta hoạt động chỗ nào chính xác. Trong năm 1971, nhân dân trong các ấp Sùng Nhơn có 2 cuộc đấu tranh. Mỗi cuộc có từ 10 đến 70 người tham dự. Các cuộc đấu tranh đó địch phải nhượng bộ.

Trong năm 1970, lực lượng Mỹ - Ngụy tập trung đánh phá vùng Bắc sông La Ngà. Lực lượng vũ trang và nhân dân Nam sông phối hợp đánh vào hậu cứ, vào các đồn địch góp phần đánh bại âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng của chúng. Như 12-6-1970, đại đội 81 đặc công tỉnh Bình Tuy có 12 chiến sĩ cùng 9 chiến sĩ đại đội 421 bí mật đánh vào đồn dân vệ Sùng Nhơn. Đồn dân vệ Sùng Nhơn hình tam giác mỗi cạnh khoảng 50m, có 3 lô cốt ở 3 góc và trang bị có cối 60 ly. Ngoài đồn là hàng rào, bãi mìn và có hầm ngầm nối từ công sự này với trung tâm trong đồn. Vị trí của nó nằm ở giữa xã, cách đường 334 khoảng 35m và cách quận lỵ chi khu Hoài Đức 4, 5 km về hướng Đông Nam. Sau đồn là một cánh đồng lúa, mùa mưa sinh lầy khó cho công tác tiếp cận hoặc rút lui. Mùa khô đi lại dễ dàng nhưng địa hình trống trải địch dễ phát hiện. Ta đánh đồn này nhằm trừng trị linh dân vệ đêm đêm thường bung ra gài mìn và tạo điều kiện cho đội K.12 vào áp móc nối với 10 cơ sở chính trị và một tổ du kích mật đã xây dựng trước đây để nắm tình hình và nhận đồ tiếp tế. Mặt khác tiếp tục gây cơ sở mới và giải quyết tư tưởng sợ địch của một số quần chúng dao động như có lần ta vào áp bị họ đánh mō, thùng thiếc báo động, địch đối phó gây cho ta một số tổn thất. Trận đánh bắt đầu từ 15 giờ ngày 12-6, đơn vị C.81 và C421 từ Suối Mây ở hướng núi Dinh tiến về xã Sùng Nhơn. Đơn vị C81 cắt qua cánh đồng Cầu Cháy, vòng qua phía sau cánh đồng lớn tiến vào đồn. Còn C421 xuất phát sau C81 gần 40 phút tiến vào Đông

Nam của công đồn. Khi tiếp cận mục tiêu đã tối, cả hai đơn vị bất ngờ nổ súng tấn công, địch bị động đối phó, ta phát triển tiêu diệt 22 tên, phá hủy hầm hào, công sự thu 12 súng AR.15. Trận đánh diễn ra trong 10 phút. Đây là trận đánh phối hợp tốt. Thắng lợi của ta trong trận này làm cho bọn tề xã hoang mang, bọn địch không dám đi gài mìn ban đêm nữa. Còn ta, từ sau trận đánh này đội K.12 tiếp tục móc nối xây dựng thêm cơ sở. Trong năm 1971, tại thôn I có thêm cơ sở như chị Hồ Thị Huệ (sau này là đảng viên) cùng một số khác trong xã tham gia công tác và sau này có cả gia đình bà Lê Thị Kha và nhiều người khác hình thành một tổ cơ sở mật có liên hệ với vùng giải phóng để xây dựng Đoàn thanh niên giải phóng bí mật. Trong đó tiêu biểu có bà Lê Thị Kha ngoài trực tiếp tham gia công tác, ủng hộ vật chất cho cách mạng bà còn nhận đồng chí Nguyễn Thanh Hồng đội trưởng K12 làm con nuôi tạo thuận lợi cho đội hoạt động (đồng chí Hồng hy sinh năm 1974). Ngoài ra bà Kha còn cho các con là Hồ Thị Mai, Hồ Trung Phước tham gia tải đạn lên núi Dinh. Riêng bà Hồ Thị Huệ còn là đầu mối cơ sở của đội công tác với tổ cơ sở. Để thuận tiện cho hoạt động, giữ được bí mật, bà Huệ còn mang các bí danh D52, 60... Mộng Thu khi liên lạc với cơ sở, đội công tác và liên lạc theo hòm thư bí mật từ núi Dinh ra đến sông La Ngà. Nhưng trong năm 1971, Đội công tác K12 cũng bị tổn thất. Là một đội bám trên địa bàn 2 xã vùng tạm bị chiếm : Sùng Nhơn, Nghị Đức, các đồng chí Trần Ngọc Ảnh đội trưởng và các đồng chí

đội viên : Hồng, Ny, Lý, Tiến, Luận ngày đêm bám sát địa bàn Sùng Nhơn, tìm cách đột áp. Trong tháng 2-71, một lần đột áp đồng chí Trần Ngọc Ánh hy sinh, đồng chí Nguyễn Công Ny thay làm đội trưởng. Đến tháng 5-1971, trong một lần đi gỡ mìn, đồng chí Ny bị cơ sở phản bội đã hy sinh. Sau đó, đội công tác được bổ sung quân số, đồng chí Hứa Lý được phân công phụ trách mũi Sùng Nhơn. Đến tháng 7-71, đơn vị 431, 433, đội K12 và đội công tác Lê Thị Hồng Gấm (mới thành lập tháng 6-71, có 5 chị em nữ) phối hợp đánh địch lòng sục Làng Mới (Sùng Nhơn). Đơn vị 433 phục chặn địch tiếp viện từ Võ Xu, lực lượng còn lại chia nhiều mũi tấn công tiêu diệt nhiều tên. Địch bị động, không đối phó kịp phải rút về Võ Đất. Đây cũng là trận đánh gây lại thế của ta sau khi nhiều đồng chí trong đội mũi bị hy sinh.

Đến năm 1972, ở Hoài Đức không còn bóng dáng lính Mỹ. Và từ sau đợt tấn công của ta trong tháng 3 vừa qua mức độ đánh phá của địch có giảm. Ngụy quân từ "Bình định phát triển" chuyển sang "Bình định củng cố" lo ổn định những vùng chiếm đóng. Từ điều kiện đó, phong trào bung ra làm ăn, không mua sơn vẽ cờ, viết khẩu hiệu và phong trào chống bắt lính diễn ra thường xuyên. Phong trào chống bắt lính bằng nhiều hình thức như trốn tránh đi làm ăn, hủy hoại thân thể... Phong trào cách mạng được xây dựng từ trước và trong 1972 đã thành lập được một Ban cán sự phụ nữ bí mật, ghép 5 tổ quần chúng bí mật thành một tổ chức làm ăn thuận lợi cho hoạt động. Mặt khác đội công tác tiến hành diệt



ác và làm bị thương một số, trong đó có cả tên Cuộc trưởng cảnh sát Sùng Nhơn. Tuy địch cố giữ áp, giữ đường để bảo đảm an toàn cho Nghị Đức và Yếu khu Võ Xu, nhưng thế của chúng không còn như trước đây nên ta hoạt động dễ dàng hơn. Trong khi đó, lãnh đạo Huyện ủy Hoài đức cũng được củng cố lại. Đầu 1972, Đại hội Huyện đảng bộ Hoài Đức được triệu tập tại rừng Bà Tá. Đại hội bầu Ban chấp hành mới do đồng chí Ngô Thanh Bình làm bí thư. Đến tháng 2-1972, Tỉnh ủy cử đồng chí Trần Văn Tinh về thay làm bí thư để chuẩn bị và chỉ đạo chiến dịch trong tháng 3-72 phối hợp chung với toàn Miền tấn công địch nhằm đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của chúng. Kết hợp với đánh địch của lực lượng vũ trang ở Võ Đất, Võ Xu, Nghị Đức, đội công tác còn vận động bà con bung ra làm ăn. Riêng trong tháng 4-72 tại xã Sùng Nhơn có 100 gia đình đi phát rẫy, có người còn làm chòi ở lại không chấp hành quy định của địch, chúng cũng phải bỏ qua. Trong tháng 11-1972, đơn vị của trên đánh vào trụ sở áp Sùng Nhơn, tiêu diệt một số tên địch.

\*  
\* \*

Ngụy quân là chỗ dựa chủ yếu của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhưng đã bị tổn thất nặng trên các chiến trường ở miền Nam trong năm 1971, 1972. Cũng thời điểm này, phong trào chống chiến tranh xâm lược

Việt Nam của nhân dân Mỹ càng lên cao đã buộc đế quốc Mỹ phải ký hiệp định Paris về Việt Nam.

Khi hiệp định được chuẩn bị ký kết, thực hiện chủ trương của Khu 6, từ tháng 12-1972 Tỉnh ủy Bình Tuy chủ trương : Vừa tiếp tục hoạt động, vừa tạo thế "chôm lên" triển khai lực lượng áp sát các mục tiêu theo "kế hoạch thời cơ". Đồng thời cũng chuẩn bị kế hoạch đối phó với chiến tranh có thể kéo dài. Tất cả các đơn vị phía sau cùng dân quân du kích và nhân dân vùng căn cứ cũng chuẩn bị sẵn sàng chờ đón thời cơ. Các cơ quan chỉ đạo và chỉ huy từ tỉnh đến huyện phải xuống sát bàn đạp để kịp thời xử lý mọi tình huống.

Đúng vào đêm 26-1-1973, cùng toàn miền Nam, quân dân Bình Tuy đã đồng loạt "chôm lên" tấn công địch khắp nơi. Như đánh vào thị trấn Tân Linh, pháo kích vào Lồ Ô, tấn công nhiều nơi ở Hàm Tân. Ở Hoài Đức, lực lượng huyện tấn công vào Võ Xu, các đội công tác đột vào ấp Nghị Đức, Chính Đức, Sùng Nhơn, v.v... Trong khi đó địch cũng đánh chiếm nhiều vùng của ta và chống đỡ những nơi bị tấn công. Mặt khác, chúng bắt dân cấm cờ, kẻ vẽ cờ trên nóc nhà, nơi công cộng. Và sau khi Hiệp định có hiệu lực vào lúc 7 giờ ngày 28-1-1973, ta - địch ở vào hình thái "cài răng lược" giành giật quyết liệt diễn ra nhiều nơi.

Mỹ đã rút, nhưng vẫn ngoan cố bám lấy miền Nam, tiếp tục thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh". Quân nguy cố bám vào viện trợ kinh tế - quân sự của Mỹ ra sức lấn chiếm vùng giải phóng hòng xóa "thế da beo" trong chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ". Trong khi đó, ta

đang điều chỉnh lực lượng và học tập chính sách mới, địch tiếp tục bung ra lấn chiếm.

Đối với vùng giải phóng, từ sau khi Hiệp định Paris có hiệu lực, Ban cán sự Nam Thành xác định nhiệm vụ : Ra sức phát triển tổ đổi công, đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề, củng cố và phát triển phong trào du kích chiến tranh.

Đối với xã Sùng Nhơn ở vùng giải phóng trong bối cảnh chung đó nhân dân được tổ chức học tập tình hình và nhiệm vụ mới của trên, đồng thời quán triệt nhiệm vụ của Ban cán sự Nam Thành đề ra. Thôn một sau khi lập tổ đổi công tiến lên tổ chức tổ hợp tác lao động do đồng chí Huỳnh Tân phụ trách thực hiện có kết quả tốt. Tiếp đến thôn hai tiến hành như thôn I nhưng quy mô với diện rộng hơn. Được huyện giúp vốn và móc rập với anh Thắm ở Phương Lâm đưa đến 6 con trâu để cày và đơn vị H74 lo máy cày cày đất giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nên diện tích canh tác khá hơn. Mùa đầu thu hoạch đạt cả sản lượng, diện tích và năng suất nên bà con rất phấn khởi. Lương thực đủ ăn, có dự trữ và giúp đỡ bộ đội, cán bộ đi công tác qua.

Từ thắng lợi bước đầu trong làm ăn tập thể và được huyện huấn luyện thêm cho cán bộ tổ sản xuất về bình công, chấm điểm trong sản xuất cho công bằng. Hoa lợi thu hoạch được dựa trên số công điểm của từng người để phân chia. Với công việc có hai loại trực tiếp sản xuất và gián tiếp sản xuất (làm các công tác phục vụ như đi dân công, trực chiến...) và điểm có 3 hạng như công việc nặng điểm cao, công việc nhẹ điểm thấp và ai có công

cụ đưa vào sản xuất được tính bằng công người lao động cao nhất trong năm. Nhờ có tính, binh công điểm đã thúc đẩy trách nhiệm sản xuất, không còn tư tưởng ỷ lại cho người khác, kết quả lao động cao hơn.

Cũng từ sau khi hiệp định Paris có hiệu lực, địch thường xuyên dùng pháo, máy bay bắn phá các xã giải phóng Bắc sông La Ngà. Đồng thời chúng cũng thường dùng bộ binh càn sang cắm cờ lấn chiếm vùng giải phóng. Từ tháng 1 đến tháng 5-1973, chúng tuyên truyền xuyên tạc hiệp định đã ký kết, xây dựng Võ Xu thế phòng thủ chính và vừa bần đạp lấn chiếm vùng giải phóng. Từ tháng 6 đến 12-1973, chúng đẩy mạnh lấn chiếm, ủi phá địa hình, mở rộng vùng kiểm soát. Như ngày 1-5-1973<sup>(1)</sup>, Tiểu đoàn bảo an Tiểu khu Bình Tuy cùng lính địa phương quận Hoài Đức càn qua cắm cờ ở Bàu Lớn, Bàu Lùng cho đến Lò Gạch cũ là địa phận thôn I. Nhận được chủ trương của trên về âm mưu đánh chiếm vùng giải phóng cắm cờ, chụp hình để giành đất, 7 giờ tối 1-5-1973, tại căn cứ thôn 2, chi ủy, Ủy ban và xã đội họp bàn kế hoạch đối phó. Trong lúc cuộc họp đang diễn ra, đồng chí Ty cán bộ đại đội thuộc Tiểu đoàn 15 Quân khu cùng đến bàn bạc phối hợp hạ phá cờ địch. Rạng sáng 2-5, lực lượng du kích cùng một bộ phận của đơn vị D15 đã triển

---

(1) Trang 79 sách Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh, xuất bản 1990 : Ngày 14-6-1973 C.119 và 181 thuộc D 344 có pháo binh ở Chính Đức phối hợp bắn phá tấn công sang vùng giải phóng. D186, D15 Quân giải phóng cùng du kích triển khai chống càn.

khai ở phía Nam đôi 422 và tại chợ ấp thôn 1 cũ. Từ 9 giờ đến 14 giờ được lực lượng Quân khu đóng ngoài hỗ trợ, du kích xã do đồng chí Hiếm xã đội trưởng chỉ huy đã hạ được cờ ở Lò Than, Bàu Lún, Bàu Lùng. Trên đất Sùng Nhơn không còn cờ của địch.

Sang năm 1974, địch đẩy mạnh hơn nữa việc lấn chiếm vùng giải phóng và dùng chiến tranh tâm lý mua chuộc lôi cuốn nhân dân ta. Về lấn chiếm, chúng vừa đưa quân sang đánh phá, vừa đưa dân ra khai phá địa hình nhằm 2 mục đích : lấn đất và dân khai thác chúng thu thuế. Về quân sự, chúng mở nhiều cuộc càn có quy mô khác nhau. Có lúc chúng dùng 1B đột kích lùng sục, có khi 5 đại đội cùng tham gia đánh phá vùng giải phóng. Trong quý I/1974, chúng đã 5 lần càn vào Mê Pu, Sùng Nhơn. Chúng còn bắn khoảng 135 đạn pháo 105 ly, cối các loại và thả 26 quả bom vào những nơi nghi ngờ là ta đóng quân, dân sinh sống hoặc nhằm càn phá sản xuất của ta.

Như ngày 2-1-1974, Đại đội 513 bảo an do tên trung tá Thịnh quận trưởng và thiếu tá Lự chỉ huy càn vào thôn Sùng Nhơn 2. Du kích xã cùng bộ đội chặn đánh diệt 23 tên. Đến ngày 3-1 chúng dùng máy bay ném bom và dùng pháo ở Võ Xu bắn trên 300 quả đạn vừa hỗ trợ cho đơn vị này, vừa tiêu diệt lực lượng ta. Những quả đạn của kẻ thù đã làm sập 8 ngôi nhà và một em bé bị chết. Bom, pháo vẫn không cứu nổi quân lấn chiếm bị du kích, bộ đội chặn đánh, đến 4-1-1974 chúng phải rút về.

Cùng với quân lấn chiếm, lợi dụng chủ trương của ta kêu gọi dân bung ra làm ăn và trở về vùng giải phóng,

địch đã đưa dân sang vùng giải phóng sản xuất để lấn chiếm đất. Trong mỗi ấp, chúng thành lập một Ban quản trị hồi cư thúc ép nhân dân về lại Bắc sông. Số bà con này bị chúng ràng buộc nhiều mặt nên phải làm theo ý chúng, sang làm phải ở lại. Trong số người đi làm, chúng gài biệt kích, gián điệp để vừa theo dõi những người đi làm, vừa nắm tình hình của ta. Mặt khác chúng cho số tư sản ở Võ Đất sang khai thác rừng bên Bắc sông La Ngà cũng nhằm 2 mục đích trà trộn tay chân theo dõi ta, vừa khai thác nguồn tài nguyên rừng làm giàu cho chúng.

Với âm mưu lấn chiếm bằng quân sự khó thành công, chúng bung dũi dân sang khai thác đất đai sản xuất vùng giáp ranh giữa ta và địch có kết quả hơn. Đã làm cho một vùng từ cầu Tà Bao đến Đa Kai có dân vùng kèm sản xuất. Nhiều tư sản cho xe be lấn sâu vào vùng ta đang ở chặt cây. Tình hình này đã tác động đến nhân dân vùng giải phóng. Để đánh bại âm mưu này của địch, thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 6, của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Tuy, ngày 12-7-1974 Ban cán sự Nam Thành tổ chức Hội nghị bàn về chống địch lấn chiếm vùng giải phóng. Các đồng chí bí thư, xã đội trưởng 6 xã vùng căn cứ và các đồng chí phụ trách các đội sản xuất thuộc H.74, C87 cùng các đồng chí đại diện Ban ngành, đoàn thể trong huyện đến dự. Hội nghị đã bầu Ban chỉ huy chống lấn chiếm gồm các đồng chí :

1. Đồng chí Nguyễn Đức Trọng, Bí thư Ban cán sự làm chính trị viên.
2. Đồng chí Đinh trí, Ủy viên Ban cán sự làm chỉ huy trưởng.

3. Đồng chí Hòa, chính trị viên phó H74, phụ trách chính trị viên phó.

4. Đồng chí Triết, chỉ huy phó.

5. Đồng chí Tư, cán bộ B94 phụ trách chỉ huy phó.

Đồng chí Tùng ở H74 làm cán bộ huấn luyện cho lực lượng chống lấn chiếm. Để việc chống địch lấn chiếm có hiệu quả và bảo vệ từng khu vực được tốt, Hội nghị đã phân chia thành 2 khu :

- Khu vực I : bao gồm từ Mê Pu - Sùng Nhơn đến Đa Kai là nơi trực tiếp với vùng địch ở Nam sông.

- Khu vực II : từ hậu cần K46 và bệnh xá H74 là khu vực phía sau.

Chỉ huy chung của 2 khu vực này có : đồng chí Hòa phụ trách chung, đồng chí Tại đại đội trưởng đội sản xuất C87 phụ trách chỉ huy trưởng, đồng chí Vinh chính trị viên đội sản xuất 48 phụ trách chính trị viên và các đồng chí chỉ huy xã đội Sùng Nhơn, Mê Pu làm ủy viên trong Ban chỉ huy khu vực.

Lực lượng chống lấn chiếm do Ban cán sự và Ban quân sự Nam Thành trực tiếp phụ trách gồm 1 tiểu đội bộ đội huyện và huy động du kích các xã từ 2 đến 3 đồng chí tham gia từ 5 đến 10 ngày ra vùng ven sông La Ngà tuần tra phát hiện địch chặn đánh, phát hiện dân sang sông thì giáo dục giải thích để họ về ruộng vườn cũ làm ăn. Đối với các thôn, các đơn vị đều tổ chức tuần tra canh gác tại chỗ và có kế hoạch sơ tán về khu vực 2 khi có địch càn quét. Hội nghị cũng quyết

định mở một đợt hoạt động chống lấn chiếm từ 17 đến 24-7-1974.

Trong hoạt động chống lấn chiếm ta đã nhờ các bảg lấn đất, thu máy móc, phá chòi trại và bắt một số người sau khi ta giải thích không chịu thi hành. Thấy ta kiên quyết làm mạnh vào đối tượng có phương tiện máy móc sản xuất, địch tung tin : "Tư sản, địa chủ sang khai khẩn Việt cộng không cho, nông dân, nhà nghèo sang làm thì Việt cộng cho". Chúng đưa nông dân sang cày cuốc. Chúng đưa dân từ Phương Lâm, Võ Đất đến làm ở Sùng Nhơn khá đông. Đến 8-74, dân đã khai phá được 20 ha rẫy, 10 ha ruộng ở Đa Kai. Để giải quyết số người lấn đất này là bà con nông dân, ngày 8-8-1974 đồng chí Đinh Trí cùng 5 du kích xã Sùng Nhơn đến Đa Kai tập họp 20 gia đình người Nùng để giải thích các chủ trương của ta. Nhưng thực sự họ là người lao động nên xin tiếp tục làm lại. Các đồng chí đề nghị họ bảo đảm : Không có thám báo trà trộn trong dân, phải định canh tại chỗ không để địch đưa đi lấn chiếm chỗ khác và không để địch đóng đồn bót trong khu vực này. Họ không thể bảo đảm được các yêu cầu đó nên thu hoạch xong bắt họ rút đi. Vừa kiểm tra thường xuyên ở ven vùng giáp ranh để kịp thời ngăn chặn lấn chiếm, Huyện còn chỉ đạo các đội công tác vùng kèm vận động nhân dân về vùng giải phóng, không làm ruộng ở vùng giáp ranh. Với các biện pháp vừa mềm dẻo trong việc giải quyết vừa cương quyết với số ngoan cố, công tác chống lấn chiếm cả Nam Thành nói chung và Sùng Nhơn nói riêng đã thu được kết quả.



Cùng với công tác chống lấn chiếm, nhân dân xã Sùng Nhơn còn tích cực đẩy mạnh sản xuất. Phấn đấu chỉ tiêu mỗi lao động đạt 1.500 lít gạo, 30 kg heo hơi và 10 kg gà. Đồng thời tạo điều kiện vật chất cho đồng bào lâu nay và sắp tới trở về vùng giải phóng.

Đến tháng 9-74, theo chủ trương của tỉnh, của Khu các xã căn cứ xay lúa, giã gạo để đưa vào kho chuẩn bị phục vụ cho kế hoạch sắp tới. Chi bộ, Ủy ban và Hội phụ nữ đã vận động các chị, các cháu thiếu nhi tham gia. Trong căn cứ, dưới bóng các cây lớn người xay, người sảy, người giã rộn rịp cả đêm ngày. Gạo xay xong đến đâu, được chuyển về kho đến đấy, và được dân quân du kích đi dân công tải gạo ra các vị trí chuẩn bị.

Để chuẩn bị cho chiến dịch tấn công và nổi dậy trong năm 1975, từ đầu tháng 12-1974, Huyện ủy triệu tập các đồng chí chi ủy, đảng viên, cán bộ chính quyền, ban ngành đoàn thể về học tập các chủ trương đường lối và nhiệm vụ mới. Cũng trong thời gian này toàn dân vùng giải phóng được huy động đi dân công tham gia vận tải, chuẩn bị cho các hoạt động trong thời gian tới.

\*

\* \*

Đối với vùng tạm bị chiếm, sau khi có Hiệp định Paris cuộc đấu tranh giữa ta và địch cũng khá quyết liệt.

Sau khi đồng chí Trần Văn Tình về tỉnh công tác, đồng chí Nguyễn Quang Tường được cử làm bí thư. Huyện

ủy rút kinh nghiệm đợt "chôm lên" trong tháng 1-1973 vừa qua, đề ra chủ trương mới : "Phải giành đất, giữ dân - đưa dân về vùng giải phóng - chưa giải phóng được đất thì chú ý đưa dân về vùng giải phóng".

Còn về địch, chúng tiếp tục củng cố bộ máy kèm kẹp và tiến hành bắt lính. Trong tháng 3-1973, chúng đưa tiếp 20 tên sĩ quan tình báo, 50 tên cảnh sát về hoạt động ở quận Hoài Đức. Bộ máy tề các xã được củng cố lại nhằm mục đích kèm kẹp nhân dân. Mặt khác, để lừa mị nhân dân chúng lập các đảng phái, mặt trận đoàn thể mới như : Đảng dân chủ, Mặt trận tranh thủ hòa bình thực thi quyền tự quyết gồm đại diện các tổ chức tôn giáo đảng phái trước đây để lôi kéo tranh thủ quần chúng<sup>(1)</sup>. Riêng Đảng dân chủ của Thiệu đến 4-1973 có 8.000 người. Trong số đó, phần nhiều bị ép buộc.

Ở Sùng Nhơn, trong bối cảnh chung của vùng tạm bị chiếm, địch cũng tăng cường mọi lực lượng để chiếm giữ vùng đất này. Đến cuối 1972, lính bảo an có 50 tên, dân vệ có 3 trung đội gồm 80 tên là lực lượng cơ động trực tiếp đối phó với ta. Ngoài ra còn có lực lượng kèm kẹp trong các ấp có 40 tên thuộc Liên toán phòng vệ dân sự, 8 tên phòng vệ xung kích, cuộc cảnh sát có 4 tên, 8 tên tề xã và 16 tên tề ấp. Tổng cộng các loại có 200 tên kèm kẹp 2.323 người dân.<sup>(2)</sup> Nhưng sau khi có hiệp định

---

(1) Trước đây chúng đã thành lập các đảng phái như : Đại Việt, Quốc dân đảng, Nhân dân xã cách mạng đảng và tổ chức Phật giáo, Thiên chúa giáo...

(2) Theo báo cáo cuối 1970 - Tài liệu ký hiệu III Dc2 - Lưu tại Lịch sử Đảng tỉnh.

và gần 1 năm thực thi, bộ máy kèm kẹp của địch tăng lên gấp bội. Về quân sự, chúng rút lính bảo an, tăng thêm dân vệ, trên đất Sùng Nhơn có 4 trung đội gồm B31, B34, B37 và B49, quân số 99 tên. Trong đó B31, B49 giữ đồn trong ấp, B37 giữ đồn ngoài ấp và B34 đóng giữ núi Dinh; một liên toán phòng vệ dân sự có 2 toán gồm 100 tên ; 1B phòng vệ xung kích có 16 tên và 10 tên cảnh sát do thiếu úy Nguyễn Đình Trật làm cuộc trưởng, kiêm xã phó. Còn binh định có 8 tên do Ngô Ngu làm đoàn trưởng. Về tề xã có 11 tên do Mai Xuân Cang làm xã trưởng. Tề ấp ở Nhơn Đức do Lâm Tống làm ấp trưởng và Nhơn Hòa do Tăng Bá Phương làm ấp trưởng. Về đảng phái chính trị, đến tháng 8-1973 trong xã chúng đã thành lập 1 xã bộ Đảng dân chủ do Mai Xuân Cang, xã trưởng làm bí thư, Trần Thế làm Chủ tịch đảng. Mặt trận tranh thủ hòa bình xã do Lê Đức Dục làm chủ tịch hội đồng.

Trước khi ký Hiệp định Paris, chúng cho lực lượng bung xĩa ra ngoài ấp, sát mé rừng, canh gác từ 18 giờ chiều đến 7 giờ sáng. Bọn tâm lý chiến đi từng gia đình vận động, lôi kéo tuyên truyền số thanh niên vào lính. Lúc đầu chúng nói đi phòng vệ dân sự chỉ ở địa phương không phải ra chiến trường. Khi đã ổn định chúng độn lên dân vệ và dần dần chúng đưa lên bảo an. Với cách đó từ tháng 11/1972 - 15/1/1973 chúng bắt 27 thanh niên vào lính (số người Sùng Nhơn bị bắt vào lính trong toàn bộ cuộc chiến tranh 244 người). Chúng lòng sục bắt 40 người nghi là cơ sở của ta và các gia đình có người tham gia cách mạng đưa về Trung tâm cải huấn Bình Tuy giam giữ 70 ngày, trước lúc ký hiệp định 10 ngày chúng

thả bà con về. Mặt khác kẻ thù cũng tự thanh lọc, thay đổi trong nội bộ chúng bằng cách thay đổi những tên lưng chừng cầu an, đưa số ác ôn lên làm ấp phó an ninh. Sau khi có hiệp định chúng xáo trộn lực lượng giữa thôn này với thôn khác và chuyển 2B dân vệ ở Nghị Đức lên để thành lập đại đội dân vệ thay cho 2B bảo an của C281 rút đi nơi khác.

Về hoạt động, trước khi ký hiệp định chúng cho quân bung xĩa và canh gác ở các ấp. Chúng đưa số an ninh cài cấy vào dân vệ và gia đình cảnh sát với nhiều thủ đoạn gian xảo, thâm độc hơn. Tuy nhiên, trong bối cảnh chung bọn chúng cũng bị dao động, hoang mang.

Về chính trị, tề ấp, tề xã cùng số tâm lý chiến tổ chức hội họp xuyên tạc hiệp định, xuyên tạc thắng lợi của ta. Chúng bắt mỗi gia đình trong ấp may sấm 2 đến 3 lá cờ, vẽ 1 cờ trên nóc nhà hoặc ở ngõ và bắt viết khẩu hiệu chống cộng trước ngõ. Sau khi hiệp định có hiệu lực chúng thay đổi cách hoạt động tâm lý bằng các biện pháp : đổ lỗi cho ta vi phạm hiệp định, bắt chụp ảnh các gia đình có khẩu hiệu chống cộng, cắm cờ ba que, bắt gia đình có người tham gia cách mạng đi học tập, kêu gọi con em về.

Về kinh tế, trước khi ký hiệp định chúng đưa ra các âm mưu khuyến khích dân khai thác ruộng đất. Còn sau hiệp định, chúng thu các loại thuế : ruộng đất, nhà, gia súc, xe máy, hàng hóa mà trước 1972 chúng chưa thực hiện trong xã. Để kiểm soát nhân dân tiếp tế cho cách mạng, chúng quy định ai xay 50 kg lúa trở lên phải xin phép quận. Ai xay lúa nhiều lần chúng ghi vào

số theo dõi và các gia đình bán hàng phải ghi tên những người mua nhiều hàng. Mặt khác, chúng bắt các gia đình đến mùa gặt phải đưa lúa vào kho do chúng quản lý để lấy dần nhằm ngăn chặn dân tiếp tế cho cách mạng. Chúng tổ chức các loại quyên góp, như dịp tết 1973 chúng kêu gọi mọi người dân đóng góp tiền vào "cây mùa xuân" để ủng hộ cho binh sĩ.

Nhìn chung, trong năm 1973 đối với xã Sùng Nhơn vùng tạm bị chiếm địch đã xây dựng được 4 lô cốt, củng cố được Ban hội tế xã, bắt 27 thanh niên vào lính, lực lượng phòng vệ dân sự, phòng vệ xung kích được tăng thêm và thành lập được Đảng dân chủ. Tuy nhiên thế yếu của địch đông mà không mạnh, đàn áp có tính chất phát xít làm cho nhân dân càng căm thù chúng và chính sách đoàn kết dân tộc của Mặt trận giải phóng và thắng lợi quân sự của ta có tác động trong nhân dân, trong binh lính ngụy. Nên làm cho các âm mưu của chúng càng thất bại.

Trong bối cảnh địch o ép trong xã như vậy, nên đời sống nhân dân với 95% là dân lao động gặp nhiều khó khăn. Mặc dù tuyên truyền của ta chưa thâm nhập sâu vào từng gia đình, nhưng từ người này chuyển qua người khác, dân hiểu về ta. Khi chuẩn bị có hiệp định, nhân dân phấn khởi vì từ thời Diệm - Nhu đến thời Thiệu cai trị chưa lúc nào họ được sống yên ổn. Nên nhân dân càng mong muốn hòa bình sắp tái lập và kẻ thù có hà khắc họ vẫn vượt qua. Khi hiệp định đã được ký kết, kẻ thù phá hoại, ráo riết kèm kẹp nhân dân, xuyên tạc hiệp định, đổ lỗi cho ta phá hoại thì tư tưởng

nhân dân diễn ra sự chiến tranh trở lại, ác liệt, gian khổ.

Nắm được tư tưởng nguyện vọng nhân dân, cuối 1972 ta tổ chức 2 tổ mũi gập dân tại ruộng, tại rẫy để tuyên truyền. Khi có hiệp định, ta vừa tuyên truyền bên ngoài vừa đột áp vũ trang và vừa bồi dưỡng cốt cán bên trong làm công tác tuyên truyền. Với cách tuyên truyền đó, đến năm 1973 với dân số trong ấp có 4.429 người thì ta đã đột áp 8 lần gập tuyên truyền được 100 người (37 gia đình), 120 lần gập ngoài rẫy tuyên truyền 909 người và do cơ sở bên trong tuyên truyền phát động được 420 người. Qua đó ta vận động được 5 gia đình (27 người) về Bắc sông sinh sống, 3 thanh niên và 3 gia đình thoát ly. Nhân dân đóng góp một số tài chánh ủng hộ cách mạng được 120.000 đ, bán 140 thùng lương thực các loại cho cách mạng.

Về đấu tranh 3 mũi, trong năm được đẩy mạnh. Đấu tranh chính trị diễn ra trong việc chống địch thúc ép may cờ, vẽ cờ và viết khẩu hiệu, chống đi canh gác ngoài ấp, kéo dài thời gian nộp cây cho chúng làm đôn. Đồng bào còn lần lữa không mang lúa gạo đôn vào kho ở xã theo quy định của địch. Trong công tác binh vận, ta tán phát các tài liệu về chính sách đường lối của Mặt trận giải phóng cho 10 gia đình có người đi lính và một số binh sĩ đang tại ngũ. Đồng thời, cốt cán bên trong ấp cũng giải thích thêm cho gia đình có người đi lính, gia đình tề vệ nên mức độ nào đó chúng cũng hạn chế truy bức, thúc ép dân trong ấp. Còn về đấu tranh vũ trang, trong năm đội mũi cùng với du kích mật đánh 4

trận diệt 3 tên làm bị thương 5 tên. Về xây dựng lực lượng, cơ sở của ta đến cuối 1972 có 25 người, trong đó còn hoạt động chỉ khoảng 1/3. Đến cuối 1973 ta xây dựng cơ sở bên trong được 48 người, trong đó có 41 người thực sự hoạt động bao gồm cả trong 4 ấp Nhơn Đức, Nhơn Hòa, Đức Cẩn và Đức Kiệm. Cũng trong năm 1973, đồng chí Hồng đội trưởng đội công tác K12 đã phân công các chị Hồ Thị Mai, Nguyễn Thị Luận (con bà Luận) phụ trách tổ cơ sở trong ấp Nhơn Hòa, Nhơn Đức. Các chị là những đoàn viên thanh niên. Cùng với các lớp trẻ tham gia công tác cơ sở, suốt chặng đường từ 1966 đến 3-1975 trong lòng địch nhiều chị đã bí mật hoạt động cách mạng, như chị Kha, chị Huệ, ông Sơn.v.v... Về đoàn thể, trước có 4 đảng viên nhưng đều lớn tuổi và có chồng, hoặc con đi tham gia cách mạng nên bị địch khống chế, o ép khó hoạt động. Còn về tổ chức Đoàn, tính đến tháng 6-1973 ta có 1 đoàn viên, 3 thiếu niên, 8 thanh niên, cùng 4 phụ nữ và 3 nông dân là nòng cốt cho hoạt động của cơ sở bên trong. Còn đội công tác bám trong xã có 2 đồng chí ; du kích mật ở ấp Nhơn Hòa có 7 người (có 2 an ninh) và ấp Nhơn Đức có 8 người (có 2 an ninh).

Sang năm 1974, địch đẩy mạnh lấn chiếm, tiếp tục củng cố bộ máy tế ấp, xã và tiến tới lập chế độ quân quản thay cho hội tế để kèm kẹp 590 gia đình gồm 4.700 người dân trong xã (quý I có 42 gia đình ở Quảng Nam chuyển về đây). Trong năm chúng bắt ở Sùng Nhơn và Nghị Đức 80 thanh niên vào lính và thành lập đại đội dân vệ ở Sùng Nhơn. Chúng đưa 3 tên dân vệ ác ôn đi học Vũng Tàu thời gian dài để về làm nòng cốt cho chúng sau này.

Mặc dù địch có khống chế, kiểm soát gắt gao, quý I/74 nhân dân Sùng Nhơn ra làm ăn rất đông, đã cất chòi trại nghỉ trưa 65 cái. Nhiều người về cả vùng đất cũ bên Bắc sông để làm ăn. Qua đó, 3 tháng đầu năm ta tiếp tục vận động, xây dựng thực lực được 6 cơ sở mới và gia đình ông Tuyến có 6 người đều tham gia cách mạng (thoát ly). Với thực tế trong xã, Huyện ủy đã đề ra phương án tấn công 3 mũi cho cả Nghị Đức - Sùng Nhơn trong thời gian tới. Trong đó coi trọng mũi vũ trang chính trị làm nòng cốt, phối hợp với quả đấm của quân sự và hợp đồng chung trên chiến trường tiêu diệt, làm tan rã bao vây, bức hàng lực lượng địch, phá banh đồn bót trong ấp. Kết hợp với lực lượng vũ trang bên ngoài diệt ác trừ gian, phá bỏ các thế kềm kẹp của địch, giành quyền làm chủ xã, ấp tiến tới giải phóng hoàn toàn. Nhanh chóng vận động hướng dẫn nhân dân mang của cải ra ngoài, bung ra rẫy theo hướng dẫn của ta, tích cực vận động quần chúng trở về Bắc sông.<sup>(1)</sup>

Như vậy từ năm 1966 đến nay, nhân dân Sùng Nhơn ở vùng căn cứ cùng nhân dân Sùng Nhơn ở vùng tạm bị chiếm dưới sự lãnh đạo của chi bộ, của Huyện ủy đã vượt qua chặng đường gay go ác liệt chuẩn bị cho bước phát triển mới của phong trào cách mạng.

---

(1) Theo tài liệu : Phương án hoạt động tấn công 3 mũi xã B.5260 (xã Sùng Nhơn), trang 7, ký hiệu III Dd73 lưu tại Lịch sử Đảng tỉnh.



#### IV - GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG

Sau 2 năm (1973 - 1974)

Mặc dù kẻ thù ngoan cố xảo quyệt, vùng giải phóng đều bị ta chặn đánh thắng lợi. Từ đó, so sánh tương quan lực lượng và địch trên toàn miền Nam đã thay đổi. Thế và lực của ta hơn hẳn kẻ thù.

Để đưa cách mạng miền Nam tiến lên trong giai đoạn mới, có thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976. Vì vậy, Bộ Tư lệnh Miền mở đợt hoạt động mùa khô 1974 - 1975. Chiến trường chính của đợt hoạt động này là miền Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Phối hợp với chiến trường chính, Quân khu 6, Tỉnh ủy Bình Tuy chọn Hoài Đức - Tân Linh làm điểm của đợt hoạt động này, nhằm giải phóng 2 huyện trong đợt I (12/1974 - 2/1975). Trong đó quận lỵ Hoài Đức là hướng chính.

Chuẩn bị chiến dịch, tỉnh, huyện đã tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ học tập Nghị quyết 12 của Trung ương Cục, chỉ thị 08 về vùng giải phóng. Đồng thời lực lượng chiến dịch bao gồm Sư đoàn 6 của Miền, E.812 của Quân khu 6 mới thành lập lại 19-5-1974 và bộ đội, du kích trong tỉnh, trong huyện tham gia.

Đối với 6 xã giải phóng Bắc sông có dân số 453 người cũng đang chuẩn bị cho đợt hoạt động này. Ngay từ đầu tháng 12-1974, Ban cán sự Nam Thành triệu tập Ban chi ủy, đảng viên, cán bộ chính quyền, cán bộ các ngành của các xã về Nghị Đức học tập nghị quyết và tình hình nhiệm vụ mới. Sau học tập, huyện triển khai nhiệm vụ cho lãnh đạo các xã vừa đảm bảo các hoạt

động sản xuất  
tuyên truyền  
vùng ta  
động  
ct

... bố phòng ở các xã, vừa có người phục vụ  
... Trong đó chuẩn bị nơi ăn chốn ở cho bà con  
... bị chiếm trở về quê hương. Huyện cũng huy  
... du kích các xã thành lập mới 2 đội công tác đứng  
... nhân hoạt động ở Võ Đất và quận lý Tánh Linh. Đội  
... công tác hoạt động ở phía Bắc Võ Đất (quận lý Hoài  
... Đức) bao gồm lực lượng du kích xã Sùng Nhơn- Mê Pu  
... và lực lượng cơ động của huyện, có 36 cán bộ chiến sĩ,  
... do đồng chí Đinh Trí huyện đội trưởng làm đội trưởng  
... đội công tác, đồng chí Phương huyện đội phó làm đội phó  
... phụ trách quân sự, đồng chí Nguyễn Viết Nha bí thư chi  
... bộ xã Sùng Nhơn làm đội phó phụ trách chính trị viên  
... và phụ trách bộ phận thông tin liên lạc 15W của đội.  
... Khi tiếng súng tấn công trên toàn mặt trận diễn ra,  
... hướng bao vây tấn công địch ở cửa khẩu (Bến Thuyền)  
... của đồng chí Hanh chưa có lực lượng nên huyện thành  
... lập thêm một đội công tác do đồng chí Trần Đình Năm  
... phụ trách có các đồng chí Thế, Hùng, Tân hoạt động ở  
... hướng này. Nhiệm vụ các đội công tác này là đánh địch  
... bung ra hướng Bến Thuyền, lo tổ chức đưa dân về vùng  
... giải phóng và chặn bắt tàn quân khi chúng tháo chạy.  
... Còn đồng chí Khuyh phó bí thư lo chỉ đạo các công việc  
... tại xã.

Nhân dân Sùng Nhơn trong vùng tạm bị chiếm cũng  
... được sự lãnh đạo của huyện, từng bước triển khai nhiệm  
... vụ của mình. Số cán bộ đội công tác, một số đảng viên,  
... đoàn viên và cốt cán được học tập các nhiệm vụ về phát  
... động quần chúng, phối hợp với bộ đội để gỡ đồn bót,  
... chuẩn bị lương thực thuốc men. Tư tưởng chỉ đạo lúc  
... này : Tấn công 3 mũi, không ý lại trông chờ trên. Khẩu  
... hiệu tuyên truyền, vận động nhân dân là :

- Toàn dân hãy đoàn kết phối hợp cùng lực lượng vũ trang cách mạng nổi dậy, bao vây tiêu diệt địch, truy diệt tề điệp ác ôn ngoan cố. Phá tan bộ máy tề nguỵ, giành chính quyền về tay nhân dân.

- Phá ban chấp chiến lược, tự động trở về xóm làng cũ xây dựng cuộc sống mới thực sự độc lập tự do.

- Binh lính, sĩ quan hãy mau mau giao đôn, nộp súng cho cách mạng sẽ được bảo đảm tính mạng.

Thực hiện nhiệm vụ của trên giao. Ở Sùng Nhơn - Nghị Đức có 5 đảng viên bên trong và 80 cơ sở đã hình thành Ban chỉ huy khởi nghĩa, sắp xếp phân công người bí mật may cờ, đào hầm bí mật, tích trữ lương thực thực phẩm, viết khẩu hiệu, chuẩn bị dây trói tù binh và lập danh sách ác ôn.

Sau một thời gian chuẩn bị, đêm ngày 9 rạng ngày 10-12-1974, trên toàn mặt trận nổ súng tấn công địch. Ở Võ Đất quận lỵ Hoài Đức, trọng điểm của cuộc tấn công, ta không đánh dứt điểm được ngay từ trận đầu. Trong khi đó, Đại đội 431 của huyện, Đại đội 88 của tỉnh, C3/D15 Quân khu 6 cùng đội K12 phối hợp với lực lượng bên trong tấn công làm chủ phân chi khu Sùng Nhơn. Địch ở đồn dân vệ cố thủ chống trả quyết liệt, ta chuyển sang đánh lấn đến tối 12-12-1974 Sùng Nhơn hoàn toàn giải phóng. Sau trận đánh, lực lượng Khu rút đi giao cho C431 và C81 của tỉnh chốt giữ Sùng Nhơn. Trong khi đó ta tấn công vào Yếu khu Võ Xu cũng không dứt điểm được cho nên Sùng Nhơn ở giữa 2 điểm cố thủ của địch : Võ Xu ở phía Bắc, Võ Đất ở phía Nam nên tình hình

rất căng thẳng. Sùng Nhơn cũng trở thành bàn đạp để tấn công Chi khu, nên kẻ thù tập trung lực lượng bảo vệ Chi khu, tái chiếm vùng đất Sùng Nhơn ta vừa giải phóng.

Còn trên đường số 3 (từ Trà Tân đến cầu Nín Thờ) chiến sự diễn ra hết sức ác liệt. Địch cố giữ vùng này, ngày 11-12 và 12-12-1974 chúng điều Liên đoàn 7 Biệt động quân, Chiến đoàn 48 của Sư đoàn 18 đến giải vây. Ta bám trụ đánh trả.

Đến ngày 21-12, Đảng ủy mặt trận nhận định : Địch điều quân đến giải tỏa đường số 3 cố giữ vùng này, nên ta tập trung tiêu diệt Chi khu Tánh Linh, để có điều kiện tiêu diệt Chi khu Hoài Đức. Đây là một chủ trương đúng đắn. Đêm 23 và ngày 24-12-1974, ta tấn công Chi khu Tánh Linh. Viện binh của địch bị ta chặn lại ở đường số 3 nên chúng phải chịu mất Tánh Linh. Thấy mất Tánh Linh, đường số 3 khó giữ, địch chuyển sang tăng viện cho Chi khu Hoài Đức. Ngoài chi viện về pháo binh, chúng đưa Chiến đoàn 43, Sư đoàn 18 từ cây số 125 đường 20 hành quân qua Đồng Hiệp, La Ngà tiến vào Chi khu. Ngày 31-12-1974, lực lượng ta tấn công vào Chi khu và ngày 4-1-1975 ta lại đột kích vào trong Chi khu, nhưng không hợp đồng được các mũi nên không dứt điểm. Trong khi đó, ngày 5-1 lực lượng của D1/E43/F18 nguy càn vào Võ Đất, Sùng Nhơn và 6/1 D2/E43 càn tiếp vào góc chợ Sùng Nhơn. Khi lực lượng địch tiến vào đến chợ, đơn vị 431 cùng lực lượng cơ sở chốt giữ hướng này chặn đánh, nên chúng cố thủ tại chỗ.

Trong thời gian này, tình hình địch cũng hết sức bi đát. Lực lượng từ 2.100 tên nay chỉ còn 311 tên giữ Chi khu. Trong khi đó 2D của E43 Sư đoàn 18 là chỗ dựa của chúng cũng không dám hoạt động mạnh như trước. Còn về ta, lực lượng cũng chốt giữ nhiều nơi, đạn dược cũng thiếu nếu tiếp tục tấn công, giải phóng Chi khu khó lòng giữ được. Từ tình hình đó, ta quyết định bao vây Chi khu Võ Đất, rút bớt lực lượng giải phóng nông thôn. Từ ngày 13 đến 14-1-1975, vùng nông thôn Hoài Đức hoàn toàn giải phóng, địch chỉ còn ở Võ Đất. Nhân dân trong các vùng kèm của địch trước đây nhiều gia đình chuyển về vùng căn cứ.

Sau khi ta chấm dứt chiến dịch Hoài Đức - Tánh Linh, lực lượng của Miền, Quân khu 7 được rút đi chuẩn bị cho giai đoạn tấn công địch tiếp theo. Mặt trận Võ Đất giao cho Quân khu 6 và tỉnh Bình Tuy đảm nhiệm. Các đồng chí lãnh đạo Quân khu, Tỉnh nhận định địch sẽ tái chiếm lại Hoài Đức - Tánh Linh, nên ta chuẩn bị các phương án đối phó.

Trong khi đó, 11-1-1975 sau khi mất Tánh Linh và vùng nông thôn Hoài Đức, địch một mặt đưa tên đại tá Trần Bá Thành làm tỉnh trưởng thay trung tá Nguyễn Văn Sĩ. Mặt khác chúng dồn các lực lượng quân sự hiện có và bắt thanh niên từ 16, 17 tuổi vào lính bổ sung quân số, điều chỉnh lực lượng để chiếm lại vùng giải phóng Hoài Đức, chuẩn bị tái chiếm Tánh Linh.

Ngày 20-1-1975, địch tái chiếm Trà Tân và đến cuối tháng 2-1975 chúng khai thông con đường số 3. Ngày 2-2 địch đổ quân tái chiếm Võ Xu. Ở Sùng Nhơn địch dùng

D.469 địa phương quân và D2/E43 Sư đoàn 18 ngụy phối hợp lấn chiếm, C431 và C88 cùng đội công tác chặn đánh quyết liệt. Đến ngày 5-2 chúng mới chiếm được Sùng Nhơn, Nghị Đức, Chính Đức. Cả một vùng nông thôn Hoài Đức đã bị địch chiếm đóng, ta chỉ còn huyện Tánh Linh. Địch chiếm lại các vùng giải phóng, chúng khủng bố, trả thù nhân dân nhưng quân chúng vẫn không sợ địch. Nhiều gia đình trong xã Sùng Nhơn vẫn tiếp tục về Bắc sông qua ngã Tánh Linh hoặc qua sông La Ngà, không chịu nghe theo lời địch để về vùng Bình Tuy, Gia Ray...

Trong lúc địch đang lo củng cố vùng tái chiếm ở Hoài Đức, ta đang chuẩn bị giữ vùng giải phóng Tánh Linh và từng bước chuẩn bị cho nhiệm vụ giải phóng Hoài Đức. Đêm 9 rạng 10-3-1975 chiến dịch Tây Nguyên mở màn. Trận đánh vào Ban Ma Thuật đẩy địch vào thế bị động trong chiến lược, mở ra khả năng ta giải phóng miền Nam trong 1975. Đồng thời, địch càng ra lo đối phó với ta ở nhiều mặt trận trên toàn miền Nam.

Trước tình hình và thời cơ thuận lợi đó, phối hợp với chiến trường toàn miền Nam, Quân khu 6 quyết định giải phóng Chi khu Hoài Đức. Đúng vào 23 giờ ngày 16-3-1975, chiến dịch giải phóng Hoài Đức lần II nổ súng. Đến ngày 19-3, ta quyết tâm tiêu diệt Chi khu trước, giải phóng vùng nông thôn sau nên tấn công liên tục vào Võ Đất. Ta pháo kích trúng kho đạn làm nổ trong nhiều giờ. Địch hoang mang nhưng cũng cố thủ chống đỡ. Ta liên tiếp mở nhiều đợt tấn công và đến 6 giờ 40 phút ngày 20-3-1975 quận lỵ Hoài Đức hoàn toàn giải phóng.

Chớp thời cơ đó, các đơn vị 431, 88 cùng đội công tác tấn công vào xã Sùng Nhơn. Đến 10 giờ ngày 20-3-1975 Sùng Nhơn hoàn toàn giải phóng và đến 18 giờ ngày 22-3-1975 huyện Hoài Đức không còn bóng quân thù.

Thắng lợi trong chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 đã giải phóng cả một vùng đất Hoài Đức - Tánh Linh và thắng lợi 30-4-1975 nhân dân Sùng Nhơn ở Nam, Bắc sông La Ngà không còn bị kẻ thù đánh phá, kềm kẹp hủy diệt. Nhiều gia đình về lại đất cũ đoàn tụ gia đình, làng xóm. Có được ngày hôm nay là do lãnh đạo của Đảng, nỗ lực của toàn dân vượt qua nhiều thử thách cam go suốt chặng đường gần 20 năm từ 12-1965 đến nay.

Hoài Đức - Tánh Linh được giải phóng góp phần mở đường vào giải phóng Sài Gòn, thống nhất Tổ quốc. Nhân dân Sùng Nhơn đã đóng góp một phần vào ngày đại thắng của dân tộc, chấm dứt ách xâm lược của nước ngoài, cùng cả nước bước sang thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

## IV

### 19 NĂM KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH CÁI TẠO VÀ XÂY DỰNG SÙNG NHƠN ĐI LÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(1975 - 1994)

#### I - KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH :

Ngày 30-4-1975, đã trở thành mốc son chói ngời của dân tộc Việt Nam. Ngày nhân dân miền Nam đánh đổ chế độ tay sai của Mỹ và sau hơn 100 năm không còn bóng quân thù trên đất nước ta. Nhân dân Sùng Nhơn cùng nhân dân cả miền Nam bắt tay vào khắc phục hậu quả do chiến tranh tàn phá bao nhiêu năm. Tuy gian khổ, thiếu thốn trăm bề nhưng dân tộc đã độc lập, người dân tự do xây dựng lại quê hương mình.

Về mặt tổ chức, sau thắng lợi 30-4-1975, tỉnh Bình Tuy thuộc miền Đông Nam bộ. Các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Bình Thuận sát nhập thành tỉnh Thuận Lâm. Đến tháng 3 năm 1976 tách tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Bình Tuy thành lập tỉnh Thuận Hải. Tháng 6-1975,



tỉnh Bình Tuy giải tán huyện Nam Thành, sát nhập Tánh Linh, Hoài Đức thành lập huyện Đức Linh có 16 xã. Đến năm 1983, huyện Đức Linh được phân định lại thành hai huyện : Đức Linh và Tánh Linh cho đến ngày nay.

Ở Sùng Nhơn, trong quá trình diễn ra chiến dịch mùa khô 1974 - 1975, nhân dân vùng tạm bị chiếm lần lượt về lại Bắc sông, là nơi trước đây Mỹ - Ngụy đã dồn họ về các ấp chiến lược ở Nam sông. Từ 1966 trở đi, dân số trong vùng giải phóng lúc nhiều nhất gần 100 người, lúc thấp nhất trên 30 người. Những thắng lợi dồn dập của ta trong năm 1974 - 1975 kẻ thù không đủ sức đánh phá vùng giải phóng, nhiều người dân trước đó tản cư sang Phương Lâm (tỉnh Long Khánh), K4 (tỉnh Lâm Đồng) và bà con trong ấp chiến lược ở Nam sông đã về lại vùng đất cũ, nên đến 10-5-1975 dân số toàn xã có 240 gia đình gồm 1.369 nhân khẩu <sup>(1)</sup> được phân chia thành 2 thôn. Đến năm 1977, đồng bào Quảng Trị bị địch dồn vào Hàm Tân trước năm 1975 được tỉnh chuyển lên sinh sống, ta tổ chức thêm thôn 3, 4, 5. Và cuối 1982 đồng bào Bình Trị Thiên tiếp tục vào định cư thành lập thêm thôn 6.

Cũng sau khi giải phóng, các đồng chí lãnh đạo Chi ủy, Ủy ban, các ngành đoàn thể và dân quân du kích được điều đi tuyến trước cũng về lại xã. Đứng trước trăm công nghìn việc của xã mới giải phóng với cơ sở vật chất đều phải xây dựng lại từ đầu. Được huyện ủy chỉ đạo

(1) Theo báo cáo tình hình từ ngày 6 đến ngày 9-6-1975 của Thường vụ Huyện ủy Đức Linh.)

củng cố chính quyền, đoàn thể đủ mạnh để lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Chính quyền xã Sùng Nhơn được đồng chí Đinh Trí, Thường vụ Huyện ủy về chỉ đạo, sắp xếp lại gồm 4 đồng chí :

- Đồng chí Nguyễn Việt Nha, Bí thư chi bộ kiêm Chủ tịch.

- Đồng chí Huỳnh Tân, Phó Chủ tịch.

- Đồng chí Nguyễn Hiếm, xã đội trưởng.

- Đồng chí Đào Chi, phụ trách an ninh, kinh tế.

Trong lúc công việc sắp xếp tổ chức của xã đang từng bước tiến hành. Khi tỉnh thành lập Huyện Đức Linh, để tăng cường bộ máy lãnh đạo cho một huyện mới thành lập, một số cán bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể các xã được điều về huyện. Ở xã Sùng Nhơn có đồng chí Nguyễn Việt Nha và một số đồng chí khác được điều về huyện. Đồng thời huyện chỉ định đồng chí Nguyễn Thế Khuynh làm quyền chủ tịch. Cũng trong tháng 6-1975, Thường vụ Huyện ủy Đức Linh thấy tình hình cơ sở các xã yếu đã thành lập 3 đoàn cán bộ gồm các đồng chí trong cấp ủy huyện, cán bộ đoàn thể và y tế huyện về các xã nắm tình hình.

Đồng chí Nguyễn Tuấn Dục được Huyện ủy cử về công tác ở Sùng Nhơn. Sau khi nắm tình hình chung, việc củng cố lại chính quyền được đặt ra. Về chi bộ đồng chí Huỳnh Tân được huyện chỉ định làm bí thư, đồng chí

Nguyễn Thế Khuynh phó bí thư, đồng chí Nguyễn Hiếm chi ủy viên. Còn Ủy ban nhân dân xã gồm có các đồng chí :

- Đồng chí Nguyễn Thế Khuynh tiếp tục làm Chủ tịch.
- Đồng chí Trần Đình Quang, Phó chủ tịch.
- Đồng chí Trần Phong, Ủy viên Thư ký.
- Đồng chí Lê Văn Liâu, trưởng công an xã, khoảng vài tháng sau đồng chí Liâu về huyện, đồng chí Trần Đình Năm thay.
- Đồng chí Nguyễn Hiếm, xã đội trưởng.
- Đồng chí Huỳnh Văn Sang, trưởng ban Thông tin - Văn hóa.
- Đồng chí Trần Thị Quang, Bí thư Xã đoàn, sau đó đồng chí Nguyễn Thị Luận thay.
- Đồng chí Đinh Thị Liên, Hội trưởng phụ nữ.
- Đồng chí Lê Nghiêm, Hội trưởng Hội Nông dân.
- Đồng chí Trần Đình Nguyên, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã.
- Đồng chí Nguyễn Thanh Dân, phụ trách y tế - xã hội.

Đối với các thôn lúc này cũng được củng cố lại lãnh đạo : Thôn 1 do ông Văn Thơ làm Trưởng ban thôn.

Ông Trần Minh Thiết (Nga) Phó ban thôn.

Ông Lê Dư (Thắm) Ủy viên.

Thôn 2 : do ông Nguyễn Xuân làm Trưởng ban thôn.

Ông Nguyễn Lương Dải, Phó ban thôn.

Ông Phan Thâm, Phó ban thôn kiêm công an thôn.

Chính quyền được củng cố, việc đầu tiên là lãnh đạo nhân dân ổn định đời sống. Xã chỉ đạo các gia đình về lại thôn xóm, vườn cũ của mình, tu sửa phát cây xây lại nhà cửa. Dân quân du kích gỡ chông mìn giúp dân. Trên cơ sở đã có kinh nghiệm tổ chức làm ăn tập thể trước đây, số đông đồng bào về lại vùng giải phóng cùng số đồng bào căn cứ hình thành 24 tổ nông dân rộng rãi, đoàn kết sản xuất dưới hình thức vắn đổi công. Mỗi tổ sản xuất do một tổ trưởng, tổ phó phụ trách liên lạc trực tiếp với thôn. Nhờ có tổ vắn đổi công, bà con hỗ trợ lẫn nhau trong khắc phục hậu quả chiến tranh và đẩy mạnh khai hoang phục hóa lại đất đai để sản xuất. Tính đến 10-5-1975, nhân dân trong xã đã dọn được 8 mẫu vườn, cày được 73 mẫu ruộng, và đến tháng 8-1975 do khai phá thêm đất hoang đã đưa diện tích gieo trồng lên 111 ha lúa. Mặt khác nhân dân còn phát cây, đắp được 400 mét đường liên xã, bắc 2 cầu để con đường giao thông trong xã thông với xã bạn Mê Pu và nối liền các xã trong huyện.

Tuy nhiên, lúc này việc sản xuất đang gặp rất nhiều khó khăn, các loại cây giống thiếu trầm trọng, và lại đang là mùa mưa nên trong việc sản xuất gặp nhiều trở ngại. Cùng với khó khăn trong sản xuất, nạn thiếu đói đã diễn ra. Trước đây, do điều kiện chiến tranh việc sản xuất khó khăn, nên nhân dân còn thiếu đói lo đắp đổi qua ngày. Từ ngày giải phóng, trở về lại vùng đất xưa, nhân dân được huyện cung cấp lương thực, nhưng nay đã cạn dần, nên nhiều gia đình ăn cháo, ăn rau thay

com. Sản xuất chưa có thu hoạch nên đói diễn ra trên diện rộng. Ở Sùng Nhơn, đến ngày 10-5-1975 có 30 gia đình gần 100 nhân khẩu đang bị đói. Đến ngày 9-6-1975, con số bị đói trong xã đã lên 70 gia đình gồm 590 nhân khẩu và đến 9-7-1975 con số bị đói lên đến 105 gia đình trong xã. Bên cạnh đó, bệnh tật của nhân dân cũng tăng lên đáng kể, bệnh sốt rét, bệnh sỏi, trái rạ đã cướp đi 5 sinh mạng trong tháng 5-1975 (có 2 người lớn).

Trước tình hình đói - đau diễn ra không chỉ xã Sùng Nhơn mà cả các xã khác ở Bắc sông, khu, tỉnh, huyện và Đảng ủy, chính quyền các xã đã tìm mọi cách để tháo gỡ khó khăn này của nhân dân. Trong tháng 6-1975, huyện đã nhận 30 tấn gạo của Khu để cấp phát cho dân và huyện cũng xuất lúa hỗ trợ cho mỗi người hơn 1 thùng. Đến tháng 7-1975, huyện tiếp tục cứu giúp cho 19 gia đình còn thiếu đói nhiều. Cùng với cứu trợ của trên, ta còn vận động những gia đình đỡ đói hơn với quan điểm "lá lành đùm lá rách" giúp cho những gia đình bị đói nhiều hơn. Trong khi đó, việc đẩy mạnh sản xuất đã có kết quả. Đến tháng 8-1975, nhân dân trong xã đã thu hoạch vụ lúa sớm được khoảng 122.100kg, 450kg bắp và 4.000 kg mì đủ ăn trong 4 tháng nên đã giải quyết được nạn đói <sup>(1)</sup>. Tiếp đến nhân dân đẩy mạnh sản xuất dự kiến 150 ha trong vụ nghịch. Và đến tháng 11-1975 đã cấy được hơn 23 ha lúa. Đến đây nạn đói cơ

---

(1) Theo báo cáo quý III/75 của huyện Đức Linh, ký hiệu III Db98 lưu tại LSD tỉnh : Sùng Nhơn thu hoạch trong vụ mùa này đủ ăn 8 tháng.

bản đã được cải thiện. Về bệnh tật cũng dần được giải quyết. Huyện cử y tế về xã giúp nhân dân chữa bệnh, phun thuốc trừ muỗi, vận động nhân dân ăn, ở sạch. Đến 12-75, huyện đào tạo y tế đưa về để làm nòng cốt cho y tế các xã. Có thể nói đến cuối 1975, nạn đói, đau đã được giải quyết một phần. Đạt thành quả đó do huyện kịp thời cử cán bộ xuống bám sát chỉ đạo, giúp đỡ và Chi ủy xã kịp thời triển khai chủ trương của trên.

Song song với việc giải quyết nạn đói - đau, việc đẩy mạnh sản xuất, việc xây dựng cơ sở vật chất, phát triển giáo dục và phát triển thương nghiệp, vận động nhân dân đóng thuế cho Nhà nước bước đầu được thực hiện.

Đồng thời, đã tiến hành xây dựng hệ thống giao thông trong xã, làm được 400m đường. Đến tháng 11-1975, Phòng Giao thông vận tải huyện giao cho từng địa phương quản lý nhằm tu bổ thường xuyên. Về xây dựng cơ sở vật chất, đến tháng 8 năm 1975 xã tiến hành xây dựng nhà thương (trạm xá), trường học, cơ quan xã, chợ búa. Tuy chưa khang trang hiện đại, nhưng bước đầu đã hình thành một hệ thống cơ sở hành chính - văn hóa của một địa phương bị tàn phá trong chiến tranh.

Bên cạnh đó, cơ sở thương nghiệp Xã hội chủ nghĩa cũng đã hình thành. Huyện tổ chức 1 cửa hàng mua bán tại xã Mê Pu nhằm phục hàng hóa cho nhân dân 5 xã Bắc sông. Cửa hàng này phân phối hàng hóa theo số lượng dân số của các xã qua cửa hàng mua bán xã. Tuy hàng hóa sản xuất chưa nhiều, nhưng ai cũng có để sử dụng. Đồng thời chính quyền giáo dục cho nhân dân bán hàng thể hiện trách nhiệm - công bằng trong buôn bán.

Cùng với phát triển thương nghiệp, công cuộc vận động nhân dân đóng góp thuế cho nhà nước bước đầu được thực hiện. Trong tháng 11-1975, Phòng Tài chính huyện đã thu các loại thuế công thương nghiệp như : Thuế lợi tức, thuế môn bài và bước đầu thu thuế nông nghiệp. Trong khi thực hiện, có nơi, có lúc còn làm chưa đúng, nhất là thuế nông nghiệp. Để chấn chỉnh và quán triệt thêm về chủ trương, bước đi trong công tác thu thuế nông nghiệp và thu mua lương thực, ngày 26-12-1975 Thường vụ triệu tập cuộc hội nghị huyện ủy mở rộng. Tại hội nghị Thường vụ huyện ủy nhấn mạnh về công tác thu thuế nông nghiệp là công tác trọng tâm vô cùng quan trọng. Nhưng vừa qua cán bộ quán triệt chưa tốt nên nhiều nơi kê khai không đúng diện tích, có nơi thu thuế bằng tiền cũng chưa đúng mức và phân chỉ đạo chưa cụ thể. Do đó, hội nghị lần này đã nhấn mạnh đến biện pháp thực hiện. Trong đó phải nói rõ ý nghĩa về thuế nông nghiệp là phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh quốc phòng, phục vụ cho đời sống nhân dân, xây dựng và bảo vệ đất nước. Nên trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân phải tham gia. Thường vụ cũng chỉ đạo dựa vào thực tiễn vùng đất trồng lúa mấy vụ để thu thuế, không thu bình quân 10% như trước đây. Đồng thời, huyện cũng đề ra các biện pháp để thu thuế và thu mua lương thực, thực hiện kế hoạch dự thu 3 ngàn tấn lúa thuế và thu mua 3 ngàn tấn ngoài thuế trong toàn huyện.

Thực hiện chủ trương của trên, trong xã Sùng Nhơn tiến hành đánh giá lại diện tích sản xuất của từng gia

đình để tính mức thu. Đồng thời, các thôn đã hình thành Ban thu thuế giúp Ban thu thuế xã vừa thu thuế và tiến hành thu mua lương thực.

Về văn hóa, giáo dục trong quý II năm 1975 huyện củng cố các lớp đã có và mở các lớp phổ thông cấp I ở xã Sùng Nhơn bảo đảm cho các em đến tuổi tới trường đi học. Bên cạnh đó huyện xây dựng các lớp bình dân học vụ trong các thôn để dạy cho người lớn không biết chữ. Ngày lao động mệt nhọc, nhưng đêm đêm bà con phấn khởi đến lớp học tập. Đồng thời đến 31-12-1975, huyện xây dựng xong một trường cấp II cho con em các xã Bắc sông đến học tập. Ngày 2-1-1976, trường bắt đầu khai giảng năm học đầu tiên sau giải phóng. Để bồi dưỡng nhận thức cho đội ngũ giáo viên dưới chế độ cũ, huyện mở đợt học tập từ 15 đến 20 ngày cho số anh chị em giáo viên về nhận thức đường lối, chủ trương của chính quyền mới trong nhà trường để anh chị em phục vụ tốt cho đất nước.

Về công tác thông tin văn hóa đã phát động trong các tầng lớp nhân dân nếp sống mới, lành mạnh. Tuyên truyền chính sách 10 điểm của cách mạng đối với vùng mới giải phóng. Về tổ chức, Phòng thông tin văn hóa huyện triển khai hệ thống thông tin tuyên truyền đến các xã. Trong xã Sùng Nhơn, các thôn đều có cán bộ tuyên truyền hàng tuần phổ biến tin tức tình hình cho nhân dân. Nhất là phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước xuống dân. Công tác văn hóa - giáo dục tuy mới và triển khai gặp nhiều khó khăn về phương tiện, trang bị, song anh chị em làm



công tác đã tận tụy với nhiệm vụ, không quản vất vả cực nhọc, họ đã mang đến cho mọi người các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Riêng công tác quần chúng, thực hiện chủ trương của huyện ngay trong cuối tháng 4 đầu tháng 5-1975, xã đã thành lập 24 tổ nông dân rộng rãi và phát triển 24 hội viên nông dân giải phóng. Và tháng 6 đang tiến hành học tập các nghị quyết về xây dựng các đoàn thể phụ nữ, nông hội, thiếu niên, thanh niên. Đến tháng 8-1975, xã đã thành lập một Ban chấp hành phụ nữ có 6 cán bộ. Còn hội viên phụ nữ giải phóng được sắp xếp thành 9 tổ, có 18 cán bộ với 77 hội viên. Tổ chức phụ nữ rộng rãi có 22 tổ gồm 44 cán bộ lãnh đạo 519 chị em. Về tổ chức Thanh niên có 3 đoàn viên do đồng chí Trần Thị Quang làm bí thư, sau đó đồng chí Luận thay. Tiếp đến thành lập Hội Thanh niên giải phóng do đồng chí Lê Văn Năm làm thư ký và tổ chức Thiếu niên xã do đồng chí Thành phụ trách. Ban chấp hành Nông hội xã có 4 ủy viên, số hội viên tăng lên 54 người và 752 hội viên nông dân rộng rãi. Cùng với tập hợp các đoàn thể quần chúng, chính quyền xã đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng 5 năm 1975 như : Ngày Quốc tế Lao động 1-5, ngày chiến thắng Điện Biên Phủ 7-5, ngày sinh nhật Bác 19-5 đã tác động đến mọi người dân. Lần đầu tiên họ được nghe đầy đủ về các ngày lễ nói trên. Đến ngày thực hiện một tuần lễ mừng chiến thắng giải phóng miền Nam, hàng ngàn bà con trong xã được mời về huyện dự mít tinh trọng đại này. Cùng với các ngày lễ lớn của dân tộc, ngày 1-6-1975 xã tổ chức

ngày Quốc tế thiếu nhi đầu tiên trên vùng đất năm xưa đây khói lửa chiến tranh cho các cháu. Thiếu niên các thôn tập trung về trụ sở xã làm lễ mít tinh. Đại biểu các đoàn thể trong xã tặng quà cho các em. Sau lễ mít tinh là liên hoan văn nghệ, với các bài hát cách mạng. Buổi lễ đó đã ghi dấu ấn trong lớp trẻ sau 1975, thể hiện sự quan tâm của Đảng, chính quyền đối với mầm non đất nước. Lần đầu tiên các em được vui chơi trong ngày lễ hội của mình.

Trong lúc nhân dân đang hân hoan với niềm vui thắng lợi sau bao năm gian khổ mới dành được và cùng nhau bắt tay xây dựng cuộc sống mới, thì một số người của chế độ cũ tập hợp lại chống phá cách mạng. Họ vừa xuyên tạc tình hình, phao tin đồn nhảm và thậm chí một số đã vào làm trong chính quyền, đoàn thể của ta, bao che cho số khác không khai báo trình diện. Một số tên từ Hồ Nai ra trốn trong rừng lập nên cái gọi là : "Tiểu đoàn 1 quyết thắng quân lực Việt Nam cộng hòa" v.v... Với các hoạt động quấy nhiễu của tàn quân làm cho một số người hoang mang dao động. Mặt khác một số chức sắc trong tôn giáo như Thích Quảng Thành tập hợp giáo dân không báo cáo với ta. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của trên ta vừa tiến hành tập hợp số binh lính và những công chức cũ để học tập tìm hiểu về đường lối, chính sách của cách mạng. Qua học tập đó từng đối tượng tự suy nghĩ để trở về với dân tộc. Mặt khác, ta cũng tổ chức lực lượng truy quét những toán tàn quân, những tên phản động ngoan cố còn lẫn trốn trong dân, ngoài rừng nhằm bảo vệ an ninh trật tự của xóm làng.

Huyện sử dụng lực lượng C421, B an ninh vũ trang và lực lượng du kích các xã trong huyện để thực hiện. Cùng với hoạt động quân sự, từ 10 - 17-6-1975 các đoàn thể cũng tham gia vào vận động các gia đình có binh lính trốn chạy ra trình diện. Tại xã tính từ sau ngày giải phóng đến 12-6-1975, đã có 180 người của chế độ cũ ra trình diện, trong đó có 32 người đưa về huyện học tập. Trong đợt truy quét 2 ngày 7, 8-7-1975 xã Sùng Nhơn đã bắt 5 tên là sĩ quan ngụy ngoan cố. Đến tháng 11-1975, huyện tổ chức lực lượng truy quét đợt 2 có bộ đội huyện với 5B du kích xã tham gia. Trọng tâm đợt hoạt động này nhằm vào các xã Võ Đất, Trà Tân, Sùng Nhơn. Qua các lần hoạt động truy quét tàn quân địch, xã cũng thu được một số kết quả bảo đảm an ninh cho nhân dân.

Cũng như các xã khác ở Bắc sông, xã Sùng Nhơn từ khi giải phóng đến nay Chi ủy và chính quyền xã đã lãnh đạo nhân dân vừa ổn định cuộc sống mới, vừa đẩy mạnh sản xuất, cứu đói cho dân, vừa xây dựng chính quyền đoàn thể và truy quét tàn quân địch để ổn định cuộc sống nhân dân. Có kinh nghiệm lãnh đạo trong chiến tranh, nhưng lãnh đạo xây dựng lại một xã trên đồng đổ nát hoang tàn là cả một quá trình lâu dài. Chi bộ xã đã khắc phục được những khó khăn, vừa làm vừa tìm tòi cách đi, sau 9 tháng cơ bản xây dựng được cơ sở vật chất bước đầu để cùng cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

\*  
\* \*



## II - THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ, SÙNG NHƠN CÙNG CẢ NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Sau ngày miền Nam được giải phóng, đến tháng 4 năm 1976 hai miền Nam - Bắc tiến hành Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhân dân Sùng Nhơn cùng nhân dân cả nước hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, tiến lên làm cuộc cách mạng Xã hội chủ nghĩa. Xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, hùng cường.

Để xác định nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, từ Trung ương đến cơ sở Đảng đều tiến hành đại hội. Thực hiện chỉ thị số 240 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa III, chỉ thị số 237 của Tỉnh ủy Thuận Hải các cấp Đảng bộ từ tỉnh đến huyện, xã tiến hành tổ chức đại hội 2 vòng.

- Vòng I : Đại hội kiểm điểm, đánh giá tình hình vừa qua, góp ý kiến vào bản dự thảo của Đảng bộ huyện, tỉnh và bầu cử đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

- Vòng II : Đại hội bàn biện pháp ra nghị quyết thực hiện nghị quyết của Đảng bộ cấp trên và bầu Ban chấp hành khóa mới.

Với tinh thần ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng diễn ra 2-1976. Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ tỉnh Thuận Hải diễn ra vào tháng 2-1977 và Đại hội lần thứ nhất của huyện Đảng bộ Đức Linh vào tháng 11-1976. Đối với Chi bộ xã Sùng Nhơn đã được củng cố vào tháng 6-1975, nên tiếp đến tháng 10-1977 tiến hành đại hội. Với số lượng 12 đảng viên, chi bộ đại hội trong 1 ngày. Đại hội đã ra nghị quyết về nhiệm kỳ



1977 - 1979. Trong đánh giá tình hình của xã từ tháng 6-1975 đến nay, đại hội nhấn mạnh đến việc xây dựng cơ sở vật chất cho con đường làm ăn tập thể. Xác định lấy các tổ vận động công của thôn I, II, được xây dựng trong những năm chiến tranh làm nòng cốt, tiếp tục xây dựng thành 28 tổ hợp tác lao động. Đến tháng 2-1977 trên cơ sở 28 tổ hợp tác lao động đã hình thành 2 hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của xã và cũng là đầu tiên của huyện Đức Linh. Đối với thôn III, IV, V, VI là đồng bào các nơi đến xây dựng vùng kinh tế mới, nên chi bộ chủ trương tiếp tục vận động để hình thành các tổ vận động, ổn định đời sống nhân dân từ sau giải phóng đến nay. Trong đó chống đói, chữa bệnh cho dân, đẩy mạnh sản xuất đã đạt kết quả tốt. Và đánh giá về công tác an ninh trật tự xã hội, truy quét bọn tàn quân, công tác xây dựng chính quyền đoàn thể trong thời gian qua... Về nhiệm kỳ 1977 - 1979, nghị quyết đã đề cập mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho từng năm về kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, phân phối lưu thông, thủ công nghiệp. Về công tác văn hóa giáo dục, đẩy mạnh phát triển văn hóa, y tế, giáo dục. Về công tác củng cố chính quyền, đoàn thể và công tác xây dựng dân quân tự vệ, bảo đảm an ninh trật tự, truy quét tàn quân và công tác gọi thanh niên nhập ngũ. Về công tác chi bộ, ngoài việc thường xuyên giáo dục tư tưởng chính trị cho đảng viên, nghị quyết còn đề cập công tác phát triển Đảng. Trong năm 1977 phấn đấu phát triển 6 đảng viên mới. Đại hội bầu ra Ban chi ủy mới có 5 đồng chí :

- Đồng chí Huỳnh Tân.

- Đồng chí Nguyễn Thế Khuynh.

- Đồng chí Nguyễn Hiêm.
- Đồng chí Phạm Thế Sơn.
- Đồng chí Trần Đình Năm.

Đồng chí Huỳnh Tân tiếp tục được cử làm Bí thư chi bộ. Đây là Đại hội tiếp thu chủ trương đường lối, mục tiêu bước đi của công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình thực hiện nghị quyết của đại hội, chi bộ xã đã phát triển đảng viên mới và đến 6 tháng đầu năm 1979, thôn I và II có đủ số đảng viên thành lập chi bộ cơ sở và chi bộ xã có 32 đảng viên đủ điều kiện theo quy định thành lập Đảng bộ xã <sup>(1)</sup>.

Chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ 5 của Đảng, tỉnh, huyện tiến hành đại hội lần thứ II vào năm 1979. Được sự chấp thuận của Huyện ủy Đức Linh và Tỉnh ủy Thuận Hải tháng 10 năm 1979 Chi bộ xã tiến hành đại hội lần thứ I để thành lập Đảng bộ xã. Đại hội được tiến hành trong 2 ngày. Ngoài việc đánh giá kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ trong thời gian qua, bầu đại biểu đi dự đại hội huyện Đảng bộ Đức Linh và ra nghị quyết nhiệm kỳ 1979- 1983. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ xã có 5 đồng chí :

- Đồng chí Huỳnh Tân.
- Đồng chí Phạm Thế Sơn.

(1) Theo quy định của Trung ương, chi bộ có từ 30 đảng viên trở lên được lập Đảng bộ cơ sở.



- Đồng chí Trần Đình Quang.

- Đồng chí Trần Đình Năm.

- Đồng chí Hồ Thị Huệ.

Đồng chí Huỳnh Tân được bầu làm bí thư, đồng chí Phạm Thế Sơn phó bí thư Đảng ủy xã.

Tiếp đến ngày 24 tháng 10 năm 1983, Đại hội Đảng bộ xã Sùng Nhơn lần thứ II, có 35 đảng viên tham dự Đại hội Đảng bộ xã bầu Ban chấp hành có 5 đồng chí :

- Đồng chí Phạm Thế Sơn.

- Đồng chí Trần Đình Năm.

- Đồng chí Nguyễn Thế Khuynh.

- Đồng chí Trần Đình Quang.

- Đồng chí Huỳnh Tân.

Đồng chí Phạm Thế Sơn được bầu làm bí thư, đồng chí Trần Đình Năm làm phó bí thư Đảng ủy xã.

Thực hiện chỉ đạo của trên, các cấp ủy Đảng tiến hành đại hội để chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Ngày 27-4-1985, Đảng bộ xã tiến hành Đại hội lần thứ III. Đảng số của Đảng bộ có 37 đảng viên đã bầu Ban chấp hành có 5 đồng chí :

- Đồng chí Phạm Thế Sơn.

- Đồng chí Lê Văn Năm.

- Đồng chí Nguyễn Công Thành.

- Đồng chí Trần Đình Quang.

- Đồng chí Dương Minh Thạch.

Đồng chí Phạm Thế Sơn được bầu làm bí thư và đồng chí Lê Văn Năm được bầu làm phó bí thư Đảng ủy.

Qua thực hiện nghị quyết của các kỳ đại hội I đến đại hội III, Đảng bộ xã Sùng Nhơn đã gặt hái được nhiều kết quả.

Về công tác xây dựng Đảng bộ luôn luôn gắn liền với sự phát triển của xã hội. Từ thực hiện nhiệm vụ nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ 4, 5 của toàn Đảng và Nghị quyết Đại hội I, II, III của Đảng bộ tỉnh, huyện, Đảng bộ xã Sùng Nhơn không ngừng tăng về số lượng và chất lượng. Về tổ chức, trước Đại hội chi bộ (1979) cả xã mới chỉ có 1 chi bộ. Trong quá trình phát triển Đảng kết nạp đảng viên mới, đến năm 1979 đã thành lập được 2 chi bộ cơ sở thôn I và thôn II, có 4 tổ đảng, 32 đảng viên và hình thành Đảng bộ xã. Đến 1982 số lượng đảng viên còn 27 đồng chí (4 đảng viên dự bị) <sup>(1)</sup>. Trong đó có 6 đảng viên hưu trí, phục viên có 7 đồng chí, còn lại là đảng viên tại chỗ. Từ sau 1975 đến 1982 công tác phát triển đảng viên mới được 12 đồng chí. Đồng thời thi hành kỷ luật xóa tên 9 đảng viên, khai trừ 1. Đến năm 1983 số lượng đảng viên có 29 đồng chí (1 dự bị). Qua thực hiện theo chỉ thị về củng cố tổ chức Đảng, cả 29 đồng chí đủ tư cách để phát thẻ Đảng. Tuổi đời đảng viên cao nhất 72 và thấp nhất 24 tuổi. Trong 29 đảng viên có 23 đồng chí tham gia trong lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền,

---

(1) Năm 1980, do một số đồng chí Đảng viên chuyển đi các địa phương khác sinh sống, công tác và 1 đồng chí đảng viên bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng.

đoàn thể, hợp tác xã và thực hiện nhiệm vụ của mình trong cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Đến năm 1985, Đảng bộ có 36 đảng viên trong 2 chi bộ. Thực hiện chỉ thị 79 của Trung ương Đảng về xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh, Đảng bộ tổ chức cho quần chúng đóng góp ý kiến cho đảng viên. Sau khi rà xét lại 100% đảng viên đủ tư cách, có 23 đảng viên đạt loại A và 13 đảng viên đạt loại B. Chi bộ 1 là chi bộ đạt khá và chi bộ 2 được đề nghị là chi trong sạch vững mạnh. Qua kết quả đó, Đảng bộ xã được công nhận là Đảng bộ khá của huyện Đức Linh. Về mặt lãnh đạo, Đảng bộ xã lãnh đạo toàn diện về kinh tế - văn hóa xã hội - an ninh quốc phòng. Trong 10 năm qua (1975 - 1985) Đảng bộ thực hiện các chủ trương đường lối của Đại hội toàn quốc lần thứ IV và thứ V, các nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh, huyện, đã xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng được các tổ chức đoàn thể làm nòng cốt cho phong trào cách mạng trong xã. Điều lớn nhất Đảng bộ đã thiết lập được cơ sở vật chất ban đầu của CNXH, đưa nông dân vào làm ăn tập thể, đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Nắm đúng quan điểm chuyên chính vô sản, xây dựng được hệ thống pháp chế XHCN bảo vệ thành quả cách mạng. Mặt khác, Đảng bộ đã làm tốt công tác xây dựng Đảng, chăm lo giáo dục Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xã để làm tốt vai trò xung kích của mình, là đội hậu bị tin tưởng của Đảng. Đó cũng là nguồn phát triển đảng viên. Đồng thời Đảng bộ chăm lo, thực hiện các chính sách xã hội như chính sách thương binh, giáo dục y tế và các cơ sở phúc lợi cho nhân dân. Với thành tích ấy, Đảng bộ phần

đầu đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Ngoài chăm lo xây dựng tổ chức Đảng, Đảng bộ còn đưa nhiều đảng viên trẻ đi đào tạo về chính trị, chuyên môn, về kế thừa sự nghiệp của Đảng ở địa phương.

Cũng trải qua 10 năm (1975 - 1985) giải phóng, việc xây dựng cơ quan lập pháp, hành pháp trong hệ thống pháp chế xã hội chủ nghĩa đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện. Cùng với bầu cử Quốc hội khóa IV trong năm 1976, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã được hình thành. Hội đồng nhân dân khóa I xã Sùng Nhơn đã được cử tri bầu có 21 đại biểu. Hội đồng nhân dân cử ra Ủy ban nhân dân xã có 7 ủy viên : đồng chí Nguyễn Thế Khuynh làm chủ tịch, đồng chí Lê nghiêm, Phó chủ tịch, đồng chí Phạm Thế Sơn ủy viên thư ký, đồng chí Nguyễn Hiếm xã đội trưởng, đồng chí Trần Đình Năm phụ trách công an và Nguyễn Văn Sang phụ trách văn hóa thông tin xã. Đến năm 1979, Hội đồng nhân dân xã tổng kết khóa I, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của huyện giao và tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa II có 40 đại biểu và bầu Ủy ban nhân dân xã có 7 ủy viên. Đồng chí Phạm Thế Sơn làm Chủ tịch, đồng chí Đào Duy Phước, Phó chủ tịch, đồng chí Lê Văn Năm ủy viên thư lý, đồng chí Trần Đình Năm phụ trách công an xã, đồng chí Trần Văn Nga làm xã đội trưởng và đồng chí Nguyễn Hữu Bản phụ trách thông tin văn hóa xã. Tiếp đến ngày 22-11-1981, xã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân khóa III, có 41 đại biểu. Bầu cử Ủy ban nhân dân xã có 7 ủy viên. Đồng chí Trần Đình Năm được cử làm chủ tịch, các đồng chí Dương Minh

Thạch làm phó chủ tịch, đồng chí Lê Văn Năm làm ủy viên thư ký, đồng chí Nguyễn Hữu Bản phụ trách văn hóa thông tin, đồng chí Nguyễn Ấm phụ trách nông nghiệp. Đến năm 1983, đồng chí Lê Văn Năm được cử làm chủ tịch thay đồng chí Trần Đình Năm nghỉ việc. Và đến ngày 30-4-1984 bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa IV, có 41 đại biểu. Ủy ban nhân dân xã được hình thành. Đồng chí Lê Văn Năm được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Công Thành Phó chủ tịch, Nguyễn Tường Thế ủy viên thư ký, Nguyễn Hữu Bản phụ trách thông tin văn hóa, Nguyễn Ấm phụ trách tài chính - ngân sách và đồng chí Đỗ Phô phụ trách giao thông - thủy lợi. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đã làm được vai trò quản lý hành chính, kinh tế, văn hóa, phát huy được hiệu lực của nhà nước trong quản lý xã hội, quản lý lãnh thổ, tăng cường pháp chế và phát huy được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Năm 1976, dân số trong xã có 2.451 người. Từ năm 1977 thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ đưa dân lập vùng kinh tế, nhiều bà con trong tỉnh Thuận Hải, tỉnh Bình Trị Thiên đến lập nghiệp đã đưa dân số trong xã lên 6.947 người. Đến năm 1979, toàn xã có 7.124 khẩu, trong đó có 2.450 người trong độ tuổi lao động và lao động nông nghiệp chiếm 2.337 người. Nhưng đến 1985, do một số người đi học, một số người chuyển đi nơi khác như Trà Tân, nông trường Đa Kai, về quê cũ v.v... trong xã còn 5.845 khẩu có 2.448 lao động.

Trong điều kiện đất đai, Sùng Nhơn có diện tích tự nhiên 5.458,615 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp

chiếm 981,034 ha và đất thổ cư 111 ha, còn lại là đất rừng. Đến tháng 12-1977 theo chủ trương của tỉnh, xã cắt 791 ha để thành lập Nông trường lúa Đa Kai. Diện tích đất tự nhiên trong xã còn 4.667 ha. Thế mạnh của xã là nông nghiệp và lâm nghiệp.

Đánh giá lại việc thực hiện các nhiệm vụ trong các kỳ Đại hội I, II, III Đảng bộ xã lãnh đạo nhân dân thực hiện được :

Về sản xuất nông nghiệp, với diện tích đất đai đó, Sông Nhon không những là một vùng trọng điểm lúa của huyện mà còn là của tỉnh. Năm 1977, diện tích canh tác đạt 911.890 ha, trong đó sản xuất lúa 906,42 ha, còn lại là đất trồng màu và khai hoang thêm được 194,700 ha. Nhưng mùa lụt năm ấy đã gây thiệt hại cho nhân dân trong xã : 312,20 ha lúa bị ngập úng, trong số đó có 257,20 ha bị mất trắng và 63 ha bị hư hại từ 50 - 80%. Nhân dân các thôn I, II, III khắc phục hậu quả lũ lụt thu hoạch được cả lúa hè và lúa mùa, còn thôn IV, V do lũ lụt tàn phá nặng nên chỉ thu được lúa mùa. Mặc dù thiên tai gây ra thiệt hại như vậy, 2 hợp tác xã thôn I và II vẫn làm tròn nghĩa vụ với nhà nước : bán lúa nghĩa vụ được 15.575 kg và đóng thuế nông nghiệp về lúa 15.869kg và về cây màu 1.868kg. Nhưng đến năm 1978 lại bị bão, lũ lụt tiếp nên sản xuất trong xã thu hoạch không được bao nhiêu. Và đến năm 1979, không chỉ có Sông Nhon mà còn các xã ở ven thung lũng sông La Ngà đồng bao đều bị cảnh đói và sản xuất bị sâu rầy phá hoại. Sau mùa lụt, Đảng ủy và chính quyền xã chỉ đạo vừa khắc phục hậu quả, trồng các cây ngắn ngày

nhằm giải quyết phân nào nạn thiếu đói, mặt khác đẩy mạnh sản xuất cho kịp thời vụ và đưa cây cao lương vào trồng trong xã. Đến 6 tháng đầu năm 1981, diện tích canh tác trong xã đã tăng 964,31 ha, trong đó đất trồng lúa 854,21 ha, còn lại là diện tích trồng màu. Trên đà đó, Đảng ủy và chính quyền dự kiến đưa tổng diện tích gieo trồng trong xã lên 1.267,07 ha trong năm 1985. Trong đó diện tích trồng lúa 895 ha, diện tích trồng màu 201,77 ha, diện tích trồng cây công nghiệp 154,20 ha và 36 ha trồng cây thực phẩm. Kết quả trong năm 1985 đã thu được 3.029 tấn lương thực so với 3.200 tấn kế hoạch nhà nước giao. Đồng thời vụ thu thắng lợi, nhân dân nộp thuế nông nghiệp vượt chỉ tiêu, đã được Bộ Nông nghiệp công nhận là đơn vị khá trong cả nước.

Nhìn lại quá trình từ khai hoang phục hóa đưa diện tích sản xuất ngày một tăng lên, trong lúc cây lúa chiếm diện tích đất lớn. Từ đó, chúng ta khẳng định thế mạnh của Sùng Nhơn là nông nghiệp. Trong đó, lúa thể hiện được thế mạnh của vùng đất màu mỡ mà bao năm chiến tranh đã bỏ hoang.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, nghề chăn nuôi dần được phát triển. Trong chăn nuôi gia cầm tương đối mạnh và gia súc cũng từng bước đi lên. Đến năm 1978, tổng đàn gia súc gia cầm trong toàn xã có 10.147 con, gia súc có 220 con trâu thì có 142 con là lực cày kéo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và 1.148 con heo. Trong chăn nuôi, hợp tác xã nông nghiệp thôn hai bước đầu lập trại nuôi heo tập thể được 30 con heo các loại. Sau đó hợp tác xã thôn I cũng tiến hành lập trại chăn

nuôi tập thể. Đến năm 1981, chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng có những thay đổi, trại chăn nuôi tập thể của hợp tác xã I chuyển sang chăn nuôi gia công, còn hợp tác xã II vẫn duy trì. Đàn trâu trong xã từ 220 con trong năm 1978, nay đã tăng lên 260 con và đến 1985 đã có 399 con. Đàn bò nuôi tập thể có 52 con và trong các hộ xã viên nuôi 31 con. Nhưng đàn heo trong hộ xã viên giảm sút do giá thức ăn tăng, giá thu mua thấp.

Bên cạnh sản xuất và chăn nuôi, nghề thủ công nghiệp cũng hình thành nhằm tăng thu nhập cho xã viên và hậu thuẫn cho sản xuất nông nghiệp, phát triển xây dựng cơ sở cho địa phương, Trong hai năm 1977, 1978, nghề cửa xẻ gỗ đã sản xuất được  $6.402\text{m}^2$  gỗ ván, tiền công thu được 11.903 đồng (tiền thời điểm trước năm 1985). Thợ mộc, thợ xây thu được số tiền 9.484 đồng. Còn các ngành nghề khác, như thợ rèn thu được 3.345 đồng, thợ sửa xe đạp thu 498 đồng, thợ may thu được 597 đồng và tổ kéo xe trâu thu được 977 đồng... Số xã viên làm các nghề tiểu thủ công nghiệp đó nộp tiền vào hợp tác xã và được tính công điểm theo sản xuất nông nghiệp. Nhân dân sửa chữa, làm các vận dụng trả tiền công theo quy định của hợp tác xã. Đồng thời, với điều kiện đất đai, chất đất khá dồi dào, xã thành lập 2 lò sản xuất gạch ngói. Đến năm 1981, đã sản xuất được 35.562 viên ngói và 21.980 viên gạch, thu về cho Hợp tác xã trị giá 17.734 đồng. Ngoài ra, còn có 2 hộ chẻ ép mía làm đường và 2 máy xay xát gạo ở hai hợp tác xã. Đến năm 1984, 1985 tình hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp có nhiều non yếu, mà nhu cầu phục vụ sản



xuất và đời sống cũng như xây dựng cơ bản ngày càng tăng. Nhưng việc tổ chức quản lý các hoạt động của ngành này cũng chưa chặt chẽ, thiếu nguyên, vật liệu đã làm cho sản xuất gặp khó khăn.

Về công tác thủy lợi phục vụ sản xuất cũng được chú ý. Sùng Nhơn là vùng trũng, sản xuất chịu ảnh hưởng của nước sông La Ngà và các con suối trong xã. Từ trước 1975, chưa có hệ thống thủy lợi tưới tiêu cho các cánh đồng vùng này. Sau 1975, nhất là từ khi hình thành hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, công tác thủy lợi đã được sự chỉ đạo chặt chẽ của huyện, của tỉnh. Ngoài lực lượng lao động đi tham gia làm các công trình thủy lợi của huyện, từ năm 1977 đến 1979 xã đã triển khai đắp các đập nhỏ, ngăn các suối lấy nước tưới cho vụ lúa Đông Xuân. Đến năm 1977 đập Chu Lu, suối Cạn đã phát huy hiệu quả tưới nước cho 50 ha lúa. Và từ đây, các kênh mương nội đồng đã dẫn nước đến các cánh đồng trong xã. Năm 1984, đập suối Cạn xây dựng lại kiên cố đã giải quyết được nước tưới hỗ trợ cho diện tích lúa Hè Thu và lúa mùa sớm và hoàn thiện một bước kênh nội đồng, sử dụng hết các nguồn nước phục vụ sản xuất.

Về ngành lâm nghiệp cũng là thế mạnh của xã, năm 1979 diện tích rừng có 6.850 ha. Tuy nhiên từ sau năm 1975 đến 1982, rừng khai thác không theo kế hoạch, rừng bị cháy và bị chặt phá nhiều, làm cho nhiều vùng rừng trở thành đồi đất trọc. Từ năm 1982 ta đã giao đất, giao rừng cho 2 hợp tác xã quản lý nhằm bảo quản nuôi dưỡng rừng. Song, lực lượng lao động trong ngành lâm

nghiệp chưa hợp lý về số lượng và chưa có chuyên môn kỹ thuật về khai thác, nuôi trồng bảo vệ rừng nên rừng còn bị khai thác bừa bãi. Hàng năm ta còn phát động trồng rừng trong nhân dân, trong học sinh nhưng kết quả chưa cao.

Bên cạnh sản xuất các loại, công tác huy động lương thực, phân phối lưu thông và công tác thương nghiệp XHCN cũng từng bước xây dựng và phát triển. Công tác huy động lương thực, phân phối lưu thông là một nhiệm vụ rất quan trọng nhằm nhà nước độc quyền lúa gạo điều tiết cho nhân dân và góp phần xây dựng đất nước. Tuy từ 1977 đến 1979 sản xuất gặp nhiều khó khăn do lũ lụt gây ra. Trong đó, năm 1978 bị thiệt hại nặng nhất và năm 1979 đã có nhiều gia đình bị đói. Nhưng Đảng bộ xã đã lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này đối với nhà nước. Trong năm 1979, tuy mức thu nhập bình quân nhân khẩu mới đạt 129kg chỉ đủ ăn trong 6 tháng, xã vẫn đóng thuế đầy đủ, thực hiện mua bán hợp đồng hai chiều<sup>(1)</sup>, trả nợ cho Nhà nước, bán thóc dư với giá cao đã nhập kho được 177.536kg. Đến 1980, số lượng nhập kho lên 192,257 tấn. Năm 1981 giao nộp 444.470 tấn và 1983 là 526.843 tấn. Như vậy mức giao nộp cho Nhà nước nhiều năm xã đạt và vượt chỉ tiêu trên giao nên đã được tỉnh, huyện cấp giấy khen.

Trên con đường làm ăn tập thể và kinh doanh theo phương thức sản xuất XHCN, hợp tác xã mua bán là lực

---

(1) Hợp đồng hai chiều : xã viên bán lúa ngoài nghĩa vụ cho Nhà nước, Nhà nước bán hàng tiêu dùng ngoài tiêu chuẩn bán phân phối cho xã viên.

lượng thực sự hỗ trợ cho phong trào sản xuất của hợp tác xã nông nghiệp. Từ khi huyện thành lập cửa hàng mua bán ở Mê Pu cung cấp cho các xã ở Bắc sông. Tiếp đó các xã hình thành các hợp tác xã mua bán ở địa phương nhằm cung ứng hàng hóa cho đời sống nhân dân. Các hợp tác xã này vừa có nguồn vốn từ Phòng thương nghiệp huyện cấp, vừa có cổ phần của xã viên đóng góp và vốn tích lũy được trong quá trình kinh doanh. Hợp tác xã mua bán Sùng Nhơn hình thành từ 1976 với số xã viên 722, đến 1978 đã nâng lên 2.008 người và tổng số cổ phần là 2.137 với tổng số tiền cổ phần 11.982đ30. Số tiền tích lũy được trong thời gian qua được 2.080 đ. Với số vốn đó, trong năm 1978 hợp tác xã mua bán đã phát triển khá, doanh số mua vào 154.635 đồng và doanh số bán ra 154.590 đồng. Đến năm 1979, 1980 ngoài các hàng tiêu chuẩn cho nhân dân, hợp tác xã còn bán thêm các mặt hàng đại lý, hàng tự kinh doanh, hàng mua ủy thác, sau khi chi phí các khoản đã đưa số tiền thực lãi năm 1979 là 7.454đ24, năm 1980 số lãi là 4.297đ08 và đến 1982 cơ sở vật chất của ngành hợp tác xã mua bán xã đã có nhà ở cho nhân viên bán hàng, bao bì cho hàng hóa. Năm 1982 là năm có doanh số mua vào 1.050.000 đồng và bán ra 1.100.000 đồng và thực lãi 18.000 đồng so với các năm trước là có kết quả nhất. Từ năm 1984, 1985 hợp tác xã mua bán gặp nhiều khó khăn do hàng hóa khan hiếm, giá cả chênh lệch giữa quy định của Nhà nước và ngoài thị trường nên hoạt động rất khó khăn.

Đối với công tác văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục trong 10 năm qua (1975 - 1985) được Đảng ủy, chính quyền xã thực hiện đúng với chính sách của Đảng đề ra.

Công tác giáo dục, y tế được quan tâm hàng đầu. Từ năm 1975, ngành y tế xã đã được chú ý xây dựng và đào tạo nâng tay nghề chuyên môn cho cán bộ y tế xã. Qua nhiều lần củng cố sắp xếp, đến đầu năm 1978 y tế xã đã ổn định về tổ chức và cơ sở vật chất được bảo đảm. Các chính sách, chế độ đối với y tế được thực hiện tạo điều kiện cho anh chị em cán bộ y tế xã yên tâm công tác. Năm 1978, cán bộ y tế có 4 người, trong năm đã điều trị cho 121 người, trong đó 99 khỏi bệnh, đã tiêm phòng cho 1.854 người và đỡ đẻ 152 ca. Đến năm 1979 trạm y tế xã đã điều trị bệnh cho 224 người, có 185 khỏi bệnh và số người tiêm chủng là 17.834 người. Bên cạnh dùng thuốc tây, ta phát động nhân dân dùng thuốc nam và tuyên truyền phòng dịch bệnh, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Để bảo đảm hơn nữa công tác phòng chống bệnh, đầu năm 1980, mạng lưới y tế đã được bố trí đến các đội sản xuất và hợp tác xã. Đến năm 1982 đã vận động nhân dân đào được 986 giếng nước, đặt vòng sinh đẻ kế hoạch cho 40 chị em. Trong xã thực hiện tốt phong trào 3 công trình : cầu tiêu, ruộng tắm, giếng nước và phong trào 5 dứt điểm : ăn sạch, ở sạch, sinh đẻ có kế hoạch, phòng chữa bệnh của ngành y tế phát động. Việc chữa trị thuốc nam đã trở thành một việc làm bình thường như dùng thuốc tây y nên xã đã trồng được 1 sào cây thuốc nam để làm dược liệu cho y tế xã. Vào đầu năm 1984, 1985 công tác y tế xã cũng gặp chung khó khăn như các công tác khác. Trong đó thuốc chữa bệnh thiếu, cán bộ y tế xin nghỉ, xin chuyển nên thiếu cán bộ chuyên môn.

Về công tác giáo dục, cũng như ngành y tế sau 1975 đã được chú ý tổ chức về hệ thống trường lớp bảo đảm cho 3 ngành học : phổ thông, mẫu giáo và bổ túc văn hóa. Tại thôn 1, 2 đã ổn định các trường lớp bảo đảm cho con em tới trường. Năm học 1978 - 1979 2 hợp tác xã có 610 học sinh cấp 1, 2 với tổng số 16 lớp. Số học sinh phổ thông thi chuyển cấp, chuyển lớp đạt 96%. Còn thôn 3, 4 và 5 trong năm học này đã xây dựng được 3 ngôi trường cấp 1 cho 841 học sinh đến học và thôn 5 xây dựng được một ngôi nhà bán kiên cố cho giáo viên. Còn ngành học mẫu giáo, toàn xã có 300 cháu học trong 7 lớp mẫu giáo. Đối với bổ túc văn hóa là ngành học khó khăn nhất. Đối tượng học còn bị chi phối nhiều về công tác, sản xuất, đời sống và tuổi tác. Nhưng nhờ sự cố gắng của người đi học, quyết tâm chỉ đạo của Đảng ủy và sự kiên trì của giáo viên trong năm học này có 425 học viên từ lớp 1 đến lớp 5. Đến ngày 30-7-1978 trong 2 hợp tác xã nông nghiệp, nhân dân đã phổ cập lớp 2. Với thành tích đó, năm 1979 Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy khen cho xã Sùng Nhơn làm tốt công tác xóa nạn mù chữ. Năm 1980 xã được hỗ trợ kinh phí của huyện và Ban Kinh tế mới của tỉnh, đã tiến hành tu bổ lợp ngôi trường cấp II. Nhưng số lượng học sinh ngày một tăng lên nên xã xây dựng thêm phân hiệu cấp IB có 5 phòng học để bảo đảm cho 1.360 em học cấp I và cấp II có 461 em đủ lớp học tập. Còn phong trào bổ túc văn hóa có trở ngại do công tác, sản xuất nên số lượng người đi học giảm. Trong năm học 1983 - 1984 Đảng ủy chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất cho giáo viên như nhà ở, nơi làm việc, đồ dùng dạy học và làm lại văn phòng

của phiên hiệu trường A bị cháy trong năm 1983 vừa qua, nên năm học này vẫn bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất cho 1.580 em học sinh cấp I, II vào học. Năm học 1984 - 1985 tuy có khó khăn do tình hình khó khăn chung, các em học sinh vẫn học tập tốt.

Về công tác xã hội. Ngoài các công tác phúc lợi như chăm lo đời sống tinh thần vật chất cho nhân dân. Công tác chính sách xã hội được lãnh đạo xã quan tâm thực hiện. Các chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng đều được chính quyền xã thực hiện đầy đủ. Các đồng chí hưu trí, bộ đội phục viên về nghỉ tại xã đều được giúp đỡ tận tình. Hàng năm đến ngày 27-7 và các ngày lễ khác chính quyền, Đảng ủy xã đều tổ chức thăm các gia đình chính sách. Ngoài ra, xã cùng Ban chủ nhiệm 2 hợp tác xã và 3 ban thôn còn thực hiện vận động nhân dân "lá lành đùm lá rách" trong cơn hoạn nạn : cháy nhà, bệnh đau, ma chay v.v... Công tác chính sách xã hội luôn luôn được thực hiện và bổ sung thêm cho những người chưa được giải quyết. Như 1980, xã đề nghị trên xét thêm 4 gia đình được hưởng chính sách, đề nghị 46 gia đình được khen thưởng về có công với mạng. Cũng trong năm 1980, xã thành lập Hội chữ thập đỏ có 7 người trong Ban chấp hành, với 142 hội viên. Từ khi Hội chữ thập đỏ ra đời đã làm tốt công tác cứu tế xã hội như giúp đỡ gia đình bị cháy nhà, có người chết, các gia đình neo đơn, ủng hộ thanh niên đi nghĩa vụ quân sự... Hội còn phối hợp với y tế vận động nhân dân tiêm phòng, diệt trừ ruồi muỗi... Công tác xã hội trong xã thực hiện thường xuyên liên tục theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Về công tác an ninh quốc phòng luôn luôn được đặt lên hàng đầu. Sùng Nhơn có địa hình phức tạp nên có bảo đảm an ninh mới làm cho nhân dân yên ổn làm ăn xây dựng cuộc sống. Công tác an ninh trong thôn xóm như đăng ký tạm trú, tạm vắng, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng thường xuyên thực hiện. Đồng thời thực hiện xử lý các vụ gây rối trật tự an ninh thôn xóm, giáo dục, cải tạo các đối tượng hình sự, chống phá các âm mưu tuyên truyền chống chế độ. Vì vậy, lực lượng công an và lực lượng quân sự xã đã phối hợp trong hoạt động và thường xuyên truy quét bọn phản động trốn tránh ngoài rừng. Trong năm 1977, thực hiện chủ trương truy quét tàn quân địch của huyện, đồng chí Hiếm xã đội trưởng dẫn một tiểu đội du kích phối hợp với đơn vị H74 tấn công vào căn cứ của Phun-rô tại chân đồi 300, bắn bị thương một số tên và thu được danh sách tổ chức của chúng ở ba tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai, Thuận Hải. Nhờ đó, ba tỉnh phối hợp truy quét, bóc gỡ, truy bắt nhiều tên hoạt động ngầm, phá được âm mưu chống phá cách mạng của chúng. Trước tình hình đó, năm 1978, xã xây dựng các cộng tác viên công an thôn và lực lượng dân quân hình thành 1 tiểu đoàn gồm 5 đại đội ở thôn 5 để làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự thôn xóm. Đến năm 1980, xã thành lập 1 đại đội dân quân chiến đấu có 5 trung đội ở thôn 5 với quân số 101 đồng chí và 5 đại đội dân công phục vụ có 904 đồng chí. Năm 1983 - 1984, xã tổ chức lại lực lượng dân quân trong đó hình thành 1 đại đội dự bị loại I có thể điều động chiến đấu được ngay. Hàng năm dân quân xã tham gia Hội thao quốc phòng do huyện, tỉnh tổ chức đều đạt khá giỏi.

Bên cạnh công tác an ninh - quốc phòng thực hiện tại xã, công tác tuyển quân gọi thanh niên nhập ngũ ở xã Sùng Nhơn luôn là ngọn cờ đầu trong huyện. Phát huy truyền thống trong 10 năm chiến tranh giải phóng (1965 - 1975) xã Sùng Nhơn đã có hàng trăm thanh niên tự nguyện gia nhập lực lượng vũ trang trong các đơn vị địa phương xã, huyện, bộ đội tỉnh, bộ đội Khu. Sau 1975 công tác tuyển quân trong xã luôn vượt chỉ tiêu của huyện giao. Năm 1976 có 16 thanh niên nhập ngũ, đạt 114% và năm 1980 đạt 180%. Trong 10 năm (1975 - 1985) chỉ có năm 1979 giao quân đạt thấp 33,2% <sup>(1)</sup>, còn năm nào cũng vượt quy định của trên. Thực hiện được nhiệm vụ đó, do tự giác của thanh niên và gia đình còn có sự giáo dục tuyên truyền của Đảng, chính quyền xã. Với thành tích đó, năm 1982 xã được Hội đồng Bộ trưởng tặng thưởng Huân chương chiến công hạng III.

Song song với các công tác kinh tế - xã hội và sự nghiệp văn hóa giáo dục, công tác xây dựng đoàn thể cũng hình thành. Sau năm 1975, các đoàn thể trong Mặt trận giải phóng tiếp tục hoạt động trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc trong cả nước. Mặt trận Tổ quốc xã dưới sự chỉ đạo của Mặt trận huyện và cấp ủy xã. Trong 10 năm (1975 - 1985) các tổ chức Đoàn thanh niên, Nông hội, Phụ nữ ngày càng được củng cố về tổ chức và hoạt

---

(1) Năm 1979, số lượng thanh niên trúng tuyển cao hơn chỉ tiêu của huyện giao. Nhưng khi gọi nhập ngũ, thanh niên các thôn 3, 4, 5 và 6 được miễn do thực hiện chính sách kinh tế mới của Nhà nước, nên tỷ lệ đi thấp.



động. Về Đoàn thanh niên sau 1975 có 10 đoàn viên, đến năm 1978 có 57 đoàn viên. Năm 1979 có 90 đoàn viên và 1.022 thanh niên. Năm 1982 có 105 đoàn viên. Ngoài 2 chi đoàn ở thôn 1, 2 trong năm 1978 thành lập thêm 1 chi đoàn ghép của thôn 3, 4 và 5.

Về Đội thiếu niên tiên phong, năm 1978 có 1376 em trong toàn xã, đến năm 1979 có 1.480. Công tác Đoàn, công tác Đội cho đến 1985 vẫn phát triển. Trong chặng đường 10 năm (1975 - 1985) thanh niên đã đi đầu trong phong trào xây dựng hợp tác hóa, trong công tác thủy lợi, trong gia nhập quân đội, trong tổ chức dân quân v.v... và nhiều thanh niên phấn đấu trở thành đoàn viên, đảng viên là cán bộ chính quyền đoàn thể và hợp tác xã.

Về đoàn thể phụ nữ chiếm hơn một nửa dân cư và lực lượng lao động trong xã <sup>(1)</sup>. Hội phụ nữ xã trong năm 1978 có 937 hội viên (trong đó có 208 hội viên là nữ thanh niên). Hình thành một Ban chấp hành và 5 ban cán sự phụ nữ 5 thôn. Cũng như Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, Hội phụ nữ vừa lo đảm nhiệm việc nhà, vừa đi đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã, chăm lo tham gia công tác xã hội, công tác đoàn thể, tích cực đóng góp, vận động nhân dân làm nghĩa vụ lương thực cho nhà nước và động viên thanh niên đi nghĩa vụ, chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ.

(1) Năm 1978, dân số trong xã có 6.947 người, nữ chiếm 3.526 người. Tổng số lao động có 2.580 người, lao động nữ có 1.375 người. Tổng số phụ nữ tham gia trong tổ chức Hội là 1.434 người.

Với vùng đất sản xuất nông nghiệp là chính, ngay từ trong chiến tranh chống Mỹ đã thành lập các tổ sản xuất. Trên cơ sở đó, Hội Nông dân giải phóng xã đã hình thành. Sau 1975, trong giai đoạn xây dựng CNXH, Hội Nông dân tập thể có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Năm 1978 Ban chấp hành Hội Nông dân xã có 9 người và 5 ban cán sự ở 5 thôn để lãnh đạo 721 hội viên. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đã đi sâu vào giáo dục hội viên về cải tạo và xây dựng CNXH, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Hội Nông dân xã là động lực chính trong phong trào làm ăn tập thể, giáo dục hội viên đẩy mạnh sản xuất, tham gia các công tác xã hội, tích cực thực hiện các chính sách thuế nông nghiệp và đóng góp cho Nhà nước. Mặt khác, Hội cùng với hợp tác xã vận động xã viên làm tăng vụ, đưa giống mới vào sản xuất, phòng chống sâu rầy. Qua các năm, Hội Nông dân đều có tổng kết rút kinh nghiệm để lãnh đạo nông dân tập thể thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của trên.

Cơ sở của Hội là phong trào hợp tác hóa trong xã. Từ 2 tổ sản xuất của thôn 1, 2 có từ trước chiến tranh, đến cuối 1976 ta thành lập các tổ hợp tác lao động. Đến tháng 2-1977 đã hình thành 2 hợp tác xã nông nghiệp, có 28 đội gồm 357 hộ có 1701 lao động. Còn thôn 3, 4, 5 năm 1978 đang vận động để xây dựng tổ sản xuất và đến năm 1983 có 95% nông dân vào 23 tập đoàn sản xuất. Hợp tác xã đã thực hiện các chỉ tiêu sản xuất của Đảng bộ và chính quyền xã đề ra. Từ năm 1981 thực

hiện chỉ thị 100 về khoán sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp đã có tác dụng tốt trong sản xuất và hoạt động của xã. Các hợp tác xã lãnh đạo xã viên thực hiện tốt kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ II (1976 - 1980), lần thứ III (1981 - 1985).

Qua 10 năm (1975 - 1985) xây dựng quê hương đã có 95% nhân dân Sùng Nhơn bước vào làm ăn tập thể, tư liệu sản xuất là của chung, của xã hội. Công tác an ninh quốc phòng được giữ vững, nhiều lớp thanh niên lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ngày càng được củng cố và phát triển. Các chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục y tế ngày càng mở rộng. Tuy các năm 1977, 1978 và 1979 bị thiên tai mất mùa nhân dân xã Sùng Nhơn vẫn đẩy mạnh sản xuất, khai hoang phục hóa cho đến 1985, làm tốt nghĩa vụ cho Nhà nước. Hệ thống pháp chế XHCN được hình thành thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền xã quản lý và nhân dân làm chủ đã thực hiện tốt các chủ trương của trên. Đảng bộ không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng. Trong 10 năm ấy tuy có mặt hạn chế, nhưng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã vững vàng.

\*

\* \*

### III - THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, SÙNG NHƠN TIẾP TỤC ĐI LÊN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã mở ra thời kỳ đổi mới của công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội VI đã đề ra nhiệm vụ đổi mới toàn diện, trong đó nhấn mạnh đổi mới tư duy về kinh tế. Đến đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, công cuộc đổi mới càng hoàn thiện đi vào chiều sâu nhận thức và thực hiện đổi mới một cách toàn diện hơn về các mặt kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và chính sách xã hội, về công tác quốc phòng và an ninh, thực hiện dân chủ hóa XHCN, đổi mới hoạt động của Nhà nước và các đoàn thể, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng. Đổi mới trong chính sách đối ngoại với quan điểm : "Việt Nam là bạn với tất cả các nước". Mục đích đổi mới ấy làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Đổi mới nhưng vẫn bảo đảm dân tộc độc lập và đi theo con đường Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Ánh sáng đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI, VII của Đảng đã chỉ rõ con đường đi cho các cơ sở Đảng. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ cấp trên, ngày 6 tháng 9 năm 1986, Đại hội Đảng bộ Sùng Nhơn lần thứ IV đã khai mạc. Đây là đại hội mở đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ở Sùng Nhơn. Với đảng số có 37 đảng viên, Đại hội bầu cấp ủy mới có 7 đồng chí : Đồng chí Lê Văn Năm, Phan Thanh Tiến, Nguyễn Tường Thế, Nguyễn Công Thành, Lê Thị Mai Sương, Huỳnh Văn Thiên và Phạm Thế Sơn. Đồng chí Lê Văn Năm được

bầu làm bí thư, đồng chí Phan Thanh Tiến, làm phó bí thư. Đến ngày 11 tháng 01 năm 1989, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ V đã diễn ra. Đảng bộ có 41 đảng viên, đã bầu Ban chấp hành có các đồng chí Lê Văn Năm, Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Lộc, Nguyễn Tường Thế, Nguyễn Công Thành, Huỳnh Văn Thiên, Hoàng Xuân Lai và Lê Thị Mai Sương. Đồng chí Lê Văn Năm tiếp tục được bầu làm bí thư, đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh và Nguyễn Lộc làm phó bí thư Đảng bộ. Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VI được tiến hành trong 2 vòng, vòng I vào ngày 22 tháng 3 năm 1991 và vòng II vào ngày 20 tháng 9 năm 1991. Đảng viên trong Đảng bộ có 43 đồng chí, đã bầu Ban chấp hành có 9 ủy viên : đồng chí Lê Văn Năm, Nguyễn Lộc, Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Công Thành, Nguyễn Tường Thế, Hoàng Xuân Lai, Huỳnh Văn Thiên, Nguyễn Việt Kỳ, Võ Thị Sáu. Đồng chí Lê Văn Năm được bầu làm bí thư, đồng chí Nguyễn Lộc và Nguyễn Ngọc Thanh làm phó bí thư Đảng bộ. Và Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VII đã diễn ra trong ngày 20 tháng 12 năm 1993. Đảng bộ có 44 đảng viên, đã bầu ra Ban chấp hành có 9 đồng chí gồm : Đồng chí Lê Văn Năm, Nguyễn Lộc, Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Tường Thế, Nguyễn Công Thành, Huỳnh Văn Thiên, Hoàng Xuân Lai, Nguyễn Văn Thành và Hà Thúc Vinh. Đồng chí Lê Văn Năm tiếp tục được bầu làm bí thư, đồng chí Nguyễn Lộc, Nguyễn Ngọc Thanh làm phó bí thư Đảng ủy. Các kỳ đại hội đã kiểm điểm đánh giá những thành tựu trong công cuộc đổi mới ở xã và đề ra phương hướng tiếp theo của nhiệm kỳ mới nhằm thực hiện tốt hơn đường lối của Đảng.

Về công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới đòi hỏi Đảng bộ không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực mới nắm bắt, lãnh đạo được trong nhiệm vụ nặng nề này. Vì vậy, trong nhiệm kỳ 1986 - 1988, toàn Đảng bộ có 37 đảng viên (trong đó có 8 nữ). Sau đó 4 đồng chí chuyển đi nơi khác, 1 bỏ sinh hoạt và 1 xin ra khỏi Đảng. Như vậy đến cuối nhiệm kỳ, Đảng bộ còn 31 đảng viên. Trong đó 2/3 đảng viên là cán bộ hưu trí, mất sức. Đảng viên trẻ được trưởng thành sau ngày giải phóng chiếm 1/3. Trình độ văn hóa từ cấp II trở lên có 17 đồng chí, còn lại là trình độ cấp I. Trình độ lý luận chính trị trung cấp chỉ có 2 đồng chí, còn lại là trình độ lý luận cơ sở và sơ cấp. Chính những vấn đề đó có khó khăn về nhận thức và thực hiện trong công cuộc đổi mới ở địa phương. Vì vậy, việc coi trọng chính đốn Đảng và phát triển Đảng theo chỉ thị 01 của Bộ chính trị; Nghị quyết 5 của Ban chấp hành Trung ương (khóa 6), chỉ thị 07 của Thường vụ Tỉnh ủy đã được Đảng ủy xã triển khai thực hiện. Một mặt Đảng bộ cử nhiều đảng viên đi học chính trị, nghiệp vụ để nâng cao nhận thức và kinh nghiệm lãnh đạo, đồng thời cũng chăm lo công tác phát triển đảng viên mới. Nên đến kỳ Đại hội Đảng bộ xã lần VI đảng số đã lên 43 đồng chí (2 dự bị) đã thành lập thêm 1 chi bộ, gồm 6 tổ Đảng. Trong nhiệm kỳ này tiếp tục thực hiện nghị quyết 5 của Ban chấp hành Trung ương về xây dựng Đảng và theo hướng dẫn của tỉnh, huyện tiếp tục thực hiện kiểm tra đảng viên thường kỳ, 100% đảng viên được kiểm tra đều đủ tư cách. Đã phân công công tác cho 18 đảng viên đảm nhiệm các chức danh từ xã đến hợp tác xã, 9 đảng viên được phân công làm

công tác đoàn thể. Chỉ có 2 đồng chí già yếu miễn phân công tác. Đến Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VII đảng số có 44 đồng chí (7 đồng chí nữ) sinh hoạt trong 3 chi bộ. Tiếp tục thực hiện nghị quyết Trung ương 03 (khóa VII) và hướng dẫn của tỉnh, huyện về công tác xây dựng Đảng. Qua các lần chỉnh đốn Đảng đều lấy ý kiến đóng góp của quần chúng cho Đảng. Mặt khác, Đảng bộ còn tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của trên, phổ biến thời sự trong nước và quốc tế cho đảng viên. Qua các lần học tập đó đã xác định thêm vai trò trách nhiệm của đảng viên trong tình hình mới. Đồng thời Đảng bộ có dự kiến quy hoạch cán bộ đến năm 2000 và tiếp tục gửi cán bộ đảng viên đi học lý luận chương trình trung cấp, quản lý Nhà nước. Đảng bộ không những xây dựng đội ngũ trong Đảng mà cả đội ngũ giữ vai trò chủ chốt trong các ngành các giới, đoàn thể trong xã. Đồng thời chú ý, chăm sóc bồi dưỡng lớp trẻ để kết nạp vào Đảng, làm cho Đảng bộ ngày càng vững vàng về tư tưởng, mạnh về tổ chức.

Còn công tác xây dựng chính quyền trong công cuộc đổi mới tiếp tục thực hiện dân chủ hơn. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân khóa V vào ngày 20 tháng 4 năm 1987, đã bầu Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Phan Thanh Tiến làm chủ tịch, đồng chí Phan Trung Hồng làm phó chủ tịch, đồng chí Nguyễn Tường Thế ủy viên thư ký, đồng chí Nguyễn Công Thành phụ trách công an, đồng chí Đỗ Phó phụ trách lao động - xã hội, đồng chí Nguyễn Âm phụ trách nông nghiệp. Đến tháng 6 năm 1987, đồng chí Phan Văn Tiến chuyển về nông trường Đa Kai, đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh được bổ sung làm phó bí thư, kiêm

chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Đến kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa VI vào ngày 19 tháng 11 năm 1989, đã bầu cử Ủy ban nhân dân xã do đồng chí Nguyễn Lộc làm chủ tịch, đồng chí Phan Trung Hồng làm phó chủ tịch, đồng chí Trần Xuân Thường làm phó chủ tịch, đồng chí Nguyễn Trung Thành làm trưởng ban công an xã, đồng chí Hà Thúc Vinh làm xã đội trưởng, đồng chí Hoàng Thu ủy viên tư pháp và đồng chí Nguyễn Phước Tường ủy viên ngân sách xã. Hiện nay (tháng 10-1994) nhân dân trong xã đang chuẩn bị bầu cử 25 đại biểu Hội đồng nhân dân khóa VII vào ngày 20 tháng 11 năm 1994.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân và các thành viên Ủy ban đã thực hiện được nhiệm vụ quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý các ngành, quản lý xã hội trong thời kỳ đổi mới. Các ủy viên Hội đồng nhân dân phát huy được hiệu lực cơ quan dân cử, thu thập ý kiến của cử tri đóng góp ý kiến để đề đạt lên trên. Đồng thời trong nhiệm kỳ 1986 - 1988, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đã bãi miễn, kỷ luật một số ủy viên trong Ủy ban nhân dân có sai trái, vi phạm phẩm chất người cán bộ cách mạng. Đến năm 1990 tách một phần lãnh thổ giáp tỉnh Đồng Nai lập thành xã Đa Kai, Hội đồng nhân dân xã được bầu bổ sung thêm một số thành viên. Nhìn chung công tác chính quyền, Hội đồng nhân dân đã được bổ sung lớp cán bộ trẻ có sức khỏe và năng lực vào gánh vác nhiệm vụ trong giai đoạn đổi mới.

Sùng Nhơn trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới, trong tình hình thế giới, các nước Đông Âu và Liên Xô có ảnh hưởng đến tâm tư suy nghĩ của nhiều



người dân và cán bộ đảng viên. Trong khi đó, bọn phản động quốc tế và trong nước tiếp tục đánh phá ta về nhiều mặt gây không ít khó khăn cho chúng ta. Tuy nhiên, tin tưởng vào sự dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân Sùng Nhơn cùng nhân dân cả nước thực hiện bước đầu công cuộc đổi mới thu nhiều thắng lợi.

Trên lĩnh vực sản xuất, ngay từ Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ xã đã đi vào củng cố 4 hợp tác và tập đoàn sản xuất thôn 6. Các hợp tác xã cùng đi vào quy hoạch diện tích sản xuất, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, sắp xếp lại lao động. Năm 1987 theo chỉ đạo của huyện, xã chuyển Hợp tác xã 5 và Tập đoàn sản xuất 6 nhập vào nông trường cà phê (Đa Kai), ở xã chỉ còn 3 hợp tác xã và tập đoàn sản xuất 4. Tuy lực lượng lao động có giảm, Đảng ủy xã vẫn quyết tâm thực hiện đẩy mạnh sản xuất và coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng : Lương thực, thực phẩm - hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trong việc thực hiện Nghị quyết 100 về giao đất cho xã viên sản xuất, trong đó tập thể lo thuốc trừ sâu, phân bón, sức kéo, thủy lợi, còn xã viên lo cấy, chăm sóc, thu hoạch đã có một số kết quả, song cũng có mặt chưa hợp lý. Từ thực tiễn đó, Bộ Chính trị đã ra nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp. Các hợp tác xã tiến hành giao khoán cho hộ xã viên theo đơn giá thanh toán gọn bảo đảm mức thu nhập cho xã viên từ 45 - 50%. Chủ trương đúng đắn đã có tác động tốt, kích thích sản xuất phát triển. xã viên nhận hết diện tích canh tác 1.032 ha là mức cao nhất từ trước đến nay.

Đã đưa diện tích Hè Thu vào sản xuất 404 ha, diện tích vụ mùa và Đông Xuân 680, 37 ha, diện tích cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày 146,27 ha. Trong đó, hợp tác xã đã đưa từ 80 đến 90% diện tích vụ mùa lên gối vụ. Qua 3 năm thực hiện khoán 10 đã đạt những kết quả đáng kể, đến năm 1990 diện tích gieo trồng toàn xã đã lên 1.418,5 ha, đưa tổng sản lượng lương thực đạt 3.588 tấn (trong đó lúa 3.255 tấn, màu quy thóc 245 tấn). Diện tích cây công nghiệp, cây thực phẩm cũng tăng hơn những năm trước. Đến đại hội Đảng bộ xã lần thứ VII đã đánh giá tác dụng khoán 10 lấy hộ xã viên làm đơn vị tự chủ trong sản xuất nên những năm qua không những sản xuất trên diện tích đã có mà còn tiếp tục khai hoang phục hóa, tăng vụ để mở rộng diện tích sản xuất. Chính quyền xã đã lập hồ sơ xét đề nghị cấp cho 633 hộ được quyền sử dụng đất theo luật đất đai của Quốc hội đã ban hành. Hợp tác xã vẫn duy trì quản lý sản xuất chung trong xã, hướng dẫn thời vụ, phòng trừ dịch bệnh và bảo đảm giao thông - thủy lợi hỗ trợ đầu tư vốn cho xã viên. Đến năm 1993 diện tích gieo trồng đã lên 1.778 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 4.385 tấn, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch là đạt 3.850 tấn lương thực quy thóc). Đưa mức thu nhập bình quân 660kg thóc một năm. Cây màu không phát triển do giá cả thấp. Còn về cây công nghiệp, trong đó cây điều phát triển khá đạt 187,5 ha (năm 1991, cây điều chỉ có 129 ha). Từ 1986 đến nay, ngành trồng trọt trong xã phát triển cả diện tích và sản lượng thu nhập, đời sống xã viên khá hơn. Đảng ủy quyết tâm trong năm 1994 - 1995 nâng mức

tăng trưởng kinh tế phần đầu tổng sản lượng lương thực quy thóc 5.200 tấn, bình quân 710kg đầu người trong một năm và cây công nghiệp trồng 300 ha.

Cùng với sản xuất, ngành chăn nuôi trong xã cũng được duy trì. Trong năm 1988 tổng đàn gia súc có 1.162 con, trong đó 384 con trâu, 113 con bò và 665 con heo, còn lại là gia cầm. Đến năm 1990, việc chăn nuôi có thay đổi phương thức như giao khoán cho xã viên, đã đưa đàn trâu lên 504 con, riêng đàn bò do không phù hợp với vùng đất này nên đến nay chỉ có 35 con, đàn heo tăng lên 1.137 con và các loại gia cầm có tăng. Với phương thức mới đã đưa tổng đàn trâu năm 1993 lên 597 con, đàn bò có nhích lên 69 con, đàn heo tăng lên 2.100 con. Trên cơ sở đó, dự kiến trong 1994 - 1995 đàn trâu đạt 650 con, đưa đàn bò lên 200 con và heo 3.000 con.

Về tiểu thủ công nghiệp, đến năm 1988 nghề làm gạch ngói, xe trâu, xay xát vẫn là hình thức tập thể nhưng đạt kế hoạch thấp (gạch đạt 42.000 viên so với kế hoạch mới đạt 13%). Còn nghề mộc, cưa, rèn không còn duy trì làm ăn tập thể, đã chuyển về hoạt động tư nhân. Trong các năm 1989 - 1993 chỉ có nghề làm ngói, gạch vẫn duy trì được, nhưng chuyển qua tư nhân hợp đồng với hợp tác xã để sản xuất. Từ 1993 - 1994, ngành nghề được củng cố lại đã có bước phát triển khá. Các nghề gạch ngói, xay xát, mộc gia dụng, sản xuất nước đá và phương tiện máy kéo, xe cải tiến đã phục vụ nhu cầu cho nhân dân trong xã nâng giá trị sản xuất đạt 546 triệu đồng. Đồng thời củng cố lại lĩnh vực thương nghiệp - dịch vụ theo hình thức kinh doanh đã khá hơn trước. Có

bước phát triển trong công tác này là nhờ thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng, nên nhiều người bỏ vốn vào sản xuất. Tuy nhiên, lực lượng lao động trong ngành tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ chỉ mới chiếm 6% so với lao động toàn xã.

Để phục vụ sản xuất và đời sống, công tác giao thông - thủy lợi luôn luôn là nhiệm vụ được Đảng ủy xã coi trọng. Trong 1986 - 1988 đã củng cố 34 cái Võ khố thời vụ <sup>(1)</sup> đã huy động 5021 ngày công để đào đắp 416m<sup>3</sup> bờ bao ngăn lũ cho lúa hè thu và vụ mùa. Ngoài ra đào thêm kênh mới và nạo vét kênh mương nội đồng và huy động nhân công tham gia đắp kênh H74 của huyện. Hàng năm công tác làm thủy lợi vẫn được duy trì. Năm 1990, ta tu sửa thêm đập Suối Cạn, Chu Lu. Về giao thông hàng năm cũng được củng cố tu bổ. Trong năm 1993, xã đã rải sỏi 3km đường chính trong xã và làm mới 15 cống thoát nước cho các thôn xóm để tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho nhân dân.

Song song với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp cũng là một thế mạnh của xã. Từ 1986 hợp tác xã đã tổ chức bảo vệ rừng và ngăn chặn những vụ khai thác rừng trái phép, phòng hỏa lúc mùa khô để bảo vệ rừng. Nhưng do địa hình rừng trong xã khá phức tạp giáp ranh với các tỉnh bạn và phân nhiều cấp quản lý rừng như hiện nay nên khó khăn trong việc kiểm soát, việc phá

---

(1) Võ khố là đập nhỏ để giữ nước trong các mương thủy lợi có độ cao khác nhau.

rừng còn diễn ra, nó cũng là tình trạng chung trong huyện, trong tỉnh chưa khắc phục được.

Về công tác chính sách xã hội - văn hóa giáo dục và y tế trong những năm qua, xã tiếp tục thực hiện trong tình hình đổi mới. Công tác thông tin - văn hóa thường xuyên có 5 cụm tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, Chính phủ với hình thức phát thanh và tuyên truyền bằng các cụm pano, bằng các khẩu hiệu chiến lược. Trong văn hóa - văn nghệ, nhân dịp các ngày lễ lớn, xã, nhà trường cùng các đoàn thể tổ chức nhiều buổi biểu diễn văn nghệ quần chúng. Trong giáo dục, xã đã đầu tư 60% ngân sách và nhân dân cùng đóng góp hàng năm đã xây dựng trong năm 1986 - 1988 được 11 phòng học phổ thông, 3 phòng học mẫu giáo và một văn phòng nhà trường. Đến năm học 1992 - 1993 đã thu nhận 966 em cấp I, 187 em cấp II và 270 cháu mẫu giáo vào học. Nhìn chung trường học đã khang trang ổn định hơn trước. Công tác y tế - Hội chữ thập đỏ đã đi sâu vào chăm sóc, bồi dưỡng sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác phòng chống bệnh, công tác sinh đẻ có kế hoạch đã được đẩy mạnh và luôn luôn là xã đi đầu của công tác này. Trong năm 1992 - 1993 tỷ lệ sinh đẻ 2,2%, năm 1994 - 1995 phấn đấu xuống 2%. Y tế xã lập một tủ thuốc tại chợ để phục vụ cho nhân dân. Về chính sách xã hội là một công việc thường xuyên, xã đã thăm hỏi, chăm lo cho các đối tượng chính sách. Đồng thời, tiếp tục thực hiện khen thưởng 3 chính sách cho các gia đình và người có công với cách mạng.

Về công tác an ninh - quốc phòng trong thời kỳ đổi mới rất quan trọng. Muốn công cuộc đổi mới thành công, công tác an ninh quốc phòng phải luôn luôn bảo đảm cho đời sống chính trị, xã hội hoạt động trong điều kiện hòa bình. Chính vì vậy, ngoài việc xây dựng củng cố lực lượng dân quân và thường xuyên huấn luyện học tập quân sự, chính trị. Đảng ủy thường xuyên tổ chức cho quần chúng học tập luật nghĩa vụ quân sự và có tư thế sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương khi có tình huống xấu xảy ra. Thực hiện tốt cuộc diễn tập quân sự theo KH92 trên quy mô toàn tỉnh. Về an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, đã thường xuyên tuyên truyền quán triệt chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng và mở nhiều đợt tấn công tội phạm. Công an xã đã giải quyết nhiều vụ trộm cắp, cờ bạc, gây rối trong xóm. Xử lý 3 vụ hoạt động tôn giáo trái phép trong năm 1992 - 1993. Làm tốt công tác an ninh trật tự là do công an đã dựa vào dân và qua nhân dân đấu tranh với những sai trái của người vi phạm. Công tác tuyển quân các năm vẫn giữ ngọn cờ đầu trong huyện. Việc thực hiện tốt tuyển quân nhập ngũ là do hoạt động tuyên truyền vận động của đoàn thể, của hợp tác xã và cũng do chính quyền địa phương làm tốt công tác hậu phương quân đội.

Về công tác Mặt trận trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng cũng rất khó khăn phức tạp. Các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nông hội, hội cựu chiến binh hoạt động trong tình hình thế giới và kinh tế thị trường có nhiều tác động. Tuy vậy, việc tập hợp xây dựng từng giới đoàn thể và tuyên truyền vận động hội viên

thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng đều được thực hiện. Trong phong trào ủng hộ Trường Sa, phụ nữ đã đóng vai trò chính trong việc vận động nhân dân. Ngoài ra, ta còn vận động nhân dân đóng góp quỹ bảo trợ xã hội, giúp đỡ những gia đình khó khăn, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, quỹ bảo thọ v.v... Riêng trong sinh hoạt, tổ chức Đoàn thanh niên có khó khăn.

Có thể nói 9 năm bước vào công cuộc đổi mới, Đảng bộ xã đã từng bước khắc phục khó khăn, tìm tòi học hỏi và tự vươn lên đảm nhận sứ mệnh của Đảng và nhân dân giao phó.

## V

### SÙNG NHƠN, TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG 30 NĂM ĐẤU TRANH VÀ XÂY DỰNG

(11-1964 - 11-1994)

Sùng Nhơn, một xã nằm ở thung lũng sông La Ngà thuộc huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Một vùng quê hình thành từ âm mưu cưỡng ép dân từ Quảng Nam - Đà Nẵng di cư vào đây. Và trong quá trình hình thành và phát triển ấy, đã có nhiều người dân từ các tỉnh bạn, huyện bạn về đây sinh sống dựng xây nên Sùng Nhơn ngày hôm nay.

Trên chặng đường 30 năm qua, nhân dân Sùng Nhơn đã trải qua không biết bao nhiêu khó khăn, gian khổ, cay đắng và vinh quang. Từ một vùng đất hoang dã, Mỹ Diệm lập nên khu dinh điền Sùng Nhơn I, Sùng Nhơn II. Những người con đất Quảng với bàn tay lao động cần cù, khối óc đầy sáng tạo và mang trong mình tinh thần cách mạng, ý thức độc lập, tự do. Những năm tháng đầu Đảng chưa chấp nối được ở vùng đất xa xôi này, cuộc sống của người dân phải chịu cảnh "cá chậu,



chim lông" dưới chế độ của Mỹ - Ngụy. Phong trào đồng khởi miền Nam, như luồng gió mới đã đến nơi đây. Nhân dân trong xã đã đứng lên phối hợp với cách mạng giải phóng quê hương. Từ cuối 1964 nhân dân Sùng Nhơn đã đứng lên làm chủ, một vùng quê mới được giải phóng. Nhân dân xây dựng chính quyền tự quản, đoàn thể cách mạng... nhằm tiếp tục góp phần thắng lợi cho công cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Niềm vui chưa được trọn vẹn, cuối 1965 Mỹ - Ngụy thực hiện âm mưu càn quét, đánh phá Sùng Nhơn, có tính chất hủy diệt, nhằm dồn dân về vùng chúng kiểm soát. Cuộc chiến đấu không cân sức giữa dân quân, bộ đội với 8.000 quân chính quy của Mỹ - Ngụy, có pháo binh, máy bay yểm trợ, chúng đã dồn hầu hết số dân về Nam sông. Với cảnh "tan đàn xẻ nghé" ấy lòng người dân đau thắt, dù họ phải chịu cảnh chia ly, nhưng tâm hồn, tư tưởng nhiều người vẫn tin vào sự thắng lợi của cách mạng. Với số dân chưa đầy 100 người trong xã Sùng Nhơn I và II bám trụ lại vùng đất cũ suốt trong chặng đường 10 năm (1965 - 1975) đây khối lửa của chiến tranh. Cuộc sống của họ thiếu ăn, thiếu mặc, bệnh tật thiếu thuốc men và phải len lỏi trong núi, dưới các hốc cây, hang đá. Và kẻ thù luôn tìm mọi cách để tiêu diệt những con người bám trụ này bằng bom pháo, súng đạn và cả thuốc độc hóa học. Nhưng chúng không đạt được như ý muốn, mỗi lần đưa quân đi càn quét đều bị du kích, bộ đội chặn đánh ; chúng dùng máy bay bắn phá bị ta bắn rơi ; chúng rải thuốc độc thì dân tránh lánh và khắc phục bằng cách trồng cây lương thực xen lẫn trong rừng

để có cái ăn. Mặc cho kẻ thù tàn phá, những người dân ở đây từ người lớn đến trẻ em đều kiên trung, kiên cường bám trụ, không chỉ tăng gia sản xuất để tự nuôi sống mình, nuôi dưỡng thương binh và ủng hộ bộ đội mà còn tham gia các công tác cách mạng như vót chông bố phòng, đi dân công và thoát ly tham gia cách mạng. Trong điều kiện ác liệt đó, qua thử thách của cuộc chiến tranh, 4 người con ưu tú của quê hương Sùng Nhơn được kết nạp vào Đảng và hình thành nên chi bộ đầu tiên. Hạt nhân này đóng góp vào sự lãnh đạo của Đảng ở địa phương giành thắng lợi. Cũng trong bom đạn chiến tranh, quê hương Sùng Nhơn đã hình thành 2 tổ sản xuất tập thể. Với hình thức sản xuất tập thể ấy, nhân dân đã hỗ trợ lẫn nhau trong lúc khó khăn, bảo đảm được lương thực cho vùng căn cứ.

Ở vùng tạm bị chiếm, nhiều người dân Sùng Nhơn bị dồn về đây vẫn hướng về cách mạng, về bà con vùng căn cứ. Nhiều người tìm cách trở về đất cũ, có người ủng hộ giúp đỡ cách mạng. Khi đội công tác K.12 hình thành hoạt động đã là cầu nối giữa lòng yêu nước của nhân dân với cách mạng. Nhiều người làm cơ sở tiếp tế, nhiều người nuôi giấu cán bộ cách mạng trong nhà, nhiều người thoát ly tham gia cách mạng...

Tháng 3-1975 là mốc thắng lợi của huyện Hoài Đức, là niềm vui của bà con Sùng Nhơn vùng tạm bị chiếm và căn cứ. Nhiều người trở về vùng đất cũ góp phần xây dựng Sùng Nhơn mạnh giàu, ấm no hạnh phúc.

Chiến tranh kết thúc, nhân dân Sùng Nhơn cùng nhân dân cả nước bắt tay vào khắc phục hậu quả chiến

tranh, xây dựng cuộc sống mới và cùng cả nước đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Tuy công việc trong giai đoạn cách mạng mới không ít khó khăn vất vả. Nhưng với dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo trong chiến tranh, dựa vào dân, có sự chỉ đạo của trên, Đảng bộ đã bước đầu thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, xây dựng Sùng Nhơn ngày càng vững bước đi lên theo con đường Xã hội chủ nghĩa.

Trong 30 năm chiến đấu và xây dựng, nhân dân Sùng Nhơn đã nêu cao truyền thống đó là :

- Đảng bộ và nhân dân mang trong lòng truyền thống yêu nước từ quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng anh dũng, kiên cường.

- Dù gian khổ, ác liệt trong chiến tranh hay khó khăn vất vả trong xây dựng Chủ nghĩa xã hội, nhân dân Sùng Nhơn vẫn tin tưởng vào Đảng, Bác Hồ.

- Nhân dân Sùng Nhơn có đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn để vươn tới đạt ước mơ của mình.

- Đảng bộ Sùng Nhơn có đội ngũ cán bộ, đảng viên được tôi luyện thử thách trong khói lửa chiến tranh, dày dặn trong lãnh đạo và đoàn kết nhất trí cao. Phát huy lớp cha anh đi trước, đội ngũ đảng viên hôm nay tiếp tục sự nghiệp lãnh đạo nhân dân vượt mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

Với truyền thống và niềm tin tưởng ấy, Đảng bộ và nhân dân Sùng Nhơn sẽ đưa công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội trên quê hương gặt hái nhiều thành công.

## PHỤ LỤC

### DANH SÁCH LIỆT SĨ XÃ SÙNG NHON

1. Đồng chí ĐOÀN CÔNG ANH
2. Đồng chí LÊ XUÂN ANH
3. Đồng chí NGUYỄN A
4. Đồng chí TRẦN ĐÌNH BỐN
5. Đồng chí NGUYỄN VĂN BEO
6. Đồng chí LIỆT SĨ BÉ
7. Đồng chí NGUYỄN TRƯỜNG CHÂU
8. Đồng chí NGUYỄN CHÈ
9. Đồng chí PHẠM ĐÌNH CÔNG
10. Đồng chí NGÔ VĂN CẢNH
11. Đồng chí LÊ CƯỜNG
12. Đồng chí ĐẶNG CANG
13. Đồng chí TRẦN VĂN CHON
14. Đồng chí DIỆP THỊ CÚC
15. Đồng chí LIỆT SĨ CÚC
16. Đồng chí NGUYỄN THANH DŨNG
17. Đồng chí PHẠM ĐẮC ĐÌNH
18. Đồng chí NGUYỄN NGỌC ĐỨC
19. Đồng chí NGÔ VĂN ĐỨC
20. Đồng chí NGUYỄN VĂN ĐIỀU

21. Đồng chí LIỆT SĨ DÍCH
22. Đồng chí LIỆT SĨ ĐẠI
23. Đồng chí NGUYỄN HUÂN
24. Đồng chí ĐÌNH HIÊN
25. Đồng chí ĐÌNH VĂN HIÊN
26. Đồng chí PHẠM THỊ HẢI
27. Đồng chí HUỲNH NGỌC HUỆ
28. Đồng chí TRẦN THỊ HỒNG
29. Đồng chí LÊ TRUNG HIẾU
30. Đồng chí TRẦN MINH HOÀNG
31. Đồng chí LÝ HOÀNG
32. Đồng chí PHAN HÂN
33. Đồng chí NGUYỄN HÂN
34. Đồng chí NGUYỄN KHUYÊN
35. Đồng chí HỒ TRUNG KỶ
36. Đồng chí NGUYỄN THỊ LANG
37. Đồng chí LIỆT SĨ MUỘI KỶ
38. Đồng chí HUỲNH LÔ
39. Đồng chí NGUYỄN LỢI
40. Đồng chí ĐÌNH THANH LIÊU
41. Đồng chí VÕ MIÊN
42. Đồng chí THÁI VĂN MINH
43. Đồng chí NGUYỄN VĂN MÁY
44. Đồng chí LÊ MỘT
45. Đồng chí NGUYỄN VIẾT MÔI

46. Đồng chí PHAN MAU
47. Đồng chí PHẠM NGÔN
48. Đồng chí ĐOÀN VĂN NĂM
49. Đồng chí NGUYỄN BÁ NHUNG
50. Đồng chí NGUYỄN NGA
51. Đồng chí LÊ HỮU NHON
52. Đồng chí TRẦN CAO PHI
53. Đồng chí LIỆT SĨ PHUỘNG
54. Đồng chí HỒ THỊ QUY
55. Đồng chí ĐÔNG VĂN QUANG
56. Đồng chí HUỲNH QUANG
57. Đồng chí TRẦN VĂN QUẢNG
58. Đồng chí NGUYỄN QUYỀN
59. Đồng chí LÊ VĂN SUNG
60. Đồng chí NGUYỄN SÔ
61. Đồng chí LÊ SÂM
62. Đồng chí NGUYỄN VĂN SÁU
63. Đồng chí TRẦN THỊ SÁU
64. Đồng chí HỒ ĐÌNH SIÊU
65. Đồng chí NGUYỄN THANH
66. Đồng chí HUỲNH THANH
67. Đồng chí LIỆT SĨ THÀNH
68. Đồng chí PHẠM TRINH
69. Đồng chí NGUYỄN VĂN TƯỜNG
70. Đồng chí NGUYỄN THỌ

71. Đồng chí NGUYỄN THƠ
72. Đồng chí NGUYỄN MINH THIẾT
73. Đồng chí NGUYỄN THANH TÚ
74. Đồng chí PHAN THU
75. Đồng chí PHAN ĐỨC THẮNG
76. Đồng chí NGUYỄN THỦY
77. Đồng chí NGUYỄN THỊ TUI
78. Đồng chí TRƯƠNG VĂN THỊNH
79. Đồng chí THÁI QUANG TRỌNG
80. Đồng chí TRƯƠNG CÔNG THUẬN
81. Đồng chí NGUYỄN THỊ THIỀU
82. Đồng chí TRẦN TA
83. Đồng chí LÊ THỊ
84. Đồng chí PHẠM PHÚ THANH
85. Đồng chí NGUYỄN TRÁNG
86. Đồng chí LIỆT SĨ TÂM
87. Đồng chí HUỖNH TẤN VANG
88. Đồng chí TRẦN LỮ VI
89. Đồng chí PHẠM HỒNG VINH
90. Đồng chí NGUYỄN THỊ XUẤT
91. Đồng chí LÊ XU
92. Đồng chí NGUYỄN CHÁNH

(Theo số liệu của Ban Thương binh - Xã hội xã tháng 10-1994)

## MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

**Chương I** : Quê hương Sùng Nhơn

**Chương II** : Nhân dân Sùng Nhơn đấu tranh giải phóng quê hương (1961 - 1965)

**Chương III** : Nhân dân Sùng Nhơn bám trụ xây dựng xã căn cứ giải phóng và đấu tranh chống địch trong khu đồn dân (1966 - 1975)

**Chương IV** : 19 năm khắc phục hậu quả chiến tranh cải tạo và xây dựng Sùng Nhơn đi lên xã hội chủ nghĩa (1975 - 1994)

**Chương V** : Sùng Nhơn, trên chặng đường 30 năm đấu tranh và xây dựng (11-1964 - 11-1994)

Phụ lục

Mục lục